

.:hsc



ẢNH HƯỞNG TÍCH CỰC



CHẶNG ĐƯỜNG 20 NĂM

Năm 2023 đánh dấu 20 năm thành lập và phát triển của HSC. Kể từ khi thành lập đến nay, HSC đã luôn đồng hành và lớn mạnh cùng sự phát triển của thị trường vốn Việt Nam. Khởi đầu với vốn điều lệ chỉ 50 tỷ đồng, đến hiện tại HSC đã khẳng định vị thế là một trong những công ty đứng đầu thị trường về doanh số, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận. Thị trường vốn Việt Nam cũng từ một thị trường sơ khai, non trẻ đến nay đã phát triển mạnh mẽ cả về quy mô và chất lượng.

“Điều mà tôi tự hào nhất trong 20 năm vừa qua là cùng nhau, chúng tôi đã xây dựng được một doanh nghiệp vững mạnh về quản trị, văn hoá doanh nghiệp và đội ngũ nhân sự. Bên cạnh đó, HSC là một trong số rất ít các công ty chứng khoán duy trì chính sách cổ tức bằng tiền mặt đều đặn qua các năm. Điều này thể hiện trách nhiệm và sự quan tâm sâu sắc của chúng tôi đến lợi ích của cổ đông. Ở chiều ngược lại, sự thành công của HSC có được là nhờ sự đồng hành và đóng góp của Quý Cổ đông.”

Trịnh Hoài Giang – CEO

HSC vẫn luôn kiên định với mục tiêu phát triển kinh doanh bền vững, không ngừng gia tăng giá trị cho khách hàng và cổ đông, trở thành một trong những định chế tài chính được ngưỡng mộ nhất, tin cậy nhất, và được đánh giá cao nhất trên thị trường, đồng thời đóng góp tích cực cho nền kinh tế và xã hội Việt Nam.

MỤC LỤC

07	THÔNG DIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC
10	TỔNG QUAN VỀ HSC
28	KẾT QUẢ KINH DOANH
32	VẬN HÀNH
33	QUẢN TRỊ RỦI RO
36	KIỂM TOÁN NỘI BỘ
38	BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
63	BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN

“ HSC sinh ra và lớn mạnh cùng với sự phát triển của thị trường vốn Việt Nam, nên góp phần xây dựng thị trường vốn, cùng nền kinh tế Việt Nam phát triển vững mạnh là sứ mệnh của HSC trong suốt chặng đường phát triển 20 năm qua và tiếp sau này. ”

Trịnh Hoài Giang, CEO

2003-2008 HÌNH THÀNH



HSC chính thức được thành lập với vốn điều lệ ban đầu 50 tỷ đồng. Đến năm 2005, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Dragon Capital Việt Nam trở thành cổ đông chiến lược của HSC. Từ năm 2005 đến 2008, vốn điều lệ của HSC tăng lên nhanh chóng, quy mô công ty mở rộng, khai trương chi nhánh Hà Nội, Trung tâm giao dịch khách hàng Cá nhân và Dịch vụ giao dịch trực tuyến.

2009-2014 CÙNG CỐ



Năm 2009, HSC mở ra một thời kỳ phát triển mới khi chính thức niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE). Kết nối trực tiếp với mạng lưới của Bloomberg và Reuters thông qua giao thức FIX (Financial Information Exchange - Trao đổi thông tin tài chính) - giao thức điện tử tiêu chuẩn quốc tế. Liên tiếp các năm sau đó, HSC đón nhận nhiều danh hiệu, giải thưởng ấn tượng và nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ban ngành.

2015-2019 TĂNG TỐC



Tham gia xây dựng và phát triển sản phẩm, soạn thảo quy định và xây dựng hệ thống giao dịch cho những sản phẩm mới như: Trái phiếu chính phủ, Hợp đồng tương lai, Chứng quyền, Chỉ số và đầu tư chỉ số

Từ năm 2018, HSC liên tiếp tổ chức thành công sự kiện Emerging Vietnam – Hội nghị nhà đầu tư thường niên, kết nối cơ hội đầu tư giữa các công ty hàng đầu Việt Nam cùng các nhà đầu tư khắp thế giới.

TỪ 2020 CHUYỂN MÌNH



Năm 2020, HSC bước sang chương mới với sự lãnh đạo của Tổng Giám đốc Trịnh Hoài Giang. Năm 2021, HSC ghi dấu ấn với việc vốn điều lệ được tăng lên 4,581 tỷ đồng.

Đến năm 2023, HSC hoàn thiện chiến lược chuyển đổi số với việc tự chủ về công nghệ và cho ra mắt nền tảng số Lotus System.



THÔNGIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi Quý Cổ đông,

Năm 2023 là năm chuyển mình tích cực của thị trường chứng khoán Việt Nam cũng như của HSC. Sau khi sụt giảm mạnh trong năm 2022, chỉ số VNIndex đã tăng 12% khi kinh tế vĩ mô cho thấy dấu hiệu cải thiện. Ngay từ đầu năm, Chính phủ đã mạnh dạn cắt giảm lãi suất điều hành để thúc đẩy tăng trưởng và thực hiện nhiều quyết sách khác nhau để hỗ trợ các khu vực kinh tế gặp khó khăn. Chính phủ còn cho thấy quyết tâm cao độ trong việc thúc đẩy tiến trình nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam. Nhiều sự kiện trong và ngoài nước đã được tổ chức nhằm tháo gỡ các vướng mắc còn lại của tiến trình nâng hạng thị trường và để giới thiệu tiềm năng của Việt Nam với cộng đồng nhà đầu tư quốc tế. HSC đã vinh dự là một trong số ít các công ty chứng khoán được đồng hành với Ủy ban Chứng khoán Việt Nam và các cơ quan chức năng tham gia vào quá trình này. Điều này thể hiện vai trò và cam kết của HSC đối với thị trường chứng khoán Việt Nam. Đội ngũ chuyên gia của chúng tôi đã tư vấn các hạng mục quan trọng bao gồm hệ thống giao dịch mới, đề xuất giải pháp cho rào cản về yêu cầu ký quỹ trước giao dịch, cũng như tiếp xúc nhà đầu tư quốc tế. Chúng tôi cho rằng cơ hội sau khi thị trường được nâng hạng là rất lớn và rất phấn khởi về vị thế của HSC trước cơ hội này.

Kết thúc năm 2023, HSC đã đạt 2,255 tỷ đồng doanh thu và 842 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế. Kết quả kinh doanh này thể hiện nỗ lực rất lớn của Ban Điều hành và tập thể nhân viên HSC trong bối cảnh thị trường nhiều biến động và thanh khoản giảm.

Trong mảng kinh doanh cốt lõi môi giới chứng khoán, tôi cho rằng cơ hội trong phân khúc nhà đầu tư cá nhân còn rất lớn do nhu cầu đầu tư để gia tăng tài sản, đặc biệt là các cá nhân có giá trị tài sản ròng lớn, trong trung và dài hạn. Trong năm 2023, HSC duy trì vị thế là một trong năm công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Chuỗi sự kiện kết nối nhà đầu tư và doanh nghiệp tiếp tục được triển khai nhằm tạo điều kiện cho các nhà đầu tư cá nhân có cơ hội tiếp xúc và tìm hiểu cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp hàng đầu. Bên cạnh đó, chúng tôi đã linh hoạt điều chỉnh các chính sách phát triển kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả công tác thu hút và chăm sóc khách hàng.

Trong phân khúc khách hàng tổ chức, từ nhiều năm qua HSC luôn là cầu nối giữa các nhà đầu tư quốc tế và thị trường tài chính Việt Nam. Hội nghị nhà đầu tư thường niên Emerging Vietnam 2023 của HSC chào đón hơn 500 đại diện từ hơn 60 công ty quản lý tài sản từ nhiều quốc gia và kết nối với hơn 40 doanh nghiệp niêm yết hàng đầu Việt Nam. Kết quả thu được là rất khả quan. Năm 2023, HSC duy trì vị trí đầu ngành với 23% thị phần trong tổng giá trị giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài.

Về mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp, HSC đã ký kết thành công nhiều giao dịch tư vấn với các doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong năm 2023, và đang thực hiện nhiều thương vụ rất lớn. Các thương vụ này dự kiến sẽ mang lại kết quả tích cực cho HSC trong năm 2024 và đưa thương hiệu HSC trong mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp lên một tầm cao mới.

Năm 2023 đánh dấu 20 năm thành lập và phát triển của HSC. Điều mà tôi tự hào nhất là cùng nhau chúng tôi đã xây dựng được một doanh nghiệp vững mạnh về quản trị, văn hoá doanh nghiệp và đội ngũ nhân sự. Bên cạnh đó, HSC là một trong số rất ít các công ty chứng khoán duy trì chính sách cổ tức bằng tiền mặt đều đặn qua các năm. Điều này thể hiện trách nhiệm và sự quan tâm sâu sắc của chúng tôi đến lợi ích của cổ đông. Ở chiều ngược lại, sự thành công của HSC có được là nhờ sự đồng hành và đóng góp của Quý Cổ đông.

Trước cơ hội lớn của thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2024 và các năm tới, tôi tự tin HSC đã có sự chuẩn bị rất tốt, cả về đội ngũ, công nghệ và nguồn vốn để chuyển hoá các cơ hội này thành giá trị cho cổ đông.

Thay mặt toàn thể đội ngũ nhân viên công ty, tôi xin chân thành cảm ơn Quý Cổ đông đã tin tưởng và hỗ trợ chúng tôi trong suốt thời gian qua và mong Quý Cổ đông tiếp tục đồng hành với HSC.

Trân trọng,



Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám Đốc



TRỊNH HOÀI GIANG
TỔNG GIÁM ĐỐC

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT

	2019	2020	2021	2022	2023
Kết quả hoạt động kinh doanh (Tỷ VND)					
Doanh thu (*)	1,262	1,592	3,368	2,854	2,255
Chi phí hoạt động (*)	731	932	1,938	1,786	1,413
Lợi nhuận trước thuế	531	660	1,430	1,068	842
Lợi nhuận sau thuế	433	530	1,147	852	674
Bảng cân đối kế toán (Tỷ VND)					
Tổng tài sản	7,489	12,489	24,369	15,447	17,911
Vốn điều lệ	3,059	3,059	4,581	4,581	4,581
Vốn chủ sở hữu	4,304	4,440	7,325	7,892	8,312
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ (triệu CP)	305.5	305.0	457.2	457.2	457.2
Cơ cấu tài sản					
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	97.4%	98.6%	99.3%	98.8%	99.0%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	2.6%	1.4%	0.7%	1.2%	1.0%
Cơ cấu nguồn vốn					
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0.7	1.8	2.3	1.0	1.2
Các chỉ tiêu lợi nhuận					
Lợi nhuận sau thuế trên vốn cổ phần trung bình (ROAE)	11.7%	12.1%	23.8%	11.2%	8.3%
Lợi nhuận trên một cổ phiếu (EPS)	1,596	1,738	3,685	1,865	1,475
Định giá					
Chỉ số giá trên lợi nhuận (P/E)	13.4	18.1	12.3	10.7	23.2
Giá trị sổ sách của cổ phiếu (BVPS) (VND)	14,088	14,557	16,022	17,261	18,180
Chỉ số thị giá trên giá sổ sách (P/B)	1.5	2.2	2.8	1.2	1.9

(*) Lãi và lỗ từ hoạt động tự doanh được bù trừ với nhau để số liệu mang tính so sánh.

TỔNG QUAN VỀ HSC



TẦM NHÌN

Trở thành một trong những định chế tài chính được ngưỡng mộ nhất, tin cậy nhất, được đánh giá cao nhất trên thị trường và đóng góp tích cực cho nền kinh tế và xã hội Việt Nam.

SỨ MỆNH

Là công ty dẫn đầu ngành chứng khoán và thị trường vốn tại Việt Nam trong những chuẩn mực về tính chuyên nghiệp, sáng tạo, sức khỏe tài chính và phát triển bền vững.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

CHÍNH TRỰC

Chúng tôi mang sự chính trực vào trong mỗi quyết định kinh doanh và hoạt động hằng ngày của công ty.

TÍCH CỰC

Chúng tôi thể hiện tinh thần tích cực, tôn trọng khi chia sẻ, tương tác với những người xung quanh.

TẬN TÂM

Chúng tôi làm việc tận tâm để cung cấp những dịch vụ tốt nhất và vượt kỳ vọng của những người xung quanh.

HỢP TÁC

Chúng tôi xây dựng những mối quan hệ hợp tác dựa trên sự tin tưởng, đồng cảm, và hỗ trợ lẫn nhau.

CHUYÊN NGHIỆP

Chúng tôi liên tục sáng tạo và nâng cao năng lực để trở thành một công ty đầu ngành trong thị trường vốn.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

MÔI GIỚI

DỊCH VỤ MÔI GIỚI

- Môi giới: Cổ phiếu, trái phiếu, phái sinh, chứng chỉ quỹ
- Tư vấn & quản lý tài khoản
- Quản lý giao dịch tiền
- Lưu ký
- Phân phối chứng chỉ quỹ
- Báo giá và quản lý sổ cổ đông cho cổ phiếu OTC
- Quản lý ủy thác
- Đại lý đấu giá IPO
- Phân phối Trái phiếu doanh nghiệp

TƯ VẤN ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

- Giao dịch ký quỹ
- Ứng trước tiền bán
- Môi giới, đấu thầu và repo trái phiếu chính phủ
- Tài trợ vốn ngắn hạn cho đấu thầu trái phiếu chính phủ

GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ

- Web trading & Mobile trading
- DMA & STP
- FIX
- OMGEO

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

- Tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp
- Tư vấn niêm yết cổ phiếu trên TTCK

TƯ VẤN MUA BÁN & SÁP NHẬP DOANH NGHIỆP (M&A)

TƯ VẤN HUY ĐỘNG VỐN TRÊN THỊ TRƯỜNG VỐN TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

- Tư vấn phát hành (đại chúng & riêng lẻ)
- Bảo lãnh phát hành
- Tư vấn thoái vốn

NGHIÊN CỨU

BÁO CÁO PHÂN TÍCH

- Vĩ mô & chiến lược
- Phân tích ngành
- Phân tích doanh nghiệp
- Phân tích kỹ thuật

HỖ TRỢ KHÁCH HÀNG

- Tư vấn trực tiếp với chuyên viên phân tích
- Tổ chức cho khách hàng đi thăm doanh nghiệp
- Tổ chức hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư cho khách hàng tại Việt Nam và nước ngoài

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

ĐẦU TƯ TỰ DOANH

- Trái phiếu
- Cổ phiếu
- Phái sinh
- Chứng quyền có bảo đảm
- Sản phẩm tài chính

TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG

DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG

GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ



ALPHA SOUTHEAST ASIA

- Nhà môi giới khách hàng tổ chức tốt nhất tại Việt Nam 2019
- Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam 2020, 2023



TRIPLE A COUNTRY AWARDS

- Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam các năm 2013, 2014, 2017, 2019, 2020, 2021
- Nhà tư vấn M&A tốt nhất Việt Nam 2014
- Công ty tư vấn tài chính tốt nhất cho khách hàng tổ chức và khách hàng doanh nghiệp 2024



ASIAMONEY

- Công ty chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2012
- Top 3 Môi giới khách hàng tổ chức tốt nhất tại Việt Nam 2014



ASIAN BANKER

- Nhà Môi giới được Quản trị Tốt nhất Khu vực Châu Á Thái Bình Dương 2014



FINANCE ASIA

- Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam 2021



HR ASIA AWARDS

- Nơi làm việc tốt nhất châu Á 2023

“ Mục tiêu của HSC là trở thành đối tác tài chính tin cậy của khách hàng.

Các giải thưởng quốc tế và trong nước là minh chứng cho chất lượng dịch vụ và vị thế cạnh tranh của HSC trên thị trường. ”

GIẢI THƯỞNG TRONG NƯỚC

TOP 50 FORBES

- Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất thị trường chứng khoán Việt Nam 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023

TOP THƯƠNG HIỆU DẪN ĐẦU

- Top 25 thương hiệu tài chính dẫn đầu 2021

TOP 50 NHỊP CẦU ĐẦU TƯ

- Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023

CUỘC BÌNH CHỌN DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT

- Báo cáo thường niên xuất sắc nhất 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019
- Top 5 doanh nghiệp niêm yết nhóm vốn hóa lớn quản trị công ty tốt nhất 2020, 2021

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

- Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động Quan hệ nhà đầu tư được các Định chế Tài chính đánh giá cao nhất 2018, 2021
- Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động IR được nhà đầu tư yêu thích nhất 2020

ANPHABE

- Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2023
- Thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn 2022

BẰNG KHEN NHÀ NƯỚC

BẰNG KHEN CỦA BỘ TÀI CHÍNH

- Bằng khen của Bộ Tài Chính Doanh nghiệp đóng góp xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán của HNX giai đoạn 2009-2014
- Doanh nghiệp đạt thành tích xuất sắc và đóng góp tích cực trong quá trình xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội 2016

BẰNG KHEN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

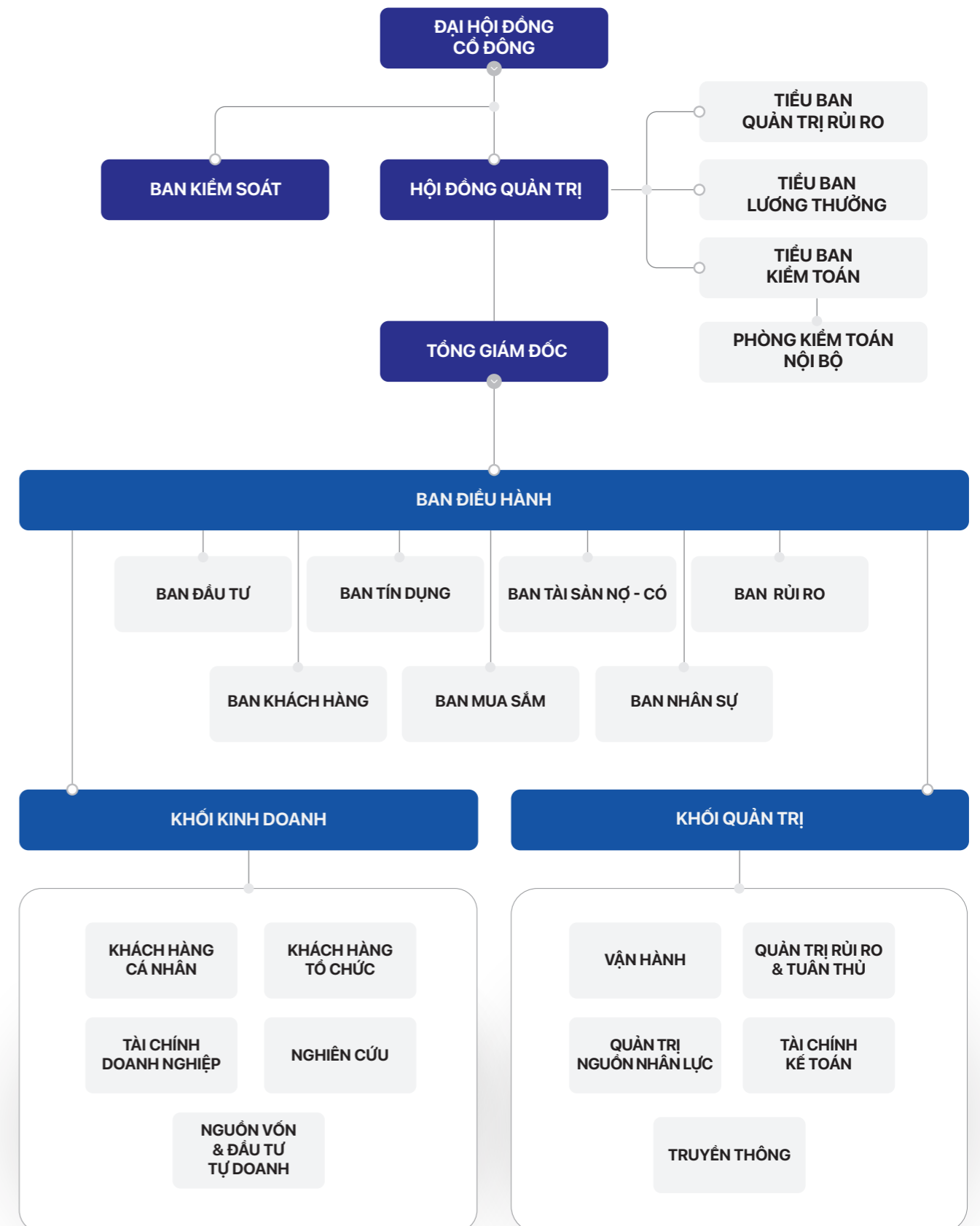
- Doanh nghiệp có thành tích nổi bật đóng góp vào sự phát triển chung của thị trường chứng khoán Việt Nam 2015

BẰNG KHEN CỦA UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Doanh nghiệp nỗ lực trong việc triển khai chương trình phát triển bền vững và các đóng góp tạo nên các giá trị lâu dài cho cổ đông
- Doanh nghiệp đạt thành tích cao trong công tác nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2019, 2021



CƠ CẤU CÔNG TY





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông JOHAN NYVENE

Chủ tịch HĐQT
Bổ nhiệm: 2021

Ông Johan Nyvene đã gắn bó hơn 13 năm tại HSC với cương vị là Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT điều hành. Ông đã có nhiều đóng góp vào sự tăng trưởng và phát triển bền vững của HSC. Trước đó, ông làm việc tại ngân hàng HSBC, nơi ông thành lập và lãnh đạo Bộ phận Dịch vụ Chứng khoán của Ngân hàng HSBC Việt Nam. Ông đã trải qua 09 năm đầu trong sự nghiệp tài chính của mình tại Ngân hàng CoreStates First Union, Mỹ.



Ông LÊ ANH MINH

Phó chủ tịch HĐQT
Thành viên HĐQT không điều hành
Bổ nhiệm: 2021

Ông Minh hiện là thành viên HĐQT và Cố vấn cấp cao của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM). Ông có bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của trường Wharton, bang Pennsylvania, Mỹ.



Ông LÊ HOÀNG ANH

Thành viên HĐQT không điều hành
Bổ nhiệm: 2021

Ông Hoàng Anh hiện là Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM) tại Hà Nội. Trước đó, ông làm việc tại Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM và Công ty NLN Trading, Hungary. Ông có bằng Tiến sĩ kinh tế.



Ông ANDREW COLIN VALLIS

Thành viên HĐQT độc lập
Bổ nhiệm: 2021

Ông Andrew có hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng. Ông hiện là thành viên HĐQT không điều hành Công ty Beta Media JSC và Beta Holdings JSC. Ông có bằng danh dự về Luật của Đại học Nottingham và là thành viên của Hiệp Hội Kế toán với PwC, London.



Bà NGUYỄN THỊ HOÀNG LAN

Thành viên HĐQT độc lập
Bổ nhiệm: 2021

Bà Lan từng là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Trước đó, bà giữ nhiều chức vụ quan trọng tại Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước (SSC). Bà có bằng Thạc sĩ Quan hệ Kinh tế Quốc tế tại Viện Kinh tế Plekhanov, Liên bang Nga.



Ông TRẦN QUỐC TỬ

Thành viên HĐQT không điều hành
Bổ nhiệm: 2021

Ông Tử là người đại diện vốn của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. HCM (HFIC). Hiện ông đang là Trưởng Phòng Pháp chế của HFIC. Ông đã có trên 12 năm làm việc tại Sở Tư pháp TP. HCM. Ông có bằng Cử nhân Luật Hành chính tại Đại học Luật TP. HCM.



Bà PHAN QUỲNH ANH

Thành viên HĐQT không điều hành
Bổ nhiệm: 2023

Bà Phan Quỳnh Anh là người đại diện vốn của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. HCM (HFIC). Bà hiện là Phó Phòng Tài chính Kế toán của HFIC. Bà có bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh theo chương trình liên kết giữa Đại học Mở và Đại học Solvay (Bi).



BAN KIỂM SOÁT



Ông PHẠM NGHIÊM XUÂN BẮC

Trưởng Ban Kiểm soát
Bổ nhiệm: 2021

Ông Bắc hiện là Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (Vision & Associates), Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cộng Hưởng. Ông có bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh và Cử nhân Luật.



Bà ĐẶNG NGUYỆT MINH

Thành viên Ban Kiểm soát
Bổ nhiệm: 2021

Bà Minh hiện đang giữ chức vụ Chuyên viên phân tích cấp cao của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Dragon Capital Việt Nam (DCVFM). Bà có bằng Cử nhân khoa Kinh tế, Quản trị kinh doanh tại Trường Coe College, Mỹ.



Ông TRẦN THÁI PHƯƠNG

Thành viên Ban Kiểm soát
Bổ nhiệm: 2023

Ông Phương hiện là Phó Phòng Quản lý và Kinh doanh vốn tại Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM (HFIC). Ông cũng là thành viên Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Công trình Cầu Phà TP.HCM. Ông có bằng Thạc sĩ Tài chính của Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.



BAN ĐIỀU HÀNH

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông TRỊNH HOÀI GIANG

Tổng Giám Đốc
Bổ nhiệm: 2020

Ông Giang đã có 13 năm giữ chức vụ Phó Tổng Giám Đốc phụ trách Đầu tư và Vận hành của HSC trước khi được bổ nhiệm làm Tổng Giám Đốc. Trước HSC, ông là Giám đốc Nghiệp vụ tại Dragon Capital Group (DCG) từ năm 2005, và đã từng công tác tại phòng Quản lý Nguồn vốn của Ngân hàng Vietcombank. Ông có nhiều đóng góp cho sự phát triển của thị trường vốn Việt Nam với vai trò Phó Chủ tịch Hiệp hội Trái phiếu Việt Nam từ năm 2010. Ông là học giả Fulbright và tốt nghiệp chương trình Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Mỹ.



Ông NGUYỄN CẢNH THỊNH

Giám đốc Điều hành
Khối Kinh doanh Khách hàng Cá nhân
Bổ nhiệm: 2019

Ông Thịnh đã gắn bó với HSC hơn 15 năm từ khi tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế - Luật. Ông đã cùng các đồng sự xây dựng Khối Khách hàng Cá nhân đạt được nhiều thành tích tích cực về doanh thu và phát triển đội ngũ nhân viên kinh doanh.



Ông LÂM HỮU HỒ

Giám đốc Điều hành
Khối Tài chính - Kế toán
Bổ nhiệm: 2020

Ông Hồ đã gắn bó với HSC hơn 15 năm. Trước khi gia nhập HSC, ông Hồ có hơn 05 năm kinh nghiệm tại Công ty Kiểm toán KPMG Việt Nam và từng giữ vị trí Trưởng phòng Kiểm toán Nội bộ - Công ty Dầu thực vật Cái Lân giai đoạn 2003 - 2007.



Ông LÊ NGUYỄN BÌNH

Giám đốc Điều hành
Khối Vận hành
Bổ nhiệm: 2020

Ông Bình nguyên là Trưởng Bộ phận Quản trị Quý của Công ty Eastspring Investments trong 15 năm. Trước đó, ông làm việc tại Tập đoàn Hóa chất Mitsui. Ông là thành viên của Tiểu ban Phát triển Thị trường của Hiệp hội Trái phiếu Việt Nam (VBMA) và Ban Soạn thảo Các chuẩn mực Báo cáo Kế toán cho Thị trường vốn do Bộ Tài chính chủ trì.



Ông PHẠM NGỌC BÍCH

Giám đốc Điều hành
Khối Tài chính doanh nghiệp
Bổ nhiệm: 2016

Ông Bích có 25 năm kinh nghiệm tại thị trường tài chính quốc tế thông qua nhiều chức vụ cao cấp tại ngân hàng Credit Lyonnais Canada, Công ty Quản lý quỹ CIBC tại Canada và Hồng Kông, Công ty Eastspring Investments và Công ty chứng khoán SSI trước khi gia nhập HSC.



Ông PETER REDHEAD

Giám đốc Điều hành
Khối Nghiên cứu
Bổ nhiệm: 2023

Ông Peter có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính. Ông từng đảm nhiệm nhiều vai trò cấp cao khác như Giám đốc Nghiên cứu tại ING Barings (Thái Lan) và Jadine Fleming Securities (Hồng Kông), Giám đốc Nghiên cứu Châu Á và Giám đốc Nghiên cứu Châu Âu tại JP Morgan. Trước HSC, ông Peter là Giám đốc Nghiên cứu Cổ phiếu toàn cầu tại Tập đoàn Macquarie.



Ông TRẦN TẤN ĐẠT

Giám đốc Điều hành
Khối Kinh doanh Khách hàng Tổ chức
Bổ nhiệm: 2024

Ông Đạt đã có 15 năm gắn bó với HSC kể từ khi tốt nghiệp chuyên ngành Quản trị Kinh doanh Quốc tế tại trường Đại học Hogeschool Zeeland. Cùng với các đồng sự, ông đã đưa Khối Khách hàng Tổ chức HSC trở thành một trong những nhà môi giới lớn nhất cho các tổ chức đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.



Bà NGUYỄN LINH LAN

Giám đốc Điều hành
Khối Quản trị Nguồn nhân lực
Bổ nhiệm: 2019

Bà Lan có hơn 25 năm kinh nghiệm và là chuyên gia trong các lĩnh vực phát triển nhân tài, Tổ chức - Vận hành và tạo lập chiến lược tại các doanh nghiệp trong nước và quốc tế như AIA, M&P International, Vận tải Sài Gòn, Vận tải Katran và Mayer Brown - Công ty tư vấn pháp luật của Mỹ.



Ông TỐNG CÔNG CƯỜNG

Giám đốc Điều hành
Khối Quản trị Rủi ro & Tuân thủ
Bổ nhiệm: 2021

Ông Cường có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực luật pháp, kiểm soát tuân thủ và quản trị rủi ro qua nhiều chức vụ tại Công ty Eastspring Investments, Ngân hàng HSBC. Ông có bằng Thạc sĩ Luật tại Đại học Nagoya, Nhật Bản và là thành viên của Đoàn Luật sư TP. HCM.



Ông LÊ ANH QUÂN

Giám đốc Điều hành
Khối Truyền thông
Bổ nhiệm: 2018

Ông Quân có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực truyền thông ở nhiều vị trí quản lý quan trọng tại Ngân hàng Techcombank, Kinh Do Group, Unilever Việt Nam và Công ty Walt Disney tại Los Angeles, California. Ông Quân có bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại trường đại học UCLA.

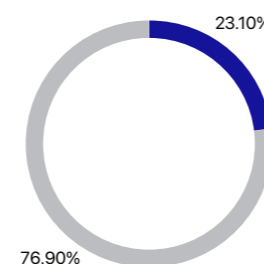
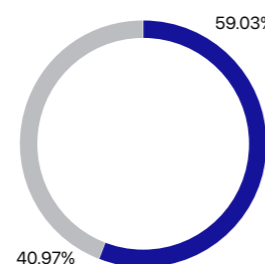
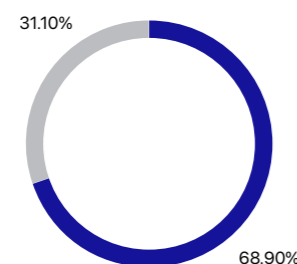
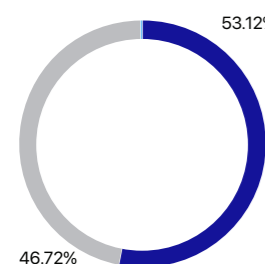
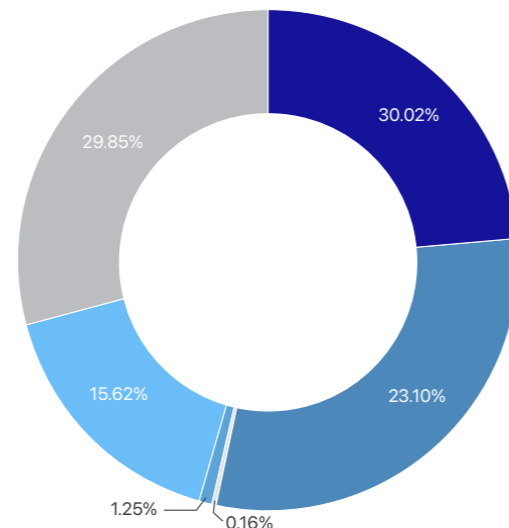
THÔNG TIN VỀ CỔ PHẦN VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CỔ PHẦN

TỔNG SỐ CỔ PHẦN	526,632,298 CỔ PHẦN
SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU QUỸ	840,418 CỔ PHẦN
SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH	525,791,880 CỔ PHẦN
▲ Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	525,791,880 CỔ PHẦN
▲ Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	0 CỔ PHẦN

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

- Dragon Capital
- HFIC
- Cổ phiếu quỹ
- Cổ đông tổ chức
- Cổ đông cá nhân
- Cổ đông nội bộ



- Cổ đông lớn
- Cổ đông nhỏ
- Cổ đông tổ chức
- Cổ đông cá nhân
- Cổ đông trong nước
- Cổ đông nước ngoài
- Cổ đông Nhà nước
- Cổ đông khác
- Cổ phiếu quỹ

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2023.

LỊCH SỬ TĂNG VỐN CỔ PHẦN

Công ty đã thực hiện 09 đợt tăng vốn từ ngày thành lập cho đến nay.

STT	Thời điểm tăng vốn	Giá trị sau khi tăng vốn (tỷ VND)	Giá trị tăng trong kỳ (tỷ VND)	Ghi chú
00	04/2003	50	0	Vốn điều lệ ban đầu
01	10/2006	100	50	Chào bán cho cổ đông hiện hữu Chào bán cho cán bộ nhân viên
02	09/2007	200	100	Chào bán cho cổ đông hiện hữu Chào bán riêng lẻ cho cổ đông chiến lược
03	06/2008	394,634	194,634	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu Chào bán cho cổ đông hiện hữu Chào bán cho cán bộ nhân viên Chào bán riêng lẻ
04	06/2010	599,996	205,362	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu Chào bán cho cán bộ nhân viên
05	05/2012	1,008,486	408,489	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu Chào bán cho cán bộ nhân viên
06	12/2013	1,272,567	264,081	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu Chào bán cho cán bộ nhân viên
07	03/2017	1,297,567	25	Chào bán cho cán bộ nhân viên
08	09/2019	3,058,822	1,761,255	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu Chào bán cho cổ đông hiện hữu
09	12/2021	4,580,523	1,521,701	Chào bán cho cổ đông hiện hữu

KẾT QUẢ KINH DOANH

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Kinh tế Việt Nam ổn định hơn và dần hồi phục trong năm 2023 sau khi trải qua nhiều khó khăn trong năm 2022 chủ yếu do biến động lớn trên thị trường tiền tệ và khủng hoảng trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp. Trong nửa đầu năm 2023, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã mua vào khoảng 6 tỷ USD và vì vậy đã bơm một lượng lớn tiền Đồng vào nền kinh tế. Bên cạnh đó, NHNN đã cắt giảm lãi suất điều hành trong 4 lần liên tiếp để đưa lãi suất điều hành về mức gần như thấp nhất trong nhiều năm qua nhằm hỗ trợ tăng trưởng. Với các yếu tố này, các ngân hàng thương mại đã dần điều chỉnh giảm lãi suất huy động và sau đó là lãi suất cho vay. Vào thời điểm cuối năm 2023, lãi suất huy động của các ngân hàng lớn đang ở mức thấp nhất trong nhiều năm. Trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp, Chính phủ đã ban hành Nghị định 08/2023 sửa đổi Nghị định 65/2022 cho phép tổ chức phát hành trái phiếu thỏa thuận với trái chủ về việc kéo dài kỳ hạn trái phiếu và từ đó giúp giảm áp lực trả gốc trái phiếu cho các doanh nghiệp gặp khó khăn về dòng tiền và ổn định tâm lý nhà đầu tư. Chính sách đẩy mạnh đầu tư công của Chính phủ, sự hồi phục mạnh mẽ của ngành du lịch và mức tăng trưởng tốt của vốn đầu tư FDI là các động lực tăng trưởng kinh tế quan trọng khác trong năm vừa qua.

Thị trường chứng khoán Việt Nam hồi phục khả quan trong năm 2023 khi định giá cổ phiếu ở mức hấp dẫn sau khi thị trường giảm mạnh trong năm trước và kinh tế vĩ mô có nhiều chuyển biến tích cực. Chỉ số VNIndex tăng 12% trong năm 2023, tốt hơn nhiều so với mức giảm 33% trong năm trước đó. Kết quả này cũng vượt trội so với các chỉ số chứng khoán chính của các nước trong khu vực Đông Nam Á.

Về giá trị giao dịch, trong cả năm 2023, giá trị giao dịch trung bình ngày trên cả ba sàn chứng khoán giảm 13% so với cùng kỳ về mức 17.6 nghìn tỷ đồng. Số dư hoạt động cho vay ký quỹ tại thời điểm cuối năm 2023 đạt khoảng 172 nghìn tỷ đồng, tăng mạnh so với mức 114 nghìn tỷ đồng vào thời điểm đầu năm. Điều cần lưu ý là số dư cho vay ký quỹ vào thời điểm cuối quý 4/2022 giảm mạnh so với các quý trước đó do diễn biến không khả quan của thị trường chứng khoán trong giai đoạn cuối năm 2022. Số dư cho vay ký quỹ bình quân quý (tính toán dựa trên số liệu cuối quý) trong năm 2023 giảm 2% so với năm 2022.

Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng 943.7 triệu USD cổ phiếu Việt Nam trong năm 2023. Giá trị giao dịch của các nhà đầu tư nước ngoài chiếm 7.8% trong tổng giá trị giao dịch của toàn thị trường, tăng so với mức 7.4% trong năm 2022.

Giá trị giao dịch thị trường cổ phiếu (ngàn tỷ VND)	Năm 2023	Năm 2022	% Thay đổi
Giá trị giao dịch toàn thị trường	4,381	5,021	-13%
Giá trị giao dịch bình quân ngày	17.6	20.2	-13%
Giá trị giao dịch của nhà đầu tư trong nước	8,079	9,294	-13%
% toàn thị trường	92.2%	92.6%	-
Giá trị giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài	683	748	-9%
% toàn thị trường	7.8%	7.4%	-

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA HSC

Trong năm 2023, HSC đạt 2,255 tỷ đồng doanh thu, giảm 21% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù thị trường chứng khoán hồi phục và tăng điểm nhưng giá trị giao dịch của thị trường và nhu cầu vay ký quỹ của nhà đầu tư đều giảm so với năm 2022. Điều này ảnh hưởng đến hai mảng kinh doanh chính của HSC là dịch vụ môi giới chứng khoán và cho vay ký quỹ.

Chi phí hoạt động được kiểm soát tốt, giảm 21% so với cùng kỳ. Tỷ lệ chi phí trên doanh thu được giữ ổn định ở mức gần 63%. Kết thúc năm 2023, HSC đạt 842 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, giảm gần 21% so với cùng kỳ.

Thu nhập trên cổ phần (EPS) đạt 1,475 đồng, giảm 21% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trên vốn (ROAE) đạt 8.3%, thấp hơn mức 11.2% của năm 2022. EPS và ROAE giảm do lợi nhuận giảm so với cùng kỳ.

2,255

TỶ ĐỒNG

DOANH THU 2023

842

TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Kết quả kinh doanh (tỷ VND)	Năm 2023	Năm 2022	% Thay đổi	% Kế hoạch 2023
Doanh thu (*)	2,255	2,854	-21%	96%
Chi phí hoạt động (*)	1,413	1,786	-21%	98%
Lợi nhuận trước thuế	842	1,068	-21%	93%
Lợi nhuận sau thuế	674	852	-21%	94%
Thu nhập/Vốn cổ phần trung bình (ROAE)	8.3%	11.2%		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (CP)	457,211,949	457,211,949	0%	
Thu nhập trên 1 cổ phiếu (EPS) (VND)	1,475	1,865	-21%	
Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu (VND)	18,180	17,261	5%	

(*) Lãi và lỗ từ hoạt động tự doanh được bù trừ với nhau để số liệu mang tính so sánh

Dịch vụ Môi giới Chứng khoán

Doanh thu phí môi giới (tỷ VND)	Năm 2023	Năm 2022	% Thay đổi	% Kế hoạch 2023
Doanh thu phí môi giới khách hàng cá nhân	395	568	-30%	141%
Doanh thu phí môi giới khách hàng tổ chức	277	313	-12%	115%
Tổng doanh thu phí môi giới	672	882	-24%	135%

Dịch vụ môi giới chứng khoán vẫn là mảng kinh doanh chủ chốt của HSC. Doanh thu phí môi giới đạt 672 tỷ đồng, giảm 24% so với cùng kỳ và chiếm 30% tổng doanh thu năm 2023 (2022: 31%). Tổng giá trị giao dịch toàn thị trường trong năm 2023 giảm so với cùng kỳ và do đó ảnh hưởng đến doanh thu phí môi giới của HSC.

▲ Môi giới khách hàng cá nhân đạt 395 tỷ đồng doanh thu phí, giảm 30% so với năm 2022. Nguyên nhân chủ yếu do sự sụt giảm về thanh khoản của thị trường và sự cạnh tranh trong hoạt động môi giới trong ngành ngày càng lớn. Tuy vậy, HSC vẫn duy trì vị thế của mình là một trong 5 công ty có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) trong năm 2023, đặc biệt ở phân khúc khách hàng lớn nhờ vào các lợi thế như đội ngũ chuyên viên môi giới chuyên nghiệp, chất lượng dịch vụ cao và khả năng cho vay ký quỹ lớn.

▲ Môi giới khách hàng tổ chức của HSC đạt 277 tỷ đồng doanh thu phí, giảm 12% so với năm 2022. HSC khẳng định vị thế hàng đầu trong phân khúc nhà đầu tư nước ngoài với mức thị phần cao 23% trong tổng giá trị giao dịch của khối ngoại. Với hệ thống giao dịch hiện đại được kết nối với các mạng giao dịch quốc tế cùng đội ngũ môi giới giàu kinh nghiệm, Khối Khách hàng Tổ chức HSC trong năm qua tích cực hỗ trợ khách hàng thực hiện thành công nhiều thương vụ giao dịch lô lớn các cổ phiếu blue-chip bị giới hạn về tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Hoạt động Nghiên cứu/Phân tích của HSC luôn được đánh giá cao với đội ngũ phân tích chất lượng cao, cung cấp các thông tin toàn diện về vĩ mô & chiến lược, phân tích ngành, phân tích doanh nghiệp và phân tích kỹ thuật. Hệ thống báo cáo phân tích và dữ liệu cổ phiếu dành riêng cho khách hàng tổ chức liên tục được nâng cấp với ứng dụng từ nhà cung cấp hàng đầu thế giới (Factset) giúp khách hàng tiếp cận thông tin một cách thuận tiện.

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA HSC (tiếp theo)

Cho vay Ký quỹ

Hoạt động cho vay ký quỹ của HSC hồi phục qua các quý của năm 2023 khi tâm lý nhà đầu tư trở nên lạc quan hơn và thị trường tăng điểm. Số dư cho vay ký quỹ của HSC tại thời điểm cuối năm 2023 đạt 12,135 tỷ đồng, tăng mạnh 64% so với thời điểm cuối năm 2022 và chiếm khoảng 7% dư nợ cho vay toàn thị trường. Doanh thu lãi cho vay ký quỹ giảm 16% so với cùng kỳ, đạt 1,066 tỷ đồng. Cho vay ký quỹ vẫn là mảng kinh doanh đóng góp nhiều nhất vào tổng doanh thu của HSC trong năm 2023 với tỷ trọng 47% (2022: 45%).

HSC duy trì quan điểm thận trọng trong hoạt động cho vay ký quỹ và thường xuyên đánh giá rủi ro các mã chứng khoán trong danh mục cho vay. Danh mục cho vay của HSC hiện nay chỉ bao gồm hơn 100 mã cổ phiếu có vốn hóa lớn, có thanh khoản cao và của các công ty có nền tảng cơ bản tốt.

Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp

Hoạt động Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp ghi nhận 22 tỷ đồng doanh thu trong năm 2023, giảm 59% so với cùng kỳ. Điểm tích cực là trong năm vừa qua, đội ngũ HSC đã hoàn thành một số thương vụ tiêu biểu cũng như ký kết thành công nhiều giao dịch có giá trị lớn. Mặc dù các giao dịch này chưa được hoàn thành vào thời điểm cuối năm 2023 nhưng hứa hẹn sẽ đem lại doanh thu tốt trong năm 2024.

Đầu tư và Kinh doanh Nguồn vốn

Hoạt động tự doanh của HSC chủ yếu tập trung vào hoạt động tạo lập thị trường cho các quỹ chỉ số ETF và tạo lập thị trường cho chứng quyền có đảm bảo. Đây là hai mảng kinh doanh có mức độ rủi ro thấp nhưng có tiềm năng tạo ra mức sinh lời hấp dẫn. Trong năm 2023, hoạt động tự doanh của HSC đạt kết quả khả quan với 473 tỷ đồng doanh thu.

Hoạt động kinh doanh nguồn vốn, với mục tiêu an toàn vốn và đảm bảo thanh khoản tại mọi thời điểm, được triển khai khá hiệu quả trong năm 2023: đa dạng hóa nguồn vốn mà vẫn đảm bảo tính hiệu quả về chi phí vốn, hỗ trợ vốn kịp thời và liên tục cho hoạt động kinh doanh. Phục vụ tốt nhất nhu cầu về vốn của khách hàng luôn là ưu tiên hàng đầu trong hoạt động điều hành nguồn vốn tại HSC.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Bảng cân đối kế toán (tỷ VND)	31/12/2023	31/12/2022	% Thay đổi
Tài sản ngắn hạn	17,728	15,262	16%
Tiền và các khoản tương đương tiền	2,825	5,641	-50%
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	2,222	1,424	56%
Các khoản cho vay	12,135	7,379	64%
Các khoản phải thu khác	363	752	-52%
Tài sản ngắn hạn khác	183	66	176%
Tài sản dài hạn	182	184	-1%
Tổng tài sản	17,911	15,447	16%
Nợ phải trả	9,599	7,555	27%
Tiền vay ngắn hạn	9,160	6,938	32%
Nợ phải trả khác	438	617	-29%
Vốn chủ sở hữu	8,312	7,892	5%
Tổng nguồn vốn	17,911	15,447	16%

Tổng tài sản tại thời điểm cuối năm 2023 đạt 17,911 tỷ đồng, tăng 16% so với cuối năm 2022. Các tài sản chính trong cơ cấu tài sản là cho vay ký quỹ, tiền gửi đảm bảo thanh toán và các tài sản tài chính.

Do nhu cầu vay ký quỹ tăng, đặc biệt là trong quý cuối cùng của năm 2023, HSC đã chủ động tăng dư nợ vay ngắn hạn để đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Do đó, hệ số đòn bẩy cuối năm 2023 tăng lên mức 1.2 lần từ mức 1.0 lần vào thời điểm cuối năm 2022.

Kết thúc năm 2023, HSC được vinh danh là "Công ty tư vấn tài chính tốt nhất cho khách hàng tổ chức và khách hàng doanh nghiệp" trong khuôn khổ giải thưởng The Asset Triple A Sustainable Finance Awards 2024. Tại giải thưởng năm nay, The Asset đánh giá cao những thương vụ tư vấn và năng lực môi giới mà HSC đã thực hiện, không chỉ về giá trị thương vụ mà còn về tầm nhìn chiến lược, khả năng đàm phán cũng như những giá trị mang lại cho doanh nghiệp và cộng đồng. HSC đã chứng minh được năng lực triển khai và thực hiện giao dịch ở tầm quốc tế thông qua việc hoàn thành các thương vụ lớn với các khách hàng tổ chức và khách hàng doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau như Tài chính - Ngân hàng, Bất động sản, Tiêu dùng, Sản xuất và Y tế,... Giải thưởng "Công ty tư vấn tài chính tốt nhất cho khách hàng tổ chức và khách hàng doanh nghiệp 2024" đã khẳng định uy tín và vị thế của HSC trong hoạt động Tư vấn tài chính nói riêng và trong thị trường tài chính nói chung.

VẬN HÀNH

Kiên định với chiến lược kinh doanh “lấy khách hàng làm trung tâm”, HSC tạo dựng niềm tin với khách hàng thông qua việc cung cấp những sản phẩm, dịch vụ tài chính tốt nhất, góp phần gia tăng giá trị tài sản cho khách hàng.

Về công nghệ, nhằm xây dựng cơ sở phát triển dài hạn, đảm bảo tăng trưởng bền vững, HSC chủ động phát triển các nền tảng công nghệ tự chủ từ khâu thiết kế - xây dựng - vận hành. Năm 2023, Khối Vận hành đạt được kết quả nổi bật khi xây dựng được đội ngũ nhân sự cơ hữu nắm giữ các vai trò chủ chốt cho việc phát triển nền tảng số, không phụ thuộc vào các nhà cung cấp, liên tục và chủ động thiết kế các sản phẩm dịch vụ kịp thời nhu cầu của thị trường, đảm bảo đúng thời điểm, đáp ứng nhu cầu đa dạng của các phòng ban kinh doanh và nhà đầu tư. Đồng thời, HSC cũng đẩy mạnh số hóa, hiện đại hóa cơ sở hạ tầng công nghệ qua đó đẩy nhanh tốc độ đổi mới và gia tăng trải nghiệm khách hàng. Từ một nền tảng chỉ phục vụ nhu cầu giao dịch, HSC đã nâng cấp, cập nhật thêm nhiều tính năng, phục vụ nhu cầu đa dạng của từng nhóm khách hàng.

HSC xác định 05 trụ cột chính trong việc phát triển hệ sinh thái công nghệ bao gồm:

1.	Phát triển cơ sở hạ tầng đáp ứng tất cả các nhu cầu quản lý của nội bộ công ty và khách hàng, đảm bảo tính an toàn, bảo mật và tiện lợi.
2.	Hoàn thiện, chuẩn hóa chất lượng dữ liệu. HSC sẽ xây dựng cơ sở dữ liệu khách hàng, sử dụng dữ liệu có chất lượng nhằm phát triển sản phẩm dịch vụ đáp ứng nhu cầu của từng nhà đầu tư riêng lẻ.
3.	Xây dựng lại hệ thống giao dịch theo định hướng dịch vụ, sản phẩm, đáp ứng đầy đủ và đa dạng nhu cầu của các nhóm khách hàng, đặc biệt là khách hàng siêu giàu (high net worth).
4.	Phát triển đội ngũ R&D để nghiên cứu thị trường trong nước và các thị trường phát triển nhằm xây dựng các giải pháp phù hợp cho Việt Nam, trong đó có non-prefunding (giao dịch không yêu cầu ký quỹ trước với nhà đầu tư nước ngoài), cải tiến một số quy trình hoạt động về IPO.
5.	Định hướng lại hệ thống sale và marketing, hỗ trợ các nhu cầu giao dịch của khách hàng dựa trên cơ sở dữ liệu phân tích hành vi khách hàng với hệ thống hoàn toàn tự động.

Năm 2024, HSC vẫn sẽ tiếp tục nâng cao năng lực của đội ngũ kế thừa cơ hữu để có thể liên tục phát triển các sản phẩm dịch vụ, tiến tới không còn phụ thuộc các đơn vị cung cấp dịch vụ bên ngoài. Toàn bộ hệ thống sản phẩm dịch vụ này sẽ được HSC bảo đảm trong một hệ vận hành an toàn, tính bảo mật cao được HSC đặt lên hàng đầu. HSC tiếp tục đầu tư vào quản trị an ninh thông tin trên toàn bộ hệ thống thông qua việc thực hiện rà soát kiến trúc bảo mật, cập nhật liên tục các sự kiện xảy ra trong toàn bộ hệ thống để đảm bảo phát hiện các hành vi bất thường và thực hiện các tiêu chuẩn an toàn thông tin ISO 27001:2022 thay cho phiên bản 2013.

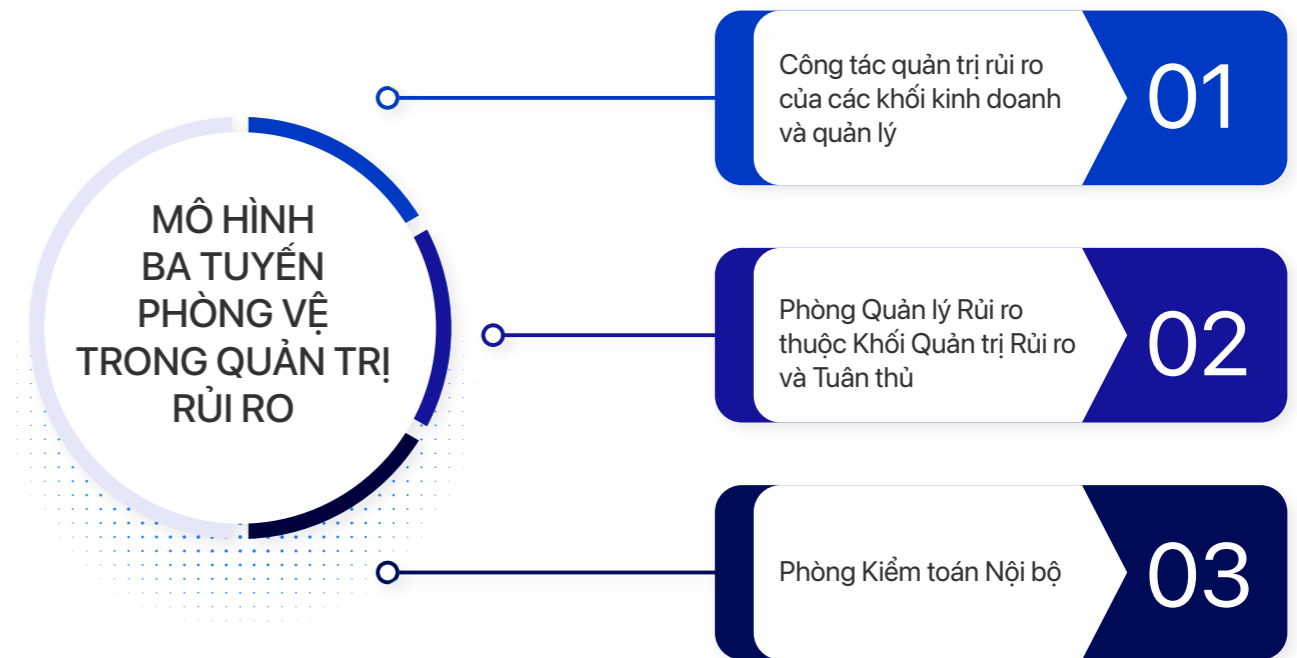
Trong 20 năm qua HSC đã luôn đồng hành cùng sự phát triển thị của trường vốn, tích cực tham gia cùng cơ quan quản lý xây dựng và đưa các sản phẩm dịch vụ mới, chất lượng cao vào vận hành trên thị trường. Những sản phẩm mang đậm dấu ấn của HSC như sản phẩm quỹ hoán đổi danh mục (ETF), chứng quyền, sản phẩm phái sinh. Điển hình, HSC là một trong những thành viên tạo lập quỹ (Authorized Participant) và tạo lập thị trường (Market Maker) dẫn đầu cho hai quỹ hoán đổi nội địa (ETF) ở Việt Nam, quỹ ETF VFMVN30 và quỹ ETF VFMVN DIAMOND.

HSC thường xuyên tham gia kiến nghị, cùng với cơ quan quản lý xây dựng hệ thống pháp lý, khung pháp lý cho các sản phẩm dịch vụ, tạo cơ sở nền tảng để sản phẩm có thể đi vào vận hành theo chuẩn hóa của thông lệ quốc tế. Ngoài ra HSC còn đồng hành cùng các cơ quan quản lý trong các sự kiện tham quan, học hỏi những thị trường phát triển.

Trong năm 2024 và 2025, để thực hiện mục tiêu nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam từ thị trường cận biên trở thành thị trường mới nổi, thu hút khoảng 10 tỷ USD vốn đầu tư gián tiếp từ nhà đầu tư nước ngoài mỗi năm, theo chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ, và UBCKNN, HSC cũng sẽ tiếp tục tham gia cùng cơ quan quản lý xây dựng giải pháp phù hợp cho: (i) mô hình giao dịch không yêu cầu ký quỹ trước với nhà đầu tư nước ngoài (non-prefunding), (ii) minh bạch công bố thông tin, (iii) các giải pháp tháo gỡ hạn chế sở hữu đối với nhà đầu tư nước ngoài, (iv) phát hành lần đầu ra đại chúng (IPO).

QUẢN TRỊ RỦI RO

Khối Quản trị Rủi ro và Tuân thủ (GRC) phụ trách giám sát công tác quản trị rủi ro và tuân thủ của HSC, là tuyến thứ hai trong mô hình ba tuyến phòng vệ đang được áp dụng tại HSC. Khối bao gồm 03 phòng trực thuộc là Phòng Quản lý Rủi ro, Phòng Kiểm soát Nội bộ & Tuân thủ và Phòng Pháp chế.



Theo mô hình này, tất cả các khối kinh doanh và khối quản lý có trách nhiệm xác định, đánh giá, theo dõi và xử lý một cách hiệu quả các rủi ro trọng yếu trong hoạt động kinh doanh hàng ngày, đồng thời phải đáp ứng đầy đủ nghĩa vụ tuân thủ tại mọi thời điểm thông qua việc xây dựng, theo dõi và cập nhật bộ danh mục rủi ro của từng khối. Khối GRC và phòng Kiểm toán Nội bộ tiến hành kiểm tra, giám sát định kỳ và thường xuyên để đảm bảo các chính sách quản trị rủi ro của các khối được thiết kế và vận hành hiệu quả.

Năm 2023, với định hướng phát triển thị trường chứng khoán ngày càng minh bạch, các cơ quan quản lý đã tăng cường giám sát tính tuân thủ của các công ty chứng khoán. Với sự chỉ đạo, chiến lược rõ ràng từ Ban Lãnh đạo, văn hoá tuân thủ và mô hình ba tuyến quản trị rủi ro, HSC đã áp dụng các giải pháp linh hoạt trong kinh doanh và tiếp tục tăng cường công tác quản trị rủi ro. Nhờ đó, trong năm 2023, HSC quản trị hiệu quả các rủi ro trong kinh doanh, đặc biệt là không để phát sinh nợ xấu từ hoạt động cho vay ký quỹ và tiếp tục cung cấp cho khách hàng các dịch vụ và giải pháp đầu tư ổn định, an toàn và hiệu quả, từ đó góp phần vào kết quả kinh doanh khả quan của công ty.

QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG NĂM 2023

Xây dựng chính sách, quy trình và đào tạo

Trong năm 2023, khối GRC đã xây dựng, cập nhật, sửa đổi, bổ sung một số chính sách và quy trình quan trọng bao gồm Chính sách mua sắm; Chính sách bảo mật thông tin và giao dịch cá nhân; Chính sách và quy trình phòng, chống rửa tiền và Quy trình tư vấn, rà soát và duyệt văn bản. Bên cạnh đó, khối GRC cũng đã phối hợp với các khối và phòng ban khác để xây dựng, cập nhật, sửa đổi, bổ sung các chính sách và quy trình nghiệp vụ.

Nhằm nâng cao nhận thức về hoạt động kiểm soát, quản lý rủi ro và tuân thủ của đội ngũ nhân viên, khối GRC đã triển khai các khóa đào tạo rủi ro và tuân thủ như quản trị rủi ro, quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp, phòng chống rửa tiền, công bố thông tin, bảo mật thông tin và giao dịch cá nhân.

Xây dựng danh mục rủi ro

Trên cơ sở bộ danh mục rủi ro trọng yếu, khối GRC tiếp tục phối hợp với các khối để tiến hành rà soát, đánh giá chuyên sâu và cập nhật thường xuyên định kỳ các rủi ro. Theo dõi chặt chẽ và đôn đốc các bộ phận hoàn thành kịp thời các đầu mục công việc cần làm nhằm ngăn chặn và kiểm soát rủi ro, đặc biệt đối với các rủi ro trọng yếu liên quan đến thông tin khách hàng, quản lý khách hàng, kiểm soát tài chính và thu hồi nợ.

Hoạt động kiểm tra, giám sát tuân thủ và phòng ngừa rủi ro

Một trong những hoạt động chủ yếu của Khối GRC là hoạt động kiểm tra và giám sát, cả tiền và hậu kiểm, việc tuân thủ quy định pháp luật, chính sách, quy trình của các bộ phận nhằm kịp thời phát hiện sai sót, chấn chỉnh hoạt động và phòng ngừa các rủi ro hoạt động bao gồm rủi ro nghiệp vụ.

Trong năm 2023, Khối GRC đã thực hiện nhiều đợt kiểm tra định kỳ (tháng, quý, bán niên, thường niên) hoạt động của các khối và bộ phận. Các nội dung kiểm tra, giám sát được tập trung vào việc tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan cũng như tuân thủ chính sách, quy trình, quy chế nội bộ của công ty. Các vi phạm, sai sót được đánh giá ở mức độ rủi ro cao và trung bình sẽ được báo cáo định kỳ hàng tháng lên Ban rủi ro và Tiểu ban Quản trị rủi ro trực thuộc Hội đồng Quản trị (HĐQT), báo cáo hàng quý lên HĐQT cho đến khi sai phạm được khắc phục và các biện pháp tăng cường kiểm soát phù hợp được thiết kế và áp dụng.

Hoạt động tư vấn pháp lý, tư vấn tuân thủ

Trong năm 2023, khối GRC thực hiện hơn 700 công việc tư vấn bao gồm tư vấn, hỗ trợ các phòng ban trong việc thực thi quy định pháp luật, hỗ trợ và cho ý kiến đánh giá pháp lý về các sản phẩm mới. HSC hiện đang là thành viên tích cực của dự án nâng hạng thị trường, xây dựng giải pháp bãi bỏ cơ chế ký quỹ trước giao dịch đối với nhà đầu tư nước ngoài. Ngoài ra, khối GRC còn tham gia góp ý về các văn bản liên quan đến việc tổ chức thị trường trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ và cơ sở dữ liệu người hành nghề chứng khoán.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA KHỐI GRC TRONG NĂM 2024

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các chính sách và quy trình

Trong năm 2024, khối GRC tiếp tục hỗ trợ các phòng ban thể chế hóa chính sách và quy trình của công ty, hướng đến tiêu chí "không có khác biệt với pháp luật" trong soạn thảo và thực hiện các chính sách nội bộ của công ty nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như các chuẩn mực tốt nhất của thị trường.

Từ góc độ quản trị rủi ro và tuân thủ, khối GRC chú trọng các mục tiêu:

- ▲ Nâng cao tiêu chuẩn hành nghề: đạo đức nghề nghiệp, xung đột lợi ích, giao dịch cá nhân, phân quyền, phân nhiệm.
- ▲ Tăng cường chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng: đặt lợi ích của khách hàng lên hàng đầu, chỉ cung cấp các sản phẩm và dịch vụ được pháp luật cho phép.
- ▲ Phòng ngừa tội phạm tài chính: nghiên cứu soạn thảo và đề xuất áp dụng các chính sách như quà tặng, phòng chống tham nhũng, hối lộ, gian lận, xử lý tố cáo vi phạm trong nội bộ. Một trong những hoạt động kiểm soát tuân thủ mà khối GRC chú trọng tăng cường trong thời gian tới là hoạt động phòng và chống rửa tiền (AML). Dự án này dự kiến sẽ hoàn thành vào quý 2/2024.

Tăng cường kiểm tra, giám sát tuân thủ, phòng ngừa rủi ro

Khối GRC sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát tuân thủ và phòng ngừa rủi ro đối với hoạt động của các bộ phận quản lý và kinh doanh của công ty theo quy trình 4 bước: xác định rủi ro, đánh giá rủi ro, xử lý rủi ro và theo dõi rủi ro. Tích hợp các tiêu chuẩn trong quản lý rủi ro như COSO, BASEL, ESG, áp dụng nhất quán, xuyên suốt văn hóa kiểm soát rủi ro và tuân thủ trong công ty.

Tăng cường tư vấn, nâng cao kiến thức pháp luật

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tư vấn pháp luật, hỗ trợ pháp lý cho các khối phòng ban nhằm nâng cao năng lực kiểm soát và quản trị rủi ro ở cấp nghiệp vụ. Bên cạnh đó, khối GRC sẽ thực hiện đánh giá tác động và triển khai áp dụng các văn bản pháp luật mới trong hoạt động kinh doanh của HSC, tăng cường tư vấn hỗ trợ khối kinh doanh phát triển các sản phẩm mới phù hợp với yêu cầu, quy định của các văn bản pháp luật trọng yếu. Tiếp tục xây dựng bản tin về tuân thủ, truyền tải văn hóa quản lý rủi ro đến toàn thể nhân viên HSC.

KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Tại HSC, chức năng kiểm toán nội bộ hoạt động ở tuyến phòng thủ thứ ba và bộ phận Kiểm toán Nội bộ (KTNB) có trách nhiệm báo cáo trực tiếp cho Tiểu ban Kiểm toán (TBKT) trực thuộc HĐQT. Để đảm bảo tính độc lập và phát huy tối đa hiệu quả của chức năng kiểm toán nội bộ, bộ phận KTNB hoạt động độc lập với Ban Điều hành (BDH) công ty. Hoạt động kiểm toán nội bộ của HSC luôn độc lập với các hoạt động điều hành và các kiểm toán viên nội bộ không kiêm nhiệm bất kỳ chức vụ nào khác trong công ty. Kế hoạch kiểm toán nội bộ được trình HĐQT xem xét, phê duyệt và kết quả kiểm toán nội bộ được báo cáo cho TBKT trực thuộc HĐQT của công ty.

Năm 2023, KTNB đã thực hiện kiểm toán chuyên đề nhằm cung cấp các đánh giá độc lập về tính hiệu quả về thiết kế và vận hành của các biện pháp kiểm soát chính xoay quanh một số quy trình hoạt động của HSC theo đúng chương trình kiểm toán đã được HĐQT phê duyệt. Kết luận của KTNB là không có thiếu sót nào có ảnh hưởng trọng yếu cần phải lưu ý đối với quy trình hoạt động đã kiểm toán.

Theo từng thời kỳ, vai trò của KTNB trong cơ cấu tổ chức quản lý của HSC luôn được điều chỉnh sao cho phù hợp với mô hình hoạt động, định hướng kinh doanh của công ty, cũng như kỳ vọng từ các bên có liên quan.

Trong năm 2023, Kiểm toán nội bộ đã đạt được vị thế “Chủ động” trong các hoạt động của bộ phận:

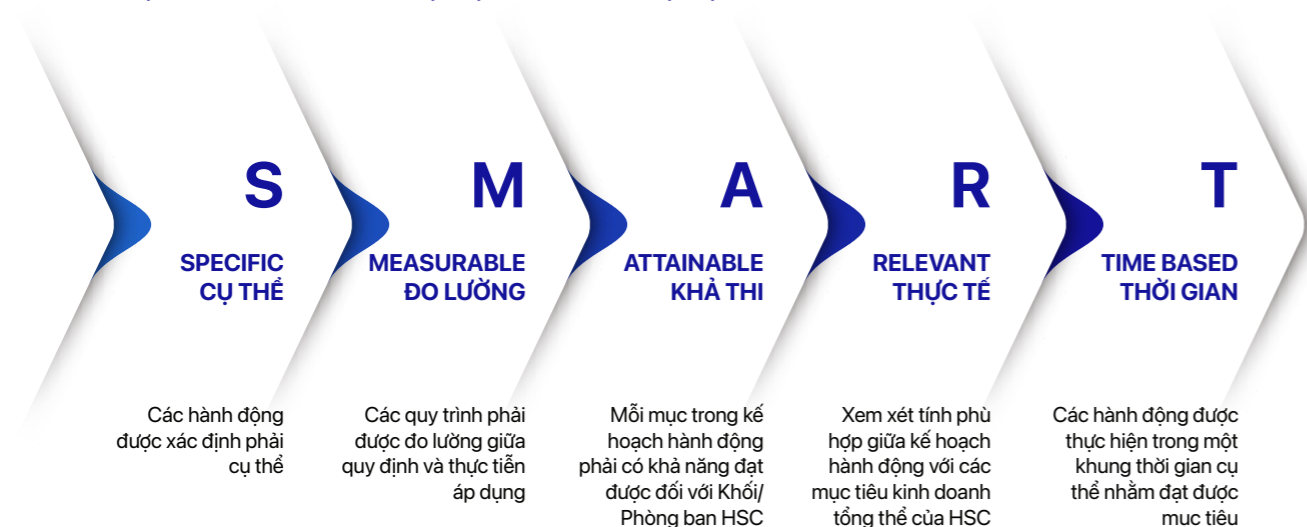
- ▲ Hỗ trợ Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành.
- ▲ Đánh giá rủi ro một cách có hệ thống.
- ▲ Xây dựng chiến lược kiểm toán nội bộ phù hợp với chiến lược và mục tiêu của HSC.
- ▲ Cung cấp dịch vụ tư vấn, là đối tác tư vấn các vấn đề chiến lược cho BDH, chặt chẽ phối hợp với Đơn vị đồng kiểm toán KPMG để triển khai dự án kiểm toán hiệu quả, đạt chất lượng tốt.

Từ năm 2024, Kiểm toán nội bộ bắt đầu tăng cường vị thế “Chiến lược” nhằm mang lại giá trị thực sự cho công ty. Theo đó, KTNB sẽ tập trung vào các hoạt động:

- ▲ Trở thành đối tác của Ban Điều hành.
- ▲ Các giải pháp mới tập trung vào tối ưu hóa quy trình hoạt động theo định hướng giảm thiểu rủi ro và tối ưu chi phí.
- ▲ Đề xuất xây dựng kế hoạch hành động của Ban Điều hành thông qua mô hình mục tiêu SMART.

KPMG tiếp tục là Đơn vị đồng kiểm toán được lựa chọn để tư vấn cho công ty về những kiến nghị mới có tầm nhìn dài hạn và phù hợp với chiến lược phát triển của HSC.

Mô hình mục tiêu SMART trong hoạt động kiểm toán nội bộ



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRONG NĂM 2024



TUÂN THỦ

Báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ hằng năm đến cơ quan ban ngành theo quy định của pháp luật Việt Nam.



CHỦ ĐỘNG

Phối hợp cùng Ban Kiểm soát (BKS) hợp với BDH để giám sát thường xuyên hoạt động của công ty và việc thực hiện kế hoạch kinh doanh 2024 được Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua.

Đồng hành làm việc cùng với tổ chức kiểm toán độc lập được ĐHCĐ/ HĐQT phê duyệt.

Thực hiện kiểm toán theo Kế hoạch KTNB đã được HĐQT phê duyệt.



CHIẾN LƯỢC

Thực hiện các nhiệm vụ đột xuất và tư vấn theo yêu cầu của TBKT/ Tổng Giám đốc.

Đề xuất kế hoạch hành động của BDH và báo cáo Tiểu ban Kiểm toán/ Tổng Giám đốc về tiến độ các Khối/ Phòng ban thực hiện các kiến nghị của KTNB.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

GIỚI THIỆU ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA HSC

Từ những ngày đầu thành lập, HSC luôn định hướng ưu tiên tập trung các hoạt động kinh doanh xoay quanh các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường – yếu tố cần thiết đối với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp trong dài hạn. Năm 2023, HSC tiếp tục thực hiện Báo cáo Phát triển Bền vững tích hợp tham chiếu theo các tiêu chuẩn của Hướng dẫn lập Báo cáo Phát triển Bền vững - Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (Global Reporting Initiative – GRI), chủ động định hướng và chia sẻ các hoạt động hướng tới sự phát triển bền vững cùng các bên liên quan.



MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA HSC

<p>Tác động tích cực KINH TẾ</p>	<ul style="list-style-type: none"> Duy trì hoạt động kinh doanh tăng trưởng ổn định và bền vững, từ đó đóng góp các nghĩa vụ tài chính cho ngân sách Nhà nước. Nâng cao thu nhập và lợi ích kinh tế cho người lao động. Mang lại lợi ích kinh tế cho cổ đông thông qua chính sách trả cổ tức ổn định. Thực hiện các biện pháp quản trị rủi ro chặt chẽ nhằm giảm thiểu các thiệt hại về tài chính cho công ty, khách hàng. Minh bạch trong quản trị công ty và cung cấp thông tin đến các đối tượng liên quan theo các thông lệ quốc tế cao nhất. Tích cực tham gia phát triển thị trường chứng khoán nói riêng và thị trường tài chính Việt nam nói chung thông qua việc đóng góp ý kiến, phối hợp xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về thị trường, sản phẩm đầu tư.
<p>Tác động tích cực XÃ HỘI</p>	<ul style="list-style-type: none"> Tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Đầu tư đào tạo và nâng cao năng lực người lao động. Luôn lấy "Khách hàng làm trọng tâm" để phát triển các sản phẩm, dịch vụ đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Thực hiện các trách nhiệm cộng đồng thông qua các dự án phát triển giáo dục dài hạn Tuân thủ nghiêm túc các quy định, văn bản hướng dẫn của Nhà nước, thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các hoạt động duy trì và xây dựng một xã hội văn minh, tiến bộ.
<p>Tác động tích cực MÔI TRƯỜNG</p>	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng môi trường làm việc tại công ty xanh, sạch, giảm thiểu các tác động từ tiêu dùng năng lượng và xả thải trong hoạt động hàng ngày. Hưởng ứng tích cực các sáng kiến bảo vệ môi trường thông qua công tác truyền thông và sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ BỀN VỮNG CỦA HSC

<p>Hội đồng Quản trị</p>	<ul style="list-style-type: none"> Định hướng chiến lược của công ty về phát triển bền vững. Phê duyệt các mục tiêu và kế hoạch hành động.
<p>Tổng Giám đốc và Ban Điều hành</p>	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng và trình HĐQT các mục tiêu và kế hoạch hành động về phát triển bền vững. Truyền thông chiến lược, mục tiêu và kế hoạch hành động của phát triển bền vững đến toàn công ty. Phân công các Khối/ Bộ phận chuyên môn thực hiện kế hoạch hành động theo đúng vai trò và trách nhiệm. Theo dõi sát sao để đảm bảo kế hoạch được thực hiện và đạt mục tiêu đề ra. Đưa ra các giải pháp kịp thời đối với những khó khăn, rủi ro trong quá trình thực hiện. Báo cáo HĐQT kết quả thực hiện kế hoạch phát triển bền vững.
<p>Các Khối và Bộ phận chức năng</p>	<ul style="list-style-type: none"> Triển khai kế hoạch phát triển bền vững theo đúng phân công. Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể hàng ngày liên quan đến các mục tiêu về phát triển bền vững của HSC. Tích cực đóng góp các sáng kiến cải thiện kế hoạch phát triển bền vững.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

ĐỐI TƯỢNG & MỤC TIÊU CỦA CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Đối tượng	Mục tiêu của các hoạt động phát triển bền vững.
Khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> Gia tăng giá trị cho khách hàng bằng việc phát triển và giới thiệu các sản phẩm đầu tư, dịch vụ tài chính có chất lượng cao. Nâng cao năng lực đầu tư cho khách hàng thông qua các khóa đào tạo đầu tư chứng khoán và quản trị nguồn vốn. Kết nối cơ hội đầu tư cho khách hàng thông qua các hội thảo trực tuyến định kỳ và kết nối khách hàng với các doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam.
Người lao động	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp. Đảm bảo thu nhập ổn định và các quyền lợi nâng cao. Nuôi dưỡng và phát triển năng lực đội ngũ nhân sự. Thu hút nhân tài phục vụ phát triển kinh doanh.
Cổ đông, nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> Hoạt động kinh doanh hiệu quả và bền vững. Đối xử bình đẳng và đảm bảo quyền lợi cổ đông. Công bố thông tin minh bạch.
Cộng đồng địa phương	<ul style="list-style-type: none"> Hỗ trợ phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động. Tích cực thể hiện trách nhiệm doanh nghiệp thông qua các dự án phát triển giáo dục cộng đồng, thiện nguyện.
Cơ quan quản lý	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ các Luật, Quy định, Hướng dẫn của các cơ quan chức năng. Hoàn thành tốt các nghĩa vụ thuế với Nhà nước. Đóng góp, hỗ trợ giải pháp công nghệ, phát triển thị trường vốn.

NỘI DUNG BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BỀN VỮNG

KHÁCH HÀNG: KIẾN TẠO GIÁ TRỊ

▲ GIA TĂNG TIỆN ÍCH

Với tiêu chí “Chất lượng, Kịp thời, Khác biệt, Kết nối trực tiếp”, HSC đã từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn cho khách hàng, đặc biệt là khách hàng giá trị. Trong năm qua, HSC đã triển khai chương trình “Đầu tư chuyên nghiệp – Ưu đãi khác biệt” làm tiền đề để phát triển các chương trình chăm sóc khách hàng giá trị tại HSC trong tương lai.

Ngoài ra, HSC phát triển hệ sinh thái phong phú các kênh đào tạo, tư vấn nhằm hỗ trợ kịp thời cho khách hàng bao gồm: room zalo tư vấn, nền tảng đào tạo chứng khoán HSCedu, livestream youtube, podcast nhận định thị trường. Trong năm 2023, HSC cũng tiến hành chuyển đổi hệ thống Lotus Trading tích hợp nhiều tính năng nâng cao, thay thế hệ thống myHSC hiện tại nhằm mang đến cho khách hàng những trải nghiệm vượt trội khi thực hiện giao dịch tại HSC.

▲ KẾT NỐI CƠ HỘI ĐẦU TƯ

Đối với khách hàng cá nhân: Trong năm 2023, HSC tổ chức 08 hội thảo Connecting to Customers (C2C) với các doanh nghiệp đầu ngành như NLG, HDB, DGW, VNM, GMD,.... Sự kiện này tạo cơ hội để nhà đầu tư cá nhân tiếp xúc với lãnh đạo các doanh nghiệp lớn và các chuyên gia trong ngành. Đây là nỗ lực của HSC trong việc đưa nhà đầu tư đến gần hơn với doanh nghiệp, thúc đẩy minh bạch thông tin trên thị trường.



Đối với khách hàng tổ chức: Sự kiện Emerging Việt Nam được HSC tổ chức thường niên với mục tiêu tạo cầu nối giữa các doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam với cộng đồng đầu tư quốc tế. Năm 2023, sự kiện thu hút 500 khách mời tham dự đến từ nhiều quốc gia, 40 doanh nghiệp, 61 quỹ đầu tư cùng các chuyên gia, diễn giả hàng đầu các lĩnh vực tham gia các phiên thảo luận, trình bày. Sự kiện Emerging Việt Nam luôn được đánh giá cao bởi lượng thông tin bổ ích, sáng tạo và cập nhật những xu thế mới trên nhiều lĩnh vực của nền kinh tế.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

NHÀ ĐẦU TƯ – TỐI ƯU HÓA GIÁ TRỊ CỔ ĐÔNG

▲ DUY TRÌ LỢI ÍCH KINH TẾ CỦA CỔ ĐÔNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, HSC có tổng cộng 18,845 cổ đông, trong đó 129 cổ đông là nhà đầu tư tổ chức và 18,716 cổ đông là nhà đầu tư cá nhân. Kể từ khi niêm yết (năm 2009), HSC luôn duy trì chi trả cổ tức bằng tiền mặt tương đương 50% lợi nhuận sau thuế. Đây là cam kết của HSC trong nỗ lực liên tục gia tăng giá trị cho cổ đông thông qua sự cam kết về lợi ích kinh tế, đảm bảo thu nhập cho cổ đông. Bên cạnh đó, đối tượng được ưu tiên đầu tiên trong các đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của công ty chính là cổ đông hiện hữu. Chính sách cổ tức ổn định và tuân thủ đúng quy định pháp luật về công bố thông tin, thời hạn và quy trình chi trả cổ tức tạo ra giá trị gia tăng cũng như tác động tích cực đến cổ phiếu HCM trên thị trường.

Trong năm 2023, thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ, HSC đã chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ tổng cộng là 7.5% trên mệnh giá cổ phiếu, tương đương mỗi cổ phiếu nhận được 750 Việt Nam đồng. Đồng thời, HSC đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đợt 2 năm 2021 với tỷ lệ phát hành 100:15, tức cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông được nhận thêm 15 cổ phiếu mới.

Về kế hoạch cổ tức năm 2023, ĐHĐCĐ đã ủy quyền cho HĐQT quyết định tỷ lệ cổ tức năm 2023 dự kiến khoảng 80% lợi nhuận sau thuế năm 2023, tương đương khoảng 700 đồng/ cổ phiếu hay 7%/ mệnh giá bằng tiền mặt và/ hoặc cổ phiếu. Trên cơ sở đảm bảo nguồn thu nhập từ đầu tư vốn của cổ đông, HĐQT sẽ kiến nghị chi trả cổ tức năm 2023 tại ĐHĐCĐ năm tài chính 2023 với tỷ lệ phù hợp với kết quả kinh doanh năm 2023 và chính sách cổ tức của HSC.

▲ ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VÀ ĐẢM BẢO QUYỀN LỢI CỔ ĐÔNG

Tại HSC, hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư (IR) được chú trọng thực hiện một cách bài bản và được quy chuẩn hóa. HSC dành một nguồn lực đáng kể cho hoạt động IR nhằm đảm bảo quyền lợi cổ đông cũng như đảm bảo sự bình đẳng giữa các cổ đông. Điều lệ & quy chế quản trị công ty có những quy định rõ về việc ứng xử bình đẳng với các cổ đông, không có ưu đãi cho một đối tượng cổ đông nào, việc biểu quyết được thực hiện theo số lượng cổ phiếu sở hữu.

Trong bối cảnh số lượng cổ đông phân bổ rộng khắp trong và ngoài nước, ĐHĐCĐ năm tài chính 2022 được HSC tổ chức theo hình thức trực tuyến cho phép toàn bộ cổ đông được tham dự, giao lưu đặt câu hỏi với ban chủ tọa và bỏ phiếu biểu quyết các nội dung tờ trình một cách thuận tiện và minh bạch. Trình tự thủ tục được thực hiện đầy đủ đúng theo quy định pháp luật hiện hành nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của cổ đông.

◇ Chỉ định người đại diện được ủy quyền trong cuộc họp ĐHĐCĐ

HSC tạo mọi điều kiện thuận lợi để cổ đông tham gia họp ĐHĐCĐ thường niên hàng năm, nhưng trong trường hợp cổ đông không thể tham gia và không thể ủy quyền cho người khác tham gia, cổ đông đó có quyền ủy quyền một trong số các thành viên HĐQT thay mặt cổ đông quyết định tất cả các nội dung trong chương trình Đại hội.

◇ Biểu quyết tại ĐHĐCĐ

Mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền khi tham gia ĐHĐCĐ được bỏ phiếu điện tử với thời gian biểu quyết tùy theo quyết định của chủ tọa được xác định rõ trong thư mời đại hội. Cổ đông phải xác nhận ý kiến của mình đối với từng nội dung bằng việc chọn vào một trong ba phương án: "tán thành", "không tán thành" và "không có ý kiến" và hoàn thành việc gửi đi trên hệ thống biểu quyết điện tử.

◇ Bầu thành viên HĐQT và BKS

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT và BKS phải được ĐHĐCĐ thông qua. Việc lựa chọn ứng cử viên và bầu thành viên mới vào HĐQT và BKS được thực hiện theo đúng quy trình được nêu rõ ràng và minh bạch trong Điều lệ, Quy chế quản trị và Quy chế bầu cử của công ty.

Việc bầu thành viên HĐQT và BKS đã được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín và theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/ đại diện nhân với số thành viên được bầu của HĐQT/ BKS và cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Danh sách ứng cử viên đính kèm sơ yếu lý lịch được đăng trên website của công ty 10 ngày làm việc trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ để cổ đông có thời gian xem xét lựa chọn những ứng cử viên hội đủ các tiêu chuẩn trở thành thành viên HĐQT và BKS thay thế.

▲ CÔNG BỐ THÔNG TIN MINH BẠCH & CHỦ ĐỘNG KẾT NỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ

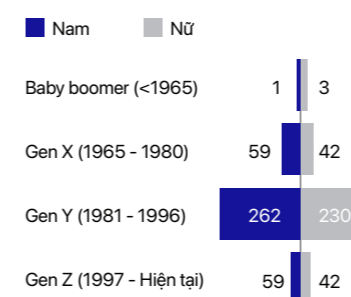
Công bố thông tin minh bạch và kịp thời là ưu tiên hàng đầu của HSC nhằm đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư trong việc tiếp cận các thông tin có liên quan một cách chính xác và kịp thời. HSC thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời, và tuân thủ chặt chẽ theo Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính. Các thông tin được công bố song song bằng tiếng Việt – tiếng Anh trên Cổng Thông tin Điện tử của Sở, UBCKNN cũng như website www.hsc.com.vn và các phương tiện truyền thông, đảm bảo sự bình đẳng về mặt tiếp cận thông tin doanh nghiệp giữa các cổ đông trong và ngoài nước.

HSC cũng nỗ lực duy trì kết nối với nhà đầu tư và cơ quan báo chí thông qua hội nghị trực tuyến được tổ chức định kỳ, thông báo kết quả hoạt động kinh doanh quý và trả lời các câu hỏi, thắc mắc đến tất cả cổ đông. Các thông tin cập nhật và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh hàng quý được soạn thảo bằng hai ngôn ngữ Anh – Việt và gửi tới từng cổ đông qua email giúp cổ đông dễ dàng tiếp cận với nguồn thông tin chính thống, đầy đủ nhằm đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn.

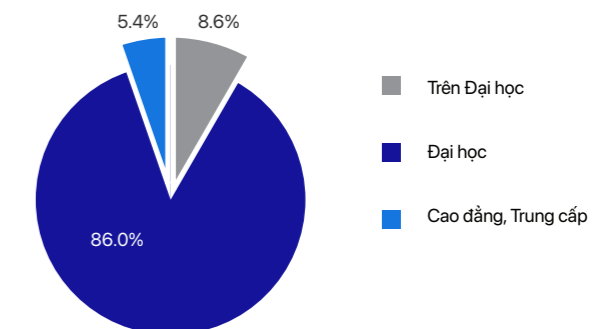
NHÂN VIÊN – NHÂN SỰ LÀ NGUỒN LỰC QUAN TRỌNG NHẤT CỦA HSC

Từ ngày đầu thành lập, HSC đã xem con người là trung tâm trong mọi hoạt động của công ty và nỗ lực không ngừng để xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động và đoàn kết. Điều này được thể hiện qua văn hoá doanh nghiệp dựa trên các giá trị Công bằng, Cơ hội, Kết quả, Đoàn kết và Sự hài lòng – FORUS (Fairness – Opportunity – Result – Unity – Satisfaction). Giá trị nội tại vững chắc này đã giúp HSC duy trì ổn định đội ngũ hơn 700 nhân sự chất lượng cao và đạt được kết quả kinh doanh khả quan trong năm 2023.

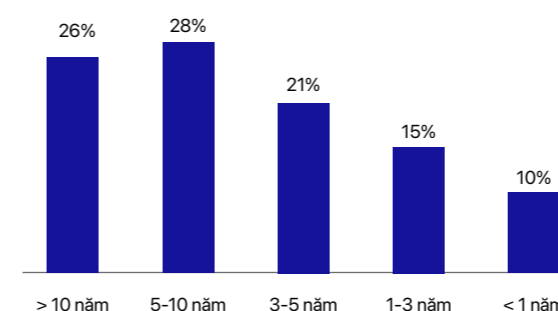
Độ tuổi và giới tính



Trình độ học vấn



Thâm niên



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

NHÂN VIÊN – NHÂN SỰ LÀ NGUỒN LỰC QUAN TRỌNG NHẤT CỦA HSC (tiếp theo)

▲ HSC CAM KẾT KHÔNG NGỪNG GIA TĂNG GIÁ TRỊ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Duy trì và phát huy văn hoá doanh nghiệp dựa trên các giá trị FORUS, trong năm vừa qua, HSC đã thực hiện nhiều sáng kiến và chương trình phúc lợi khác nhau nhằm đảm bảo đội ngũ nhân viên nhận được chế độ đãi ngộ tốt và cạnh tranh nhất trên thị trường.

- ◆ Thực hiện đánh giá chiến lược đãi ngộ, mức độ cạnh tranh và hiệu quả các chương trình phúc lợi của HSC thông qua các báo cáo phân tích so sánh với thị trường. Các đánh giá này giúp HSC duy trì chế độ đãi ngộ phù hợp và có tính cạnh tranh cao so với thị trường, đồng thời xác định các chiến lược trọng điểm để giữ chân cũng như thu hút nhân tài.
- ◆ Hợp tác cùng với Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Dragon Capital Việt Nam (DCVFM) triển khai Chương trình Hưu trí bổ sung tự nguyện (HTBSTN). Khoản đóng góp của HSC và người lao động vào các quỹ hưu trí tự nguyện có mức độ rủi ro thấp được quản lý bởi DCVFM sẽ giúp đội ngũ HSC đảm bảo kinh tế khi về hưu.
- ◆ Duy trì và cải tiến các chương trình phúc lợi về chăm sóc sức khỏe cho nhân viên bao gồm khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm chăm sóc sức khỏe và tai nạn, các buổi chia sẻ, tư vấn về sức khỏe...

Các khoản chi (tỷ VND)	2023	2022	2021	2020
Tiền lương	249	223	201	174
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN và kinh phí công đoàn	32	26	24	23
Thù lao, tiền thưởng khác	222	336	365	164
Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện	1			
Quỹ hỗ trợ nhân viên giai đoạn Covid-19		7	3	
Tổng cộng	503	593	593	362

▲ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC LÀ TRỌNG TÂM TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA HSC

Trong kế hoạch phát triển nhân sự của HSC, đánh giá năng lực và hiệu quả làm việc của nhân viên (Performance Appraisal – PA, Management by Objectives – MBO) là một khâu quan trọng, do đó tiếp tục được cải tiến và triển khai lần thứ hai trong năm 2023. Cụ thể, hoạt động này đem lại các lợi ích sau:

- ◆ Tạo cơ chế tương tác, đối thoại giữa nhân viên và cấp quản lý.
- ◆ Giúp kết nối mục tiêu của công ty với mục tiêu của từng đơn vị và sau đó là của từng nhân viên và giữa hiệu quả hoạt động của công ty với thành tích của từng đơn vị, cá nhân.
- ◆ Giúp nhân viên tự đánh giá hiệu quả công việc và là cơ sở dữ liệu cho việc xây dựng các chương trình đào tạo.
- ◆ Là căn cứ cho việc xác định mức thưởng, tăng lương đối với các nhân viên có hiệu quả làm việc tốt.
- ◆ Là cơ sở cho đề xuất thăng tiến nhân viên.

Dựa vào kết quả của các chương trình đánh giá năng lực và hiệu quả làm việc của nhân viên, HSC thiết kế và triển khai nhiều chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực khác nhau bao gồm chương trình phát triển đội ngũ kế thừa cho các vị trí quan trọng. HSC dành nguồn lực đáng kể cho chương trình này nhằm tìm kiếm, đào tạo và tạo điều kiện cho các nhân viên có năng lực nâng cao kiến thức, kỹ năng và có cơ hội phát triển nghề nghiệp.

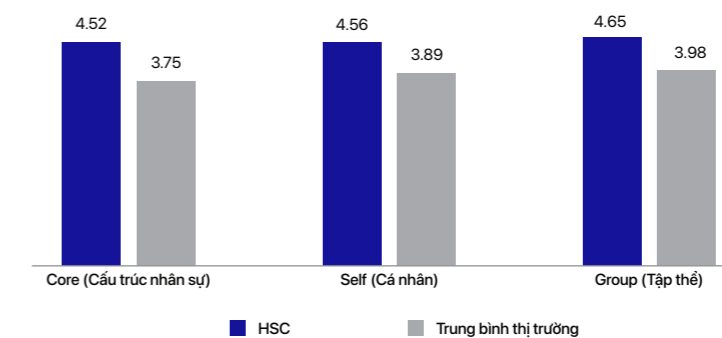
Bên cạnh đó, HSC tiếp tục nâng cấp hệ thống E-Learning vốn đã được triển khai áp dụng từ năm 2019. Hệ thống này không chỉ tạo dựng không gian học tập mở, giúp học viên chủ động, linh hoạt lựa chọn nội dung kiến thức cần trau dồi mà còn giúp HSC tối ưu hoá chi phí đào tạo. Điều này rất quan trọng trong bối cảnh quy mô đội ngũ nhân sự của HSC ngày càng phát triển.

▲ THÀNH QUẢ CHO NHỮNG NỖ LỰC KHÔNG NGỪNG

Những nỗ lực không ngừng của HSC để xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, bền vững, và đề cao sự gắn kết và tăng trưởng của đội ngũ nhân viên đã được ghi nhận thông qua các giải thưởng uy tín của ngành nhân sự trong nước và quốc tế:

- ◆ Tạp chí HR Asia đã công bố HSC là một trong 122 doanh nghiệp xuất sắc nhận giải thưởng Nơi Làm việc Tốt nhất Châu Á 2023 với chủ đề “Tôn vinh sự đa dạng, công bằng và hòa nhập”. Giải thưởng này dựa trên khảo sát dành cho 642 doanh nghiệp Việt Nam và được trao cho các doanh nghiệp đặt sự hài lòng, phúc lợi và sự phát triển của nhân viên làm trọng tâm, tạo môi trường làm việc tích cực nhằm thúc đẩy sự phát triển đa dạng, công bằng và hòa nhập.

Kết quả Khảo sát HR Asia Awards



- ◆ Vào ngày 23/11/2023, HSC là một trong 100 doanh nghiệp được Anphabe - Nhà tư vấn tiên phong về thương hiệu Nhà Tuyển dụng & Môi trường Làm việc Hạnh phúc trao tặng giải thưởng “Nơi Làm việc Tốt nhất Việt Nam 2023 – Khối doanh nghiệp quy mô vừa”. Giải thưởng được sự bảo trợ của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và được thực hiện hoàn toàn độc lập, ghi nhận ý kiến khách quan từ 63,878 người đi làm có kinh nghiệm nhằm đo lường sức khỏe thương hiệu nhà tuyển dụng của hơn 700 doanh nghiệp hàng đầu, thuộc 20 ngành nghề tại Việt Nam.

Theo các khảo sát từ HR Asia & Anphabe, việc triển khai thành công văn hóa FORUS đã giúp gia tăng đáng kể tất cả các chỉ số gắn kết nhân viên và đây là một trong những yếu tố quan trọng để HSC thu hút và giữ chân nhân tài. Đối với HSC, các giải thưởng này không phải là đích đến mà là cột mốc tạo ra nguồn động lực thúc đẩy để phát triển văn hóa gắn kết trong doanh nghiệp.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

▲ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CỦA HSC TRONG NĂM 2024

- Triển khai dự án Thiết kế Khung Năng lực theo kết quả của dự án FTOM (Finance Target Operating Model). Cụ thể, HSC sẽ xây dựng khung năng lực (bao gồm năng lực cốt lõi, năng lực chuyên môn và năng lực lãnh đạo) cho tất cả các vị trí công việc và xây dựng nguyên tắc, phương pháp, công cụ đánh giá năng lực. Trên cơ sở bộ khung năng lực và công cụ đánh giá năng lực đã xây dựng, HSC sẽ triển khai đánh giá năng lực đội ngũ nhân sự hiện có, từ đó đưa ra các báo cáo và đề xuất biện pháp để thu hẹp khoảng cách năng lực và áp dụng khung năng lực trong công tác quản trị nguồn nhân lực một cách đồng bộ, thống nhất.
- Triển khai các chính sách và chương trình hoạch định, đánh giá và phát triển nhân tài tiềm năng nhằm mục tiêu duy trì đội ngũ nhân sự nòng cốt, có chuyên môn cao cũng như ngăn chặn rủi ro chảy máu chất xám.
- Cải thiện chính sách, quy định và quy trình nghiệp vụ nhân sự đồng thời số hóa và hoàn thiện hệ thống quản trị nhân sự nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai của HSC.
- Duy trì, triển khai các chương trình thực tập sinh từ các trường đại học hàng đầu trong và ngoài nước nhằm mục tiêu phát triển và trẻ hóa đội ngũ kỹ sư công nghệ, đội ngũ chuyên viên phân tích tài chính và đội ngũ kinh doanh....

CỘNG ĐỒNG – TÍCH CỰC THỰC HIỆN VAI TRÒ TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

HSC luôn nhận thức được tầm quan trọng của sức mạnh cộng đồng trong quá trình phát triển kinh tế xã hội Việt Nam nói chung và từng doanh nghiệp nói riêng. Cam kết hỗ trợ cộng đồng là điều nhất quán trong suốt 20 năm phát triển của HSC, phản ánh chiến lược phát triển bền vững cùng chính sách ESG nhằm hệ thống hóa và củng cố mối quan hệ giữa doanh nghiệp với nhà đầu tư, khách hàng, cộng đồng, nhân viên và đối tác liên quan. Theo đó, chương trình được phát triển dựa trên các trụ cột gồm: tài chính minh bạch và tuân thủ, tăng trưởng ổn định, công bằng và đa dạng trong tổ chức, phúc lợi toàn diện, cộng đồng bền vững.

▲ Ươm mầm thế hệ tương lai

Với niềm tin bồi dưỡng, trau dồi kiến thức cho thế hệ trẻ là tiền đề cho sự phát triển tương lai đất nước, HSC luôn dành sự quan tâm, đầu tư cho giáo dục, đặc biệt là đối với trẻ em ở các tỉnh thành khó khăn. Trong năm 2023, HSC đã tổ chức chuỗi chương trình hỗ trợ cộng đồng tại các tỉnh Hà Giang, Đồng Tháp, Khánh Hòa, Hải Dương để trao học bổng cho các em học sinh, đồng thời gửi tặng gần 100 máy tính bàn và hàng trăm phần quà gồm ba lô, dụng cụ học tập và xe đạp đến các trường thuộc các xã, huyện khó khăn, giúp các em học sinh có cơ hội nâng cao tri thức thông qua việc tiếp cận công nghệ.



▲ Chung tay vì cộng đồng

Bên cạnh việc tập trung phát triển kinh doanh, HSC luôn tâm huyết với vai trò đồng hành với các hoạt động vì lợi ích cộng đồng.

Tháng 11/2023, HSC phối hợp cùng Quỹ Sống triển khai dự án trồng rừng ngập mặn tại Sóc Trăng. Thông qua hoạt động này, HSC đã tạo thêm khoảng 0,11 hecta "hàng rào xanh" kiên cố để chắn sóng và ngăn chặn nước biển xâm lấn gây nguy cơ sạt lở.



Tại Lễ Kỷ niệm 20 năm thành lập công ty, HSC đã trao tặng 03 tỷ đồng cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Tp. Hồ Chí Minh để hỗ trợ chuỗi hoạt động vì thành phố sạch, xanh. Theo đó, HSC sẽ đồng hành cùng Mặt trận Tổ quốc phát triển phong trào bảo vệ môi trường thông qua việc phối hợp tổ chức Hội thi Xây dựng công trình sạch - xanh - thân thiện môi trường, khuyến khích tinh thần người dân trong công tác bảo vệ môi trường.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC – TUÂN THỦ VÀ ĐÓNG GÓP TÍCH CỰC

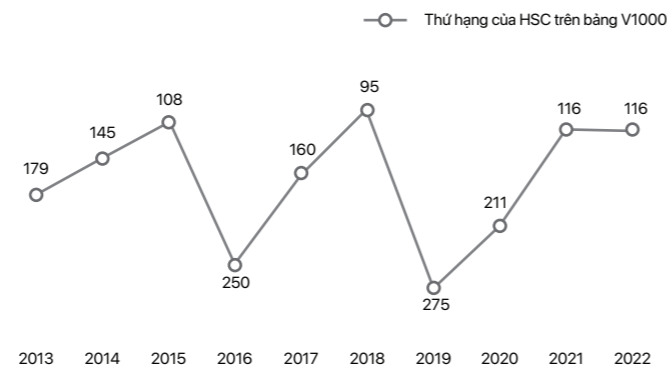
▲ Tuân thủ các Luật, Quy định, Hướng dẫn được đề ra bởi các cơ quan chức năng

Tuân thủ pháp luật và các quy định liên quan đến ngành chứng khoán – tài chính là một tiêu chí trong bộ đạo đức nghề nghiệp của HSC, được toàn thể Ban Lãnh đạo, nhân viên công ty cam kết thực hiện. HSC hiểu rằng, việc tuân thủ luật pháp và các quy định trong lĩnh vực kinh tế - xã hội sẽ đảm bảo phát triển bền vững cho chính doanh nghiệp, tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh, lợi ích tài chính và uy tín công ty.

Năm 2023, toàn thể nhân viên HSC đã tuân thủ nghiêm túc luật pháp và các quy định liên quan đến hoạt động doanh nghiệp, HSC không ghi nhận biên bản, thông báo nào liên quan đến vi phạm pháp luật, quy định trong lĩnh vực kinh tế, xã hội.

▲ Đóng góp tích cực cho ngân sách Nhà nước

Làm tròn nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước là cam kết của HSC trong việc góp phần vào sự phát triển, tăng trưởng ổn định của nền kinh tế và xã hội Việt Nam. Tổng đóng góp cho ngân sách Nhà nước trong năm 2023 của HSC đạt 569 tỷ đồng, bao gồm các đóng góp từ thuế thu nhập doanh nghiệp và tạm đóng hộ cho nhà đầu tư. Theo V1000 – Bảng xếp hạng Top 1000 doanh nghiệp đóng góp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, xếp hạng về đóng góp ngân sách Nhà nước của HSC ngày càng cao qua các năm, năm 2022 HSC là doanh nghiệp thứ 116 đóng góp nhiều nhất cho ngân sách Nhà nước.



▲ Đóng góp tích cực vào sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam

Trong những năm qua, HSC luôn là một trong những thành viên tiên phong, tích cực tham gia vào các tổ công tác thực hiện đề án phát triển sản phẩm mới, đưa ra các giải pháp nhằm đưa Việt Nam lọt vào danh sách được xem xét nâng hạng lên thị trường mới nổi vào cuối năm 2025.

HSC là một trong những công ty chứng khoán tham gia cùng đoàn của Bộ Tài chính và UBCKNN trong các chương trình xúc tiến đầu tư tại Mỹ vào tháng 10/2023, Hàn Quốc và Nhật Bản vào tháng 03/2024. Các chương trình xúc tiến đầu tư gián tiếp tại nước ngoài góp phần quan trọng trong việc quảng bá tiềm năng TTCK Việt Nam tới cộng đồng đầu tư quốc tế, giúp kích cầu và khơi thông mạnh mẽ dòng vốn nước ngoài tham gia vào TTCK Việt Nam.

HSC cũng là thành viên tích cực trong tổ công tác phối hợp với Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE), hỗ trợ kinh phí duy trì vận hành giải pháp kỹ thuật cho hệ thống giao dịch, đảm bảo hàng chục nghìn tỷ đồng giao dịch mỗi ngày cho thị trường vốn lớn nhất Việt Nam. Đồng thời, HSC cũng là thành viên tích cực của Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam (VASB), Hiệp hội thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA)...

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2023

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2023, HSC ghi nhận kết quả kinh doanh đạt 2,255 tỷ đồng doanh thu và 842 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, giảm 21% so với năm 2022, hoàn thành 93% kế hoạch lợi nhuận do ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2022 giao. HĐQT đánh giá kết quả kinh doanh này là phù hợp trong bối cảnh thị trường nhiều biến động.

Chi tiêu (tỷ VND)	2023	2022	% Thay đổi	Kế hoạch năm 2023	% Hoàn thành
Doanh thu	2,255	2,854	-21%	2,338	96%
Lợi nhuận trước thuế	842	1,068	-21%	901	93%
Lợi nhuận sau thuế	674	852	-21%	721	94%

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2023, HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của TGD và BDH trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHCĐ ngày 08/08/2022 và Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHCĐ ngày 25/04/2023 của ĐHCĐ và các nghị quyết của HĐQT.

Phương pháp giám sát

HĐQT phối hợp chặt chẽ với BKS và các tiểu ban trực thuộc HĐQT để nắm rõ tình hình hoạt động của công ty cũng như đánh giá tính khả thi của các kế hoạch kinh doanh và từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp và có tính thực tiễn cao nhằm hỗ trợ TGD và BDH hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

HĐQT đã ban hành các nghị quyết HĐQT sau các cuộc họp định kỳ/ bất thường để thông qua kết quả hoạt động kinh doanh quý, sáu tháng và cả năm cũng như sau các cuộc họp bất thường về các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT. Bên cạnh đó, theo thẩm quyền và trên cơ sở nhận định tình hình kinh tế tổng quan và tình hình thị trường chứng khoán, HĐQT đã tiến hành rà soát kế hoạch kinh doanh cho quý tiếp theo và thường xuyên trao đổi với TGD và BDH các vấn đề quan trọng để có thể hỗ trợ kịp thời về mặt định hướng nhằm giúp công ty đạt được kế hoạch kinh doanh.



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Kết quả thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT

▲ Kế hoạch kinh doanh năm 2023

HSC hoàn thành 93% kế hoạch kinh doanh 2023 ĐHĐCĐ giao.

▲ CỔ TỨC

Chi trả cổ tức bằng tiền mặt

Trong năm 2023, thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ và HĐQT, công ty đã chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ tổng cộng là 7.5% trên mệnh giá cổ phiếu, tương đương mỗi cổ phiếu nhận được 750 đồng. Chi tiết như sau:

Cổ tức đợt 1 năm 2022	Cổ tức đợt 2 năm 2022
Tỷ lệ 2.5%/ mệnh giá	Tỷ lệ 5.0%/ mệnh giá
Thanh toán vào ngày 08/02/2023	Thanh toán vào ngày 21/06/2023

Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu

Công ty đã linh hoạt kết hợp hình thức chi trả cổ tức bằng tiền mặt và cổ phiếu. Sự kết hợp này một mặt tạo ra sự hấp dẫn cho cổ đông bằng nguồn thu nhập thật, mặt khác hình thức chi trả bằng cổ phiếu giúp công ty tránh được áp lực nhu cầu về tiền mặt, đồng thời pha loãng được cổ phiếu, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu HCM trên thị trường.

Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đợt 2 năm 2021 được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/08/2022 với tỷ lệ phát hành 15%, tức cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông được nhận thêm 15 cổ phiếu mới. Vào ngày giao dịch bổ sung 19/02/2024, tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của công ty sẽ tăng thêm 68,579,931 cổ phiếu, từ 457,211,949 cổ phiếu thành 525,791,880 cổ phiếu.

Phát hành cổ phiếu

Công ty đang triển khai các đợt phát hành được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/08/2022. Cụ thể như sau:

- ◆ Đang thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 411/GCN-UBCK do Chủ tịch UBCK cấp ngày 07/12/2023 và Quyết định số 09/QĐ-UBCK do Chủ tịch UBCK cấp ngày 04/01/2024 về việc chấp thuận gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty Cổ phần Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, thời gian phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu kéo dài từ 90 ngày lên 120 ngày, sẽ kết thúc vào ngày 04/04/2024.
- ◆ Đã nộp hồ sơ phát hành cổ phiếu cho người lao động trong công ty (ESOP) vào ngày 18/01/2024 và đang chờ sự chấp thuận từ UBCK.

Báo cáo định kỳ, bất thường và theo yêu cầu

Công ty thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ, bất thường và theo yêu cầu cho các cơ quan chức năng bao gồm Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022, Báo cáo tài chính các quý năm 2023, Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2023, Báo cáo thường niên 2022, các báo cáo bất thường theo quy định và các báo cáo theo yêu cầu.

Công bố thông tin

Công ty thực hiện công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch và kịp thời theo đúng quy định.

Kết luận

Căn cứ vào Điều lệ, các chính sách và quy trình nội bộ đã ban hành, HĐQT ủy quyền cho TGD và BDH quản lý công việc kinh doanh của công ty và tổ chức triển khai các quyết định, chiến lược theo kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của HĐQT và ĐHĐCĐ giao. Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát, báo cáo định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu về tình hình hoạt động của công ty, HĐQT đánh giá cao TGD và BDH đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách thận trọng, chuyên nghiệp, liêm chính và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ. Đồng thời, HĐQT ghi nhận sự nỗ lực trong việc điều hành và triển khai các chương trình hành động linh hoạt, kịp thời để nắm bắt cơ hội và theo xu hướng chung trên thị trường.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2024 được kỳ vọng là năm bản lề cho việc đáp ứng các tiêu chí để Việt Nam lọt vào danh sách thị trường chứng khoán được xem xét nâng hạng lên thị trường mới nổi vào cuối 2025. Do vậy, trong năm 2024, HĐQT định hướng BDH tập trung vào các hoạt động chính sau để nắm bắt cơ hội:

<ul style="list-style-type: none"> • Tiếp tục là cầu nối, kết nối vốn đầu tư nước ngoài vào thị trường Việt Nam với đích đến là các doanh nghiệp đạt yêu cầu về môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp tốt.
<ul style="list-style-type: none"> • Ứng dụng công nghệ số vào toàn bộ hoạt động của công ty, đặc biệt là hệ thống vận hành nhằm gia tăng hiệu suất làm việc, tạo lợi thế cạnh tranh. Tăng cường năng lực công nghệ đáp ứng các yêu cầu liên quan đến giao dịch khi quy mô thị trường ngày càng lớn hơn, sản phẩm đa dạng và dòng vốn lớn từ nước ngoài đổ vào một khi TTCK Việt Nam được nâng hạng.
<ul style="list-style-type: none"> • Nâng cao trình độ, nghiệp vụ, cũng như sự thích ứng nhanh nhạy với biến động thị trường của đội ngũ nhân sự để đáp ứng nhu cầu phát triển của TTCK trong thời gian sắp tới.
<ul style="list-style-type: none"> • Đa dạng hóa khách hàng, nhà đầu tư; chú trọng đến nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư chuyên nghiệp.
<ul style="list-style-type: none"> • Phát triển đa dạng sản phẩm, dịch vụ phù hợp với nhu cầu của từng phân khúc khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ, gia tăng trải nghiệm cho khách hàng. Tiếp tục đặt trọng tâm vào chất lượng dịch vụ tư vấn khách hàng.
<ul style="list-style-type: none"> • Từng bước áp dụng mô hình quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế nhằm tăng cường kiểm soát, hạn chế thấp nhất thiệt hại khi rủi ro xảy ra và tạo niềm tin cho khách hàng, nhà đầu tư khi sử dụng dịch vụ tại HSC.
<ul style="list-style-type: none"> • Nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp theo chuẩn mực quốc tế thông qua việc áp dụng Bộ Nguyên tắc Quản trị công ty của G20/OECD.
<ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng và triển khai toàn diện chiến lược "ESG" đến từng thành viên HSC và lan tỏa giá trị cốt lõi hướng đến phát triển bền vững trên cả ba trụ cột môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp.

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Năm 2023 đánh dấu kỷ niệm 20 năm hình thành và phát triển của HSC. Trong hành trình phát triển bền vững của mình, HSC chủ trương xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp theo các chuẩn mực và thông lệ quốc tế. HSC nhận thức rằng quản trị doanh nghiệp tốt là một trong những yếu tố xây dựng niềm tin đối với cổ đông, khách hàng, nhà đầu tư, nhân viên và các bên có liên quan, tạo lợi thế cạnh tranh để từng bước nâng tầm vị thế của HSC trên TTCK.

Sự kiên định theo đuổi những giá trị, chuẩn mực quản trị tốt đã giúp HSC trở thành một công ty có bản sắc, tinh thần mạnh mẽ để tạo ra giá trị tích cực và đóng góp vào sự phát triển bền vững của thị trường.

VAI TRÒ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Là cơ quan quản lý của công ty, HĐQT có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT đóng vai trò đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT chịu trách nhiệm xây dựng và đảm bảo các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp tốt nhất được áp dụng nhất quán và xuyên suốt trong mọi hoạt động của công ty. HĐQT đã, đang và sẽ tiếp tục giám sát việc thực thi các chuẩn mực quản trị công ty tốt nhất trong Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty của G20/OECD từ cấp quản trị cao nhất là HĐQT và BDH đến từng nhân viên HSC.

CƠ CẤU VÀ THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ cấu HĐQT có 07 thành viên bao gồm Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch, 02 thành viên độc lập và 03 thành viên không điều hành và theo mô hình có BKS.

Tại cuộc họp thường niên năm 2022, ĐHĐCĐ đã thông qua miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Hồng Văn và thành viên BKS đối với bà Nguyễn Thị Thu Thanh. Đây là 02 thành viên đại diện vốn của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC) tại HSC. Bà Phan Quỳnh Anh và ông Trần Thái Phương là 02 đại diện vốn của HFIC được ĐHĐCĐ bầu bổ sung làm thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ V (2021 – 2025).

Cơ cấu HĐQT của HSC đảm bảo sự cân đối giữa thành viên có kỹ năng, kiến thức, kinh nghiệm về tài chính, chứng khoán, pháp luật, quản trị điều hành cũng như đảm bảo tất cả thành viên HĐQT là thành viên không điều hành và tỷ lệ thành viên độc lập tuân thủ đúng quy định hiện hành.

Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập và thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành

Đánh giá sự độc lập của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Việc đánh giá sự độc lập của thành viên HĐQT độc lập dựa trên tiêu chí năng lực, kinh nghiệm, đạo đức, am hiểu hoạt động kinh doanh của công ty nhằm đảm bảo lợi ích chung của công ty và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, đặc biệt là cổ đông thiểu số.

Với kinh nghiệm cùng kiến thức sâu rộng về thị trường tài chính trong nước và quốc tế, 02 thành viên HĐQT độc lập đồng hành cùng thành viên HĐQT, BKS và BDH đã có những đóng góp tích cực vào các quyết định chiến lược của công ty. Các thành viên độc lập thảo luận công khai, chất vấn, phản biện thẳng thắn, đánh giá đầy đủ và cân trọng các vấn đề nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và hoạt động của công ty. Cụ thể trong năm 2023, các thành viên độc lập đã có nhiều đóng góp đáng kể về mặt định hướng chiến lược, quản trị rủi ro, vận hành giúp HSC nâng cao năng lực cạnh tranh.

Đánh giá sự độc lập của thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành

Thành viên HĐQT không điều hành tại HSC là người đại diện vốn của 02 cổ đông lớn là cổ đông Nhà nước – Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (“HFIC”) và cổ đông Chiến lược – Dragon Capital Markets Limited (DC). 02 thành viên này luôn tách biệt vai trò đại diện vốn và thành viên HĐQT, đưa ra các ý kiến độc lập mang tính đóng góp cho sự phát triển chung của công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm Tổng Giám đốc

Sự tách biệt về vai trò của Chủ tịch HĐQT và TGD thể hiện sự độc lập và phân chia trách nhiệm rõ ràng giữa HĐQT và BDH. Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT cũng như của TGD được nêu rõ trong Điều lệ công ty. Chủ tịch HĐQT từng là Tổng Giám đốc công ty từ năm 2007 đến năm 2020. Ông được bổ nhiệm vào vị trí Chủ tịch cho nhiệm kỳ V (2021 – 2025).

ĐÁNH GIÁ CHUNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT đã có nhiều nỗ lực để hoàn thiện năng lực quản trị công ty phù hợp với quy định hiện hành và thông lệ quốc tế. Cụ thể:

- HĐQT duy trì hoạt động thường xuyên phù hợp với quy định tại Điều lệ công ty, đảm bảo yêu cầu về số lượng cuộc họp cũng như số thành viên tham dự để đáp ứng yêu cầu về tính pháp lý và hiệu quả.
- Xác định rõ ràng vai trò của từng thành viên nhằm đảm bảo tối đa quyền lợi của tất cả các cổ đông và đảm bảo sự công bằng cho cổ đông nhỏ.
- HĐQT giám sát việc thực hiện các quyết định của HĐQT và Nghị quyết ĐHĐCĐ.
- Giám sát hoạt động của các Tiểu ban trực thuộc HĐQT để đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc hoạt động và Điều lệ công ty.

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

HDQT làm việc với tinh thần trách nhiệm cao đối với cổ đông, nhà đầu tư, đối tác, nhân viên và các bên liên quan; kịp thời đưa ra những chủ trương, quyết sách ứng phó linh hoạt với tình hình thực tế của công ty trong từng giai đoạn; minh bạch trong công tác quản trị; tuân thủ các quy định pháp luật đối với công ty đại chúng/công ty niêm yết trên TTCK trong năm 2023. Các vấn đề liên quan đến chiến lược, triển khai kế hoạch kinh doanh, quản trị rủi ro, đầu tư công nghệ, củng cố và phát triển hệ thống quản lý, quy trình đều được HDQT thường xuyên xem xét, đánh giá và đưa ra giải pháp trong các cuộc họp định kỳ. Các cuộc họp của HDQT được triệu tập kịp thời và thực hiện theo trình tự đã được quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Các quyết định của HDQT tại các cuộc họp đều được HDQT thông qua theo nguyên tắc đa số, biên bản cuộc họp được lập đầy đủ, có chữ ký của các thành viên HDQT tham dự họp.

HDQT thường xuyên chỉ đạo, giám sát chặt chẽ, liên tục đối với hoạt động của BDH trong quá trình triển khai thực hiện các mục tiêu, kế hoạch kinh doanh năm 2023. Đồng thời, HDQT tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện tốt nhiệm vụ, chức năng của mình, đảm bảo hoạt động của HDQT nói riêng và của HSC nói chung được giám sát chặt chẽ, nâng cao tính minh bạch và bảo vệ lợi ích hợp pháp cao nhất của cổ đông.

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp Hội đồng Quản trị

Thành viên HDQT có trách nhiệm tham gia tất cả các cuộc họp HDQT trong năm. Trong trường hợp có thành viên không thể tham dự họp, thành viên đó phải gửi cho HDQT thông báo nêu rõ lý do và có thể ủy quyền cho thành viên HDQT khác hay người khác tham dự.

Thông báo và chương trình họp được gửi email chậm nhất 15 ngày cho các thành viên HDQT và tài liệu họp được gửi trước chậm nhất 07 ngày trước khi tổ chức họp. Đối với các cuộc họp lấy ý kiến thành viên HDQT bằng văn bản thông qua email, nội dung lấy ý kiến được trình bày cụ thể tại các tờ trình và thời gian đề nghị các thành viên HDQT gửi ý kiến phản hồi chậm nhất là 07 ngày sau ngày gửi tờ trình.

Trong các cuộc họp, HDQT thông qua kết quả hoạt động kinh doanh từng quý, sáu tháng và cả năm, nhận định thị trường, rà soát kế hoạch chiến lược cho quý tiếp theo và phê duyệt các vấn đề khác thuộc thẩm quyền để hoạt động của công ty luôn được kiểm soát và quản trị tốt nhất. Kết thúc mỗi cuộc họp, biên bản họp được gửi đến tất cả các thành viên HDQT để ghi nhận lại tất cả nội dung đã họp, đồng thời gửi đến tất cả thành viên BKS. Để quản lý xung đột lợi ích có thể xảy ra liên quan đến lợi ích của thành viên HDQT hoặc người có liên quan của đối tượng này và công ty, thành viên HDQT không được biểu quyết đối với nội dung mà họ có lợi ích liên quan. Các quyết định được ban hành thuộc trường hợp phải công bố thông tin được công bố đúng thời hạn quy định, Điều lệ và Quy chế công ty.

Định kỳ tại cuộc họp đầu tiên của năm tài chính, HDQT nhận định tình hình thị trường trong nước và quốc tế, từ đó xem xét tính phù hợp của chiến lược phát triển công ty đối với tình hình thực tiễn. Tại cuộc họp cuối cùng của năm tài chính, HDQT lên lịch họp xác định thời gian họp HDQT trong năm tài chính tiếp theo để tất cả thành viên HDQT, BKS và BDH ưu tiên sắp xếp thời gian họp.

Trong năm 2023, HDQT đã tổ chức 25 cuộc họp, trong đó có cuộc họp định kỳ, họp bất thường và họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp HDQT trong năm được triệu tập, tổ chức đảm bảo tuân thủ đúng trình tự, thủ tục, quy trình; có sự tham gia đầy đủ của các thành viên HDQT và BKS.

Chức danh	Thành viên	Ngày Bổ nhiệm	Ngày Miễn nhiệm	Cuộc họp				
				Định kỳ	Bất thường	Lấy ý kiến bằng văn bản	Tổng cộng	Tỷ lệ
Chủ tịch	Johan Nyvene	22/04/2021		05	12	08	25/25	100%
Phó Chủ tịch	Lê Anh Minh	22/04/2021		05	12	08	25/25	100%
TV không điều hành	Lê Hoàng Anh	22/04/2021		05	12	08	25/25	100%
	Trần Quốc Tú	22/04/2021		05	12	08	25/25	100%
	Phan Quỳnh Anh (*)	25/04/2023		02	09	07	18/25	72%
TV độc lập	Nguyễn Hồng Văn (*)	22/04/2021	25/04/2023	03	03	01	07/25	28%
	Andrew Colin Vallis	22/04/2021		05	12	08	25/25	100%
	Nguyễn Thị Hoàng Lan	22/04/2021		05	12	08	25/25	100%

(*) Bà Phan Quỳnh Anh được bổ nhiệm và Ông Nguyễn Hồng Văn được miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 25/04/2023.

Các quyết định quan trọng đối với hoạt động và định hướng phát triển công ty đã được ban hành trong năm 2023, trong đó có một số quyết định chính như sau:

- ▲ Triển khai phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 411/GCN-UBCK do Chủ tịch UBCK cấp ngày 07/12/2023 và Quyết định số 09/QĐ-UBCK do Chủ tịch UBCK cấp ngày 04/01/2024 về việc chấp thuận gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty Cổ phần Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
- ▲ Triển khai và hoàn thành việc chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt với tỷ lệ tổng cộng là 7.5% trên mệnh giá và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đợt 2 năm 2021 với tỷ lệ phát hành 15%.
- ▲ Thông qua các nội dung liên quan đến việc phát hành cổ phiếu cho người lao động trong công ty (ESOP).
- ▲ Chấp thuận nguyên tắc các hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan dự kiến phát sinh trong năm 2023.
- ▲ Chấp thuận các hợp đồng giữa HSC và Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM) về việc hỗ trợ nhân viên HSC tham gia Chương trình Hưu trí bổ sung tự nguyện.
- ▲ Thông qua các quy chế, chính sách thuộc thẩm quyền phê duyệt của HDQT.
- ▲ Các nội dung quan trọng khác thuộc thẩm quyền quyết định của HDQT.

HDQT đã thực hiện đúng cam kết hoàn thành trách nhiệm và vai trò của mình trong việc tham gia đầy đủ các cuộc họp HDQT và đưa ra các quyết định trọng yếu trong năm 2023. Các nghị quyết chỉ được thông qua khi đa số các thành viên tham dự tán thành.

Ngoài các cuộc họp HDQT nêu trên, HDQT cùng tham gia các phiên thảo luận, đối thoại với BDH để phân tích, đánh giá về tình hình hoạt động của từng bộ phận, hoạch định chiến lược phát triển phù hợp với tình hình thực tế, đề xuất các giải pháp đẩy mạnh đầu tư phát triển công nghệ, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới cũng như củng cố đội ngũ nhân sự chủ chốt.

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT VÀ BKS

Bảng chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2023

Nội dung	Số tiền (VND)
Ngân sách hoạt động của HĐQT & BKS đầu năm 2023	18,571,557,097
Thù lao HĐQT	6,269,743,591
Thù lao BKS	1,146,666,667
Tiền thưởng HĐQT & BKS	0
Chi phí hoạt động khác	8,097,242,461
Ngân sách hoạt động của HĐQT & BKS cuối năm 2023	3,097,904,378

(*) Chi tiết được trình bày trong Báo cáo kiểm toán năm 2023.

Chế độ đãi ngộ khác đối với thành viên Hội đồng Quản trị

Thành viên HĐQT được tham gia bảo hiểm trách nhiệm nhà quản lý và hưởng chế độ công tác phí. Chủ tịch HĐQT được hưởng các chế độ phúc lợi như quyền lợi về khám sức khỏe định kỳ, sử dụng ô tô, thanh toán chi phí điện thoại thực tế phát sinh và các khoản mục khác theo chính sách của công ty.

SỰ THAM GIA CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG CHƯƠNG TRÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Đa số các thành viên HĐQT, TGD, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và Thư ký công ty đã hoàn thành các khóa đào tạo về quản trị công ty và đã được UBCK cấp chứng chỉ theo quy định, và sẽ tham gia đầy đủ các khóa đào tạo về quản trị công ty theo đúng quy định của pháp luật và của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT đã thành lập 03 tiểu ban trực thuộc gồm Tiểu ban Quản trị rủi ro (Tiểu ban QTRR), Tiểu ban Kiểm toán nội bộ (Tiểu ban KTNB) và Tiểu ban Nhân sự - Lương thưởng (Tiểu ban NSLT).

Nhiệm vụ của các tiểu ban là tư vấn và hỗ trợ cho HĐQT trong việc duy trì và tăng cường hoạt động kiểm soát nội bộ công ty.

Cơ cấu các tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị

Cơ cấu các tiểu ban trực thuộc HĐQT gồm thành viên HĐQT độc lập và thành viên HĐQT không điều hành. Chủ tịch của 03 tiểu ban là 02 thành viên HĐQT độc lập và 01 thành viên BKS. Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT tham gia vào tất cả các tiểu ban.

Họ tên	Chức vụ	Tiểu ban QTRR	Tiểu ban KT	Tiểu ban NSLT
Johan Nyvene	Chủ tịch TV HĐQT không điều hành	✓		✓
Lê Anh Minh	Phó Chủ tịch TV HĐQT không điều hành	✓	✓	✓
Lê Hoàng Anh	Thành viên TV HĐQT không điều hành	✓	✓	
Andrew Colin Vallis	Thành viên TV HĐQT độc lập	Chủ tịch	✓	
Nguyễn Thị Hoàng Lan	Thành viên TV HĐQT độc lập			Chủ tịch
Đặng Nguyệt Minh	Thành viên Ban Kiểm soát		Chủ tịch	

Hoạt động của các tiểu ban trong năm 2023

Các tiểu ban trực thuộc HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ hỗ trợ tư vấn hiệu quả các vấn đề trọng yếu cho HĐQT trong năm 2023.

Tiểu ban Quản trị rủi ro

Trong năm 2023, Tiểu ban QTRR tiếp tục trình HĐQT phê duyệt các quy chế, chính sách nhằm tăng cường kiểm soát và giảm thiểu rủi ro; xem xét các báo cáo rủi ro và tuân thủ định kỳ, danh mục rủi ro các khối, rủi ro trọng yếu của công ty; và đánh giá môi trường kinh doanh, những rủi ro trọng yếu ảnh hưởng đến hoạt động của công ty.

Tiểu ban Kiểm toán nội bộ

Tiểu ban KTNB đã thực hiện thẩm tra các báo cáo tài chính bán niên và cả năm 2023 của công ty; giám sát hoạt động của bộ phận KTNB và phê duyệt kế hoạch kiểm toán năm 2023 theo định hướng quản trị rủi ro giai đoạn 2023 – 2025.

Trong năm 2023, Tiểu ban KTNB đã thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ được giao. Các cuộc kiểm toán chuyên đề được thực hiện đầy đủ, đúng trọng tâm, yêu cầu đề ra. Sau khi kiểm toán, một số tồn tại, hạn chế đã được phát hiện. Tiểu ban KTNB đã kịp thời đưa ra các kiến nghị khắc phục nhằm đảm bảo hệ thống quản trị của công ty được vận hành chặt chẽ, phù hợp với điều kiện thực tế của công ty.

Tiểu ban Nhân sự - Lương thưởng

Trong năm 2023, Tiểu ban NSLT đã tham mưu, đề xuất mức lương thưởng và các lợi ích khác của từng thành viên HĐQT và BKS, xem xét kế hoạch ngân sách hàng năm của công ty.

Bên cạnh đó, Tiểu ban NSLT phê duyệt Danh sách người lao động được tham gia chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2022 trước khi trình HĐQT thông qua.

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

QUẢN TRỊ XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

HSC nhận thức rằng việc xây dựng chính sách, quy trình nội bộ và cơ chế giám sát các tình huống “xung đột lợi ích” đối với người quản lý và điều hành trong công ty không những góp phần ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro vụ lợi cá nhân mà còn đảm bảo sự bình đẳng giữa các cổ đông. Hiện tại, công ty đang tuân thủ theo chuẩn mực “tránh xung đột lợi ích” của pháp luật Việt Nam.

Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ phải thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của công ty mà họ có thể được hưởng từ một giao dịch kinh tế bất kỳ và đồng thời không được sử dụng các thông tin có được nhờ chức vụ của mình cho mục đích cá nhân hay để phục vụ lợi ích của các tổ chức hoặc cá nhân khác. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ, trừ trường hợp HĐQT có quyết định khác.

Công ty không được thực hiện các giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ, hoặc với cổ đông hoặc người ủy quyền của cổ đông có sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người liên quan của họ, trừ trường hợp HĐQT có quyết định khác.

GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ khi thực hiện giao dịch có giá trị từ 50 triệu đồng một ngày hoặc 200 triệu đồng một tháng tính theo mệnh giá đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, hoặc tính theo giá phát hành gần nhất đối với chứng quyền có bảo đảm dựa trên chứng khoán cơ sở của mã chứng khoán HCM của công ty phải công bố thông báo giao dịch tối thiểu trước 03 ngày làm việc và công bố Báo cáo kết quả giao dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch cho UBCK, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (VNXX) và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

Các giao dịch của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát

Trong năm 2023, thành viên HĐQT, thành viên BDH và thành viên BKS không thực hiện giao dịch với công ty.

Giao dịch cổ phiếu, quyền mua HCM của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ

Trong năm 2023, giao dịch cổ phiếu HCM của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ được công bố thông tin và trình bày chi tiết trong Báo cáo quản trị công ty năm 2023.

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của công ty

Trong năm 2023, giao dịch giữa HSC với các tổ chức có liên quan được công bố thông tin và trình bày chi tiết trong Báo cáo quản trị công ty năm 2023.

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

Năm 2023, BKS đã thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ HSC, Quy chế quản trị về tổ chức và hoạt động của BKS, góp phần cùng BDH HSC triển khai kế hoạch kinh doanh và các nội dung liên quan được ĐHĐCĐ thông qua. BKS bao gồm 03 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập đồng thời là Trưởng BKS, với tư cách là đại diện cổ đông tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, và kiến nghị những thay đổi cần thiết trong các lĩnh vực quản trị rủi ro, nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp tại HSC. Trong năm 2023, hoạt động của BKS bao gồm:

- ▲ Giám sát hoạt động của HĐQT năm 2023 và tình hình thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ năm tài chính 2022.
- ▲ Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính năm 2023.
- ▲ Giám sát hoạt động kiểm toán nội bộ năm 2023.

GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2023 VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2022

Trong năm 2023, HĐQT tổ chức 23 cuộc họp trong đó có 15 cuộc họp tập trung và 08 cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Tại các cuộc họp, BKS đã nắm bắt tình hình hoạt động thực tế của HSC và đóng góp ý kiến cùng với HĐQT, BDH trong việc thúc đẩy các mục tiêu đã được phê duyệt vào ĐHĐCĐ năm 2022.

Các vấn đề trọng tâm được bàn bạc trong các cuộc họp HĐQT bao gồm:

- ▲ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cả năm 2022 và hàng quý trong năm 2023.
- ▲ Thông qua toàn bộ các vấn đề liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2022.
- ▲ Thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2022 bằng tiền.
- ▲ Thông qua hạn mức tín dụng ngân hàng trong năm 2023.
- ▲ Thông qua việc phát hành các chứng quyền trong năm 2023.
- ▲ Thông qua toàn bộ các vấn đề liên quan đến việc chào bán cho cổ đông hiện hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 411/GCN-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 07/12/2023.
- ▲ Thông qua quy chế, danh sách, hồ sơ và việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2022.
- ▲ Chấp thuận hợp đồng giữa Công ty với CTCP Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam về việc hỗ trợ nhân viên tham gia Chương trình Hữu trí bổ sung tự nguyện.

BKS đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ từ HĐQT thông qua việc được cung cấp đầy đủ và rõ ràng những thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh cũng như quản trị doanh nghiệp trong các cuộc họp HĐQT. Qua các cuộc họp cùng HĐQT, BKS đã đóng góp ý kiến một cách thẳng thắn để cùng nhau phân tích, đánh giá đưa ra những quyết định tối ưu nhất. BKS đã xem xét tính phù hợp của các quyết định của HĐQT sao cho vừa tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty, vừa tối ưu hóa lợi ích cho tất cả các bên liên quan. Các ý kiến đóng góp của BKS với tư cách giám sát viên và đại diện của cổ đông đều được tôn trọng và cân nhắc trong các quyết định của HĐQT.

GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2023

Năm 2023, cùng các thành viên trong TBKT trực thuộc HĐQT, BKS đã tham dự 02 buổi họp kết thúc niên độ năm tài chính 2022 và giữa niên độ năm 2023 với đơn vị Kiểm toán độc lập của HSC - Công ty TNHH PwC (Việt Nam) để trao đổi về phạm vi kiểm toán, kết quả kiểm toán, và các vấn đề được nêu trong Thư quản lý. Theo đó, các hoạt động của HSC rõ ràng, minh bạch, không phát hiện những vi phạm nghiêm trọng nào về kế toán, tài chính, cũng như quy trình hoạt động.

Trong năm 2023, PwC cung cấp các dịch vụ kiểm toán cho HSC như sau:

- ▲ Soát xét BCTC và Báo cáo tỷ lệ An toàn tài chính giữa niên độ, 1,036,800,000 đồng
kiểm toán BCTC và Báo cáo tỷ lệ An toàn tài chính cuối năm

Tổng phí dịch vụ là 1,036,800,000 đồng (Một tỷ không trăm ba mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng) (đã bao gồm 8% Thuế giá trị gia tăng).

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

BKS ghi nhận ngoài các dịch vụ cung cấp nêu trên, PwC không cung cấp thêm bất kỳ dịch vụ phi kiểm toán nào khác cho HSC. Ngoài ra, BKS đã tiến hành phân tích Báo cáo tài chính hàng quý/ cuối năm tài chính, Báo cáo soát xét tỷ lệ vốn khả dụng. Về mặt an toàn tài chính, HSC đạt tiêu chuẩn cao về tính thanh khoản và các tỷ lệ liên quan đến cơ cấu vốn. Tỷ lệ an toàn tài chính của HSC theo quy định của Bộ Tài Chính vào cuối tháng 12/2023 đạt 1,063% (tại ngày 31/12/2022 là 648%), cao hơn 5.9 lần so với yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ở mức 180%.

Về kết quả tài chính năm 2023: BKS ghi nhận kết quả kinh doanh năm 2023 theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của BDH.

BKS đã được thông báo là ngày 08/12/2023, HSC nhận Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 411/GCN-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 07/12/2023 và đang thực hiện phân phối chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Theo đó, HSC sẽ phát hành 297,187,766 cổ phiếu, dự kiến thu về gần 2,800 tỷ đồng, bổ sung nguồn vốn cho vay ký quỹ và đầu tư tự doanh. BKS ghi nhận sự kiện này sẽ giúp HSC nâng cao năng lực tài chính, phát triển hoạt động kinh doanh và đáp ứng nhiều cơ hội tiềm năng từ thị trường.

Về kết quả kinh doanh theo từng mảng trong năm 2023

BKS ghi nhận hầu hết các mảng kinh doanh của HSC đều hoạt động ổn định và không phát sinh rủi ro trọng yếu.

BKS ghi nhận là cùng chiều với doanh thu, tổng chi phí hoạt động trong năm 2023 của HSC là phù hợp. Chi phí quản lý năm 2023 của HSC tăng phù hợp với sự vận hành của công ty.

Về các hoạt động liên quan đến khách hàng trong năm 2023

BKS đánh giá trong năm 2023, BDH HSC đã thành công thực hiện các hoạt động số hóa nền tảng công nghệ trên nguyên tắc lấy khách hàng làm trọng tâm, cũng như tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động dành cho khách hàng như sau:

- ▲ Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin trên nền tảng công nghệ Lotus System: số hóa toàn bộ hoạt động của công ty, cung cấp giải pháp đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng.
- ▲ Tổ chức Hội thảo Kết nối khách hàng với doanh nghiệp (Connecting to Customers - C2C) định kỳ hàng tháng: tạo cầu nối thông tin chất lượng giữa các chuyên gia phân tích cao cấp HSC và các doanh nghiệp đầu ngành với các nhà đầu tư cá nhân của HSC.
- ▲ Tổ chức Hội nghị nhà đầu tư Emerging Vietnam vào tháng 6/2023: có sự tham dự của 40 doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam và 500 nhà đầu tư đến từ nhiều quốc gia.

Về năng lực quản trị của HSC trong năm 2023

BKS ghi nhận trong năm 2023, BDH HSC đã đẩy mạnh quản trị và kiểm soát rủi ro qua việc:

- ▲ Giám sát chặt chẽ hoạt động của từng bộ phận, ban hành các quy trình, chính sách phù hợp với luật định, định hướng phát triển và khẩu vị rủi ro của công ty.
- ▲ Chuẩn hóa và ban hành các quy trình, chính sách nghiệp vụ phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, tình hình hoạt động thực tế của công ty.

BKS đánh giá các hoạt động trên đã góp phần nâng cao năng lực quản trị công ty của BDH và giúp cho hoạt động kinh doanh của HSC được giảm thiểu rủi ro ở mức thấp nhất.

Ngoài ra, BKS cũng ghi nhận HSC đã được vinh danh qua một số thành tích đạt được từ các đánh giá khách quan của các đơn vị chuyên môn uy tín.

BKS ghi nhận nỗ lực của BDH HSC trong nhiệm vụ giữ vững vị thế là một định chế tài chính hàng đầu, đáng tin cậy trên thị trường chứng khoán Việt Nam và tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, gắn kết, thu hút và giữ chân nhân tài. Đây là yếu tố then chốt để HSC không ngừng phát triển bền vững trong tương lai.

GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ NĂM 2023

BKS phối hợp chặt chẽ với Bộ phận Kiểm toán nội bộ (KTNB) và TBKT tập trung giám sát việc kiểm toán nội bộ các quy trình nghiệp vụ. Trong năm 2023, đối với hoạt động KTNB, BKS ghi nhận KTNB đã đạt được vị thế “Chủ động” trong các hoạt động của bộ phận:

- ▲ Hỗ trợ Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành.
- ▲ Đánh giá rủi ro một cách có hệ thống.
- ▲ Xây dựng chiến lược kiểm toán nội bộ phù hợp với chiến lược và mục tiêu của HSC.
- ▲ Cung cấp dịch vụ tư vấn, là đối tác tư vấn các vấn đề chiến lược cho BDH, chặt chẽ phối hợp với Đơn vị đồng KTNB của HSC - Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG để triển khai dự án kiểm toán hiệu quả, đạt chất lượng tốt.

BKS ghi nhận trong năm 2023, bộ phận KTNB đã thực hiện kiểm toán chuyên đề nhằm cung cấp các đánh giá độc lập về tính hiệu quả về thiết kế và vận hành của các biện pháp kiểm soát chính xoay quanh một số quy trình hoạt động của HSC theo đúng chương trình kiểm toán được TBKT phê duyệt hằng năm. Bên cạnh đó, bộ phận KTNB cũng đã chủ động tư vấn cho nhiều phòng ban trong công ty về việc thực hiện các kiến nghị của KTNB trong các đợt kiểm toán trước đây. Hoạt động và kết quả kiểm toán trong năm 2023 đã được báo cáo chi tiết lên TBKT.

Theo đó, BKS ghi nhận kết luận của KTNB là không có thiếu sót nào có ảnh hưởng trọng yếu cần phải lưu ý đối với quy trình hoạt động đã thực hiện kiểm toán trong năm 2023.

Ngoài ra, BKS ghi nhận KPMG tiếp tục là Đơn vị đồng KTNB được lựa chọn để tư vấn cho công ty về những kiến nghị mới có tầm nhìn dài hạn và phù hợp với chiến lược phát triển của HSC.

THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2023

Tổng thù lao của BKS năm 2023 là 1,146,666,667 đồng (Một tỷ một trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) (đã bao gồm Thuế thu nhập cá nhân).

KẾ HOẠCH CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

Trong năm 2024, BKS tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ được ĐHĐCĐ giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích tối đa của công ty như sau:

STT	Kế hoạch công việc
1	Giám sát hoạt động của HĐQT năm 2024 và tình hình thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023
2	Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của HSC năm 2024
3	Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của HSC năm 2024
4	Thẩm tra Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 và Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2024 của HSC
5	Giám sát hoạt động của KTNB HSC năm 2024
6	Thực hiện đánh giá hoạt động Công ty năm 2023 để báo cáo Cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Số 4103001573 ngày 23 tháng 4 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Giấy phép thành lập và hoạt động	Số 11/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 4 năm 2003 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 10/GPĐC-UBCK được cấp ngày 1 tháng 3 năm 2024.	
Hội đồng Quản trị	Ông Johan Nyvene	Chủ tịch
	Ông Lê Anh Minh	Phó chủ tịch
	Ông Lê Hoàng Anh	Thành viên
	Ông Trần Quốc Tú	Thành viên
	Ông Andrew Colin Vallis	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Hoàng Lan	Thành viên
	Bà Phan Quỳnh Anh	Thành viên (từ ngày 25 tháng 4 năm 2023)
	Ông Nguyễn Hồng Văn	Thành viên (đến ngày 24 tháng 4 năm 2023)
Ban kiểm soát	Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc	Trưởng ban
	Bà Đặng Nguyệt Minh	Thành viên
	Ông Trần Thái Phương	Thành viên (từ ngày 25 tháng 4 năm 2023)
	Bà Nguyễn Thị Thu Thanh	Thành viên (đến ngày 24 tháng 4 năm 2023)
Ban Điều hành	Ông Trịnh Hoài Giang	Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc và Người đại diện theo pháp luật	Ông Trịnh Hoài Giang	
Trụ sở chính	Tầng 2, 5, 6, 7, 11 và 12, Tòa nhà AB Số 76A Đường Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Chi nhánh	Tầng 1 và 2, Tòa Nhà CornerStone, Số 16 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	
Phòng giao dịch	Tầng 3A và 7, Tòa nhà Mặt Trời Sông Hồng, Số 23 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- ▲ Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- ▲ Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- ▲ Lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Điều hành của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Điều hành của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 6 đến trang 93. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Điều hành

Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2023, và được Ban Điều hành của Công ty phê chuẩn ngày 25 tháng 3 năm 2024. Báo cáo tài chính này bao gồm: báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 93.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Đào Trọng Hoàng
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
5620-2021-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM14783
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	TẠI NGÀY	
			31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
	TÀI SẢN			
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		17,728,214,113,678	15,262,466,982,681
110	Tài sản tài chính		17,544,806,470,247	15,196,106,202,469
111	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.1	2,824,566,706,906	5,640,650,158,821
111.1	Tiền		2,824,566,706,906	5,640,650,158,821
112	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	3.2	2,222,153,115,595	1,424,495,705,829
114	Các khoản cho vay	3.3	12,135,124,175,279	7,378,982,938,005
118	Trả trước cho người bán		9,140,072,049	6,823,098,704
119	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	3.4	281,371,095,624	580,568,943,700
122	Các khoản phải thu khác	3.4	72,878,512,132	164,585,357,410
129	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	3.3	(427,207,338)	-
130	Tài sản ngắn hạn khác		183,407,643,431	66,360,780,212
131	Tạm ứng		492,164,421	794,883,916
133	Chi phí trả trước ngắn hạn	3.7(a)	24,656,347,060	19,308,153,346
134	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		52,300,000	176,900,000
137	Tài sản ngắn hạn khác		158,206,831,950	46,080,842,950
137.1	Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh	3.5	158,206,831,950	46,080,842,950
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		182,460,959,310	184,488,062,533
220	Tài sản cố định		54,937,378,860	58,275,475,559
221	Tài sản cố định hữu hình	3.6(a)	49,004,362,266	48,833,023,729
222	Nguyên giá		182,850,123,610	157,362,602,910
223a	Giá trị khấu hao lũy kế		(133,845,761,344)	(108,529,579,181)
227	Tài sản cố định vô hình	3.6(b)	5,933,016,594	9,442,451,830
228	Nguyên giá		91,105,851,084	89,320,899,084
229a	Giá trị khấu hao lũy kế		(85,172,834,490)	(79,878,447,254)
240	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		125,518,750	-
250	Tài sản dài hạn khác		127,398,061,700	126,212,586,974
251	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		10,512,004,062	10,474,004,062
252	Chi phí trả trước dài hạn	3.7(b)	84,287,371,170	83,495,337,912
253	Tài sản thuế TNDN hoãn lại	3.15	2,598,686,468	2,243,245,000
254	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	3.8	20,000,000,000	20,000,000,000
255	Tài sản dài hạn khác		10,000,000,000	10,000,000,000
255.1	Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh	3.9	10,000,000,000	10,000,000,000
270	TỔNG TÀI SẢN		17,910,675,072,988	15,446,955,045,214

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	TẠI NGÀY	
			31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		9,598,589,845,357	7,555,122,708,990
310	Nợ phải trả ngắn hạn		9,598,589,845,357	7,555,122,708,990
311	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		9,160,263,661,784	6,938,057,640,000
312	Vay ngắn hạn	3.10	9,160,263,661,784	6,938,057,640,000
318	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.11	86,883,655,383	46,315,877,007
320	Phải trả người bán ngắn hạn		6,143,330,081	7,079,654,815
322	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.12	72,985,535,867	77,473,019,194
324	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		7,964,741,214	6,746,624,294
325	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.13	146,960,118,154	188,422,944,100
329	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	3.14	56,622,200,564	250,047,320,274
331	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		60,766,602,310	40,979,629,306
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		8,312,085,227,631	7,891,832,336,224
410	Vốn chủ sở hữu		8,312,085,227,631	7,891,832,336,224
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		5,535,583,100,992	5,535,583,100,992
411.1	Vốn góp của chủ sở hữu	3.16, 6.1	4,580,523,670,000	4,580,523,670,000
411.1a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4,580,523,670,000	4,580,523,670,000
411.2	Thặng dư vốn cổ phần		967,536,880,000	967,536,880,000
411.5	Cổ phiếu quỹ		(12,477,449,008)	(12,477,449,008)
414	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		277,696,843,214	277,696,843,214
415	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		277,696,843,214	277,696,843,214
416	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		3,961,374,994	3,961,374,994
417	Lợi nhuận chưa phân phối	3.17	2,217,147,065,217	1,796,894,173,810
417.1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		2,174,138,486,316	1,783,167,200,002
417.2	Lợi nhuận chưa thực hiện		43,008,578,901	13,726,973,808
440	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		17,910,675,072,988	15,446,955,045,214

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	TẠI NGÀY	
			31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
A	TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
			Theo giá trị (VND)	
004	Nợ khó đòi đã xử lý		39,928,851,148	39,928,851,148
			Theo nguyên tệ	
005	Ngoại tệ các loại			
	Đô la Mỹ		6,498.72	2,050.14
	Yên Nhật		241,915	241,915
	Đô la Singapore		-	844
	Bảng Anh		8,130.78	12,641.66
	Đô la Đài Loan		3,200	3,200
	Đô la Canada		100	100
	Ringgit Malaysia		750	750
	Euro		6,164.80	-
			Theo số lượng	
006	Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	4,2(a)	457,211,949	457,211,949
007	Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	4,2(b)	840,418	840,418
			Theo mệnh giá (VND)	
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC") của công ty chứng khoán		1,765,271,820,000	1,428,460,460,000
	<i>Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>		965,271,820,000	408,460,460,000
	<i>Tài sản tài chính giao dịch cầm cố</i>		800,000,000,000	1,020,000,000,000
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của công ty chứng khoán		658,170,000	423,381,500,000
	<i>Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>		658,170,000	423,381,500,000
010	Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán		78,829,660,000	158,247,490,000
	<i>Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>		78,829,660,000	158,247,490,000
			Theo số lượng	
014	Chứng quyền có bảo đảm được phép phát hành nhưng chưa lưu hành	4,3	140,644,600	270,920,500

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	TẠI NGÀY	
			31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
B	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
			Theo mệnh giá (VND)	
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của nhà đầu tư		34,069,851,203,976	32,775,352,660,320
	<i>021.1 Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>		30,347,866,262,300	30,046,846,107,000
	<i>021.2 Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng</i>		249,290,330,000	63,275,910,000
	<i>021.3 Tài sản tài chính giao dịch cầm cố</i>		2,320,182,040,000	1,853,864,070,000
	<i>021.4 Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ</i>		105,492,250,000	102,322,250,000
	<i>021.5 Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>		637,876,922,700	359,531,281,000
	<i>021.7 Tài sản ký quỹ của nhà đầu tư</i>		409,143,398,976	349,513,042,320
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của nhà đầu tư		501,465,000,000	112,394,200,000
	<i>022.1 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>		468,783,590,000	26,410,320,000
	<i>022.2 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng</i>		32,681,410,000	85,983,880,000
023	Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư		550,145,070,000	356,499,962,000
024b	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của nhà đầu tư		5,500,000,000	5,500,000,000
026	Tiền gửi của khách hàng		2,507,535,049,674	2,011,394,444,803
027	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		2,098,391,650,698	1,661,881,402,483
	<i>027.1 Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC</i>		409,143,398,976	349,513,042,320
031	Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		2,098,391,650,698	1,661,881,402,483
	<i>031.1 Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>		2,096,658,931,756	1,659,232,766,064
	<i>031.2 Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>		1,732,718,942	2,648,636,419

Lê Thị Thùy Dương
Người lập

Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài chính
kiêm Kế toán trưởng




Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	TẠI NGÀY	
			31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL		1,122,444,712,468	1,673,769,166,596
01.1	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	5.1	665,608,273,719	1,329,305,033,052
01.2	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.2	12,425,298,148	(13,745,393,136)
01.3	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	5.3	418,916,491,878	454,313,414,603
01.4	Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	5.2	25,494,648,723	(96,103,887,923)
03	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu		1,066,651,824,210	1,273,381,029,024
06	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		672,114,746,281	881,714,329,917
09	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		10,013,483,537	9,326,084,675
10	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính		22,134,559,699	53,809,594,152
11	Thu nhập hoạt động khác		9,804,471,264	9,444,588,666
20	TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG		2,903,163,797,459	3,901,444,793,030
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		(649,559,485,908)	(1,050,570,428,618)
21.1	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	5.1	(640,921,144,130)	(1,077,055,292,017)
21.2	Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.2	(8,223,317,807)	21,571,497,129
21.4	Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	5.2	(415,023,971)	4,913,366,270
24	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	5.4	(487,338,994,343)	(750,725,049,674)
26	Chi phí hoạt động tự doanh	5.5	(48,141,651,795)	(72,102,674,942)
27	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	5.5	(469,988,244,655)	(572,805,427,628)
30	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	5.5	(10,882,377,718)	(9,798,386,787)
31	Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	5.5	(25,316,156,138)	(26,093,851,921)
32	Chi phí các dịch vụ khác	5.5	(4,490,885,157)	(4,124,185,703)
40	TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		(1,695,717,795,714)	(2,486,220,005,273)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	TẠI NGÀY	
			31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
42	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		2,230,085,646	2,935,810,645
50	TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		2,230,085,646	2,935,810,645
62	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	5.6	(367,467,373,811)	(350,767,604,201)
70	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		842,208,713,580	1,067,392,994,201
THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	Thu nhập khác		21,818,182	413,145,454
80	TỔNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHÁC		21,818,182	413,145,454
90	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		842,230,531,762	1,067,806,139,655
91	Lợi nhuận đã thực hiện		812,948,926,669	1,151,170,557,315
92	Lợi nhuận chưa thực hiện		29,281,605,093	(83,364,417,660)
100	CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")	5.7	(167,871,665,855)	(215,318,263,721)
100.1	Chi phí thuế TNDN - hiện hành		(168,227,107,323)	(215,581,526,221)
100.2	Thu nhập thuế TNDN - hoãn lại		355,441,468	263,262,500
200	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		674,358,865,907	852,487,875,934
300	THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN		-	-
400	TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN		674,358,865,907	852,487,875,934
500 THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG				
501	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	5.8	1,475	1,809
502	Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	5.8	1,475	1,809


Lê Thị Thùy Dương
Người lập


Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài chính
kiêm Kế toán trưởng


Trình Hoài Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	TẠI NGÀY	
			31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN		842,230,531,762	1,067,806,139,655
02	Điều chỉnh cho các khoản:		446,688,814,103	612,711,086,893
03	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")		31,007,288,799	25,935,323,604
04	Các khoản dự phòng		427,207,338	-
06	Chi phí lãi vay	5.4	486,911,787,005	750,725,049,674
07	Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	(409,090,909)
08	Dự thu tiền lãi	3.4	(71,657,469,039)	(163,540,195,476)
10	Tăng/(giảm) các chi phí phi tiền tệ		8,638,341,778	(26,484,863,399)
11	Chênh lệch giảm về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và chênh lệch tăng về đánh giá lại phải trả chứng quyền		8,638,341,778	(26,484,863,399)
18	(Giảm)/tăng các doanh thu phi tiền tệ		(37,919,946,871)	109,849,281,059
19	Chênh lệch tăng về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và chênh lệch giảm về đánh giá lại phải trả chứng quyền		(37,919,946,871)	109,849,281,059
30	Tổng thay đổi vốn lưu động		(5,812,966,072,921)	4,967,859,375,728
31	(Tăng)/giảm tài sản tài chính FVTPL		(793,455,429,425)	954,993,967,384
33	(Tăng)/giảm các khoản cho vay		(4,756,141,237,274)	6,311,114,177,041
37	Giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		299,197,848,076	58,754,920,373
39	Giảm các khoản phải thu khác		163,667,033,812	199,382,983,112
41	Giảm chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(28,458,048,121)	(22,405,086,444)
42	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(6,140,226,972)	86,201,370
43	Thuế TNDN đã nộp	3.12	(156,278,768,514)	(237,357,472,933)
44	Lãi vay đã trả		(499,998,664,830)	(734,237,733,852)
45	(Giảm)/tăng phải trả cho người bán		(3,253,298,079)	13,084,078,028
46	Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		1,218,116,920	609,623,977
47	Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		(16,435,822,136)	(19,752,652,487)
50	Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác (bao gồm phải trả chứng quyền)		95,151,812,622	(1,570,227,957,041)
51	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		86,600,000	15,219,238,000
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(112,125,989,000)	(1,404,910,800)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(4,553,328,332,149)	6,731,741,019,936

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	TẠI NGÀY	
			31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
61	Tiền chi để mua sắm TSCĐ		(27,794,710,850)	(35,721,688,981)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	450,000,000
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(27,794,710,850)	(35,271,688,981)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
73.2	Tiền vay	3.10	49,420,848,122,941	74,341,648,152,273
74.3	Tiền chi trả nợ gốc vay	3.10	(47,198,642,101,157)	(82,443,460,642,515)
76	Cổ tức đã trả cho cổ đông	3.14	(457,166,430,700)	(152,518,669,765)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1,765,039,591,084	(8,254,331,160,007)
90	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2,816,083,451,915)	(1,557,861,829,052)
101	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		5,640,650,158,821	7,198,511,987,873
101.1	Tiền	3.1	5,640,650,158,821	7,198,511,987,873
103	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		2,824,566,706,906	5,640,650,158,821
103.1	Tiền	3.1	2,824,566,706,906	5,640,650,158,821

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	Chi tiêu	TẠI NGÀY	
		31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	130,037,097,492,020	174,546,456,508,252
02	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	(129,764,882,096,780)	(174,815,005,368,260)
07	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	174,308,336,512	-
08	Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	-	(336,944,183,526)
11	Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	(10,013,483,537)	(9,326,084,675)
20	Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm	436,510,248,215	(614,819,128,209)
30	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	1,661,881,402,483	2,276,700,530,692
31	Tiền gửi ngân hàng	1,661,881,402,483	2,276,700,530,692
32	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	1,661,881,402,483	2,276,700,530,692
40	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	2,098,391,650,698	1,661,881,402,483
41	Tiền gửi ngân hàng	2,098,391,650,698	1,661,881,402,483
42	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	2,098,391,650,698	1,661,881,402,483


Lê Thị Thùy Dương
Người lập


Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài chính
kiêm Kế toán trưởng


Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Tại ngày		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023		Tại ngày	
	1/1/2022	1/1/2023	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	31/12/2022	31/12/2023
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5,535,583,100,992	5,535,583,100,992	-	-	-	-	5,535,583,100,992	5,535,583,100,992
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	4,580,523,670,000	4,580,523,670,000	-	-	-	-	4,580,523,670,000	4,580,523,670,000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần	967,536,880,000	967,536,880,000	-	-	-	-	967,536,880,000	967,536,880,000
1.3 Cổ phiếu quỹ	(12,477,449,008)	(12,477,449,008)	-	-	-	-	(12,477,449,008)	(12,477,449,008)
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	277,696,843,214	277,696,843,214	-	-	-	-	277,696,843,214	277,696,843,214
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	277,696,843,214	277,696,843,214	-	-	-	-	277,696,843,214	277,696,843,214
4. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3,961,374,994	3,961,374,994	-	-	-	-	3,961,374,994	3,961,374,994
5. Lợi nhuận chưa phân phối	1,230,314,760,376	1,796,894,173,810	852,487,875,934	(285,908,462,500)	674,358,865,907	(254,105,974,500)	1,796,894,173,810	2,217,147,065,217
5.1 Lợi nhuận đã thực hiện	1,133,223,368,908	1,783,167,200,002	935,852,293,594	(285,908,462,500)	645,077,260,814	(254,105,974,500)	1,783,167,200,002	2,174,138,486,316
5.2 Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	97,091,391,468	13,726,973,808	(83,364,417,660)	-	29,281,605,093	-	13,726,973,808	43,008,578,901
Tổng cộng	7,325,252,922,790	7,891,832,336,224	852,487,875,934	(285,908,462,500)	674,358,865,907	(254,105,974,500)	7,891,832,336,224	8,312,085,227,631

Lê Thị Thùy Dương
Người lập

Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài chính
kiêm Kế toán trưởng



Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

1 THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

Thành lập và niêm yết

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001573 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 4 năm 2003 và Giấy phép thành lập và hoạt động số 11/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ("UBCKNN") cấp ngày 29 tháng 4 năm 2003. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 10/GPĐC-UBCK được cấp ngày 1 tháng 3 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 27/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 4 năm 2009 với mã chứng khoán là HCM.

Trụ sở chính và thông tin liên hệ

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 2, 5, 6, 7, 11 và 12, Tòa nhà AB, Số 76A Đường Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Thông tin liên hệ:
Email: info@hsc.com.vn
Điện thoại: (+84 28) 3823 3299

Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động mới nhất của Công ty được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và có hiệu lực từ ngày 8 tháng 8 năm 2022.

Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 647 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 658 nhân viên).

Quy mô vốn

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 ("ngày báo cáo") (VND)
Vốn điều lệ của Công ty	4,580,523,670,000
Tổng vốn chủ sở hữu	8,312,085,227,631
Tổng tài sản	17,910,675,072,988

Mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư

Là một công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, Công ty hoạt động với mục tiêu đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty. Danh mục đầu tư của Công ty và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành.

Cấu trúc của Công ty và lĩnh vực kinh doanh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 1 chi nhánh và 1 phòng giao dịch trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, cho vay ký quỹ, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Lợi nhuận sau thuế năm 2023 giảm 21% so với kết quả năm 2022 với các nguyên nhân chính yếu như sau:

- ▲ Doanh thu năm 2023 giảm 26% so với doanh thu năm 2022 (loại trừ ảnh hưởng của doanh thu và chi phí của hoạt động tự doanh sẽ đề cập bên dưới), trong đó:
 - ◇ Doanh thu môi giới chứng khoán năm 2023 giảm 24% do thanh khoản của thị trường giảm so với năm trước;
 - ◇ Doanh thu cho vay ký quỹ năm 2023 giảm 16% phần nào ảnh hưởng bởi thanh khoản năm 2023 thấp hơn năm 2022;
 - ◇ Kết quả hoạt động đầu tư tự doanh (phần giá trị thuần giữa mục 1 và mục 21 trong Báo cáo kết quả hoạt động) giảm 24% so với năm 2022 do tình hình thị trường biến động không thuận lợi cho hoạt động đầu tư.
- ▲ Chi phí hoạt động (loại trừ ảnh hưởng của mục 21 như đã đề cập ở trên) của năm 2023 giảm 27% so với năm 2022 chủ yếu do chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán và chi phí cho vay ký quỹ giảm đi tương ứng với mức giảm doanh thu môi giới chứng khoán và doanh thu ký quỹ.
- ▲ Chi phí quản lý năm 2023 tăng 5% phù hợp với sự vận hành của Công ty.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210/2014/TT-BTC"), Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334/2016/TT-BTC"), Công văn 6190/BTC-CĐKT ngày 12 tháng 5 năm 2017 ("Công văn 6190/BTC-CĐKT") và Thông tư 23/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2018 ("Thông tư 23/2018/TT-BTC") do Bộ Tài Chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thương được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") và tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS") được đo lường và ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.2 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu và việc trình bày các nợ phải trả và tài sản tiềm tàng tại ngày báo cáo, cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính bao gồm:

- ▲ Giá trị thị trường/giá trị hợp lý của các tài sản tài chính (Thuyết minh 2.7 và Thuyết minh 3.2);
- ▲ Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay (Thuyết minh 2.7 và Thuyết minh 3.3).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Điều hành đánh giá là hợp lý.

2.3 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng phần mềm kế toán theo hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.4 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng"), cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày báo cáo, ngoại trừ các khoản vay và nợ phải trả mà Công ty đã sử dụng công cụ tài chính để phòng ngừa rủi ro tỷ giá hối đoái, lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày báo cáo. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày báo cáo được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển của Công ty, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba (3) tháng kể từ ngày mua có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

2.7 Tài sản tài chính ngoại trừ các khoản phải thu

(a) Phân loại và đo lường

(i) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

Tài sản tài chính FVTPL là các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh hoặc do Ban Điều hành xác định từ ban đầu là được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Một tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:

- ▲ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
- ▲ Tại thời điểm ghi nhận ban đầu nó là một phần của một danh mục các công cụ tài chính cụ thể được quản lý và có bằng chứng về việc kinh doanh danh mục đó để nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- ▲ Nó là một công cụ phái sinh (ngoại trừ các công cụ phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, một tài sản tài chính được xác định là tài sản tài chính FVTPL nếu việc phân loại này sẽ làm các thông tin về tài sản tài chính được trình bày một cách hợp lý hơn vì một trong các lý do sau đây:

- ▲ Nó loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị (còn được gọi là sự "không thống nhất kế toán") mà sự không thống nhất này có thể bắt nguồn từ việc xác định giá trị của các tài sản hoặc ghi nhận lãi hoặc lỗ theo các cơ sở khác nhau; hoặc
- ▲ Một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý của nó được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị hợp lý và phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư đã được quy định và thông tin về nhóm tài sản này được cung cấp nội bộ cho những người quản lý quan trọng của Công ty (được nêu rõ trong Chuẩn mực Kế toán – Thuyết minh về các bên liên quan), ví dụ như Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, cổ đông lớn của Công ty.

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm các chi phí mua. Các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường). Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Tài sản tài chính ngoại trừ các khoản phải thu (tiếp theo)

(a) Phân loại và đo lường (tiếp theo)

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh mà:

- ▲ Việc hoàn trả là cố định hay xác định được;
- ▲ Ngày đáo hạn là cố định; và
- ▲ Công ty có ý định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư HTM không bao gồm:

- ▲ Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ ("FVTPL");
- ▲ Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán ("AFS"); và
- ▲ Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Một tài sản tài chính sẽ không được phân loại vào các khoản đầu tư HTM nếu, trong năm tài chính hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất Công ty đã bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các tài sản tài chính HTM trước thời hạn, trong đó mức độ đáng kể được so với tổng giá trị các tài sản tài chính HTM, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một số các điều kiện sau:

- ▲ Rất gần ngày đáo hạn (không quá 3 tháng trước khi đáo hạn) mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của tài sản tài chính;
- ▲ Được thực hiện sau khi Công ty đã thu được phần lớn tiền gốc của các tài sản tài chính này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- ▲ Do liên quan đến một sự kiện đặc biệt ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và nguyên nhân này không lặp lại và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này, sau đó ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực ("EIR").

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tại ngày báo cáo, các khoản đầu tư HTM được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị hoặc khả năng không thu hồi được do một số sự kiện xảy ra sau thời điểm ghi nhận ban đầu gây ảnh hưởng đến dòng tiền ước tính trong tương lai của các khoản đầu tư HTM. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm:

- ▲ Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- ▲ Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- ▲ Công ty đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, mà Công ty không thể xem xét hơn được;
- ▲ Khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính của bên đi vay là cao;
- ▲ Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm đo lường được của dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các khoản đầu tư HTM kể từ khi ghi nhận ban đầu, mặc dù sự suy giảm đó chưa được xác định cụ thể đối với từng tài sản riêng lẻ trong nhóm, bao gồm:
 - ◇ Những thay đổi tiêu cực trong tình hình trả nợ của những người vay trong cùng một nhóm; hoặc
 - ◇ Các điều kiện kinh tế trong nước hoặc địa phương có mối liên quan tới mất khả năng thanh toán đối với các khoản đầu tư HTM trong nhóm.

Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư HTM tại ngày báo cáo. Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư HTM được ghi nhận tăng/(giảm) chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản đầu tư HTM được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư này tại ngày báo cáo.

(iii) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoạt động.

Trong năm báo cáo, Công ty có các khoản cho vay bao gồm:

- ▲ Cho vay giao dịch ký quỹ: là số tiền tài trợ cho nhà đầu tư mua chứng khoán niêm yết trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 1 năm 2017. Theo quy định này, tỷ lệ ký quỹ ban đầu (tỷ lệ giá trị tài sản thực có so với giá trị chứng khoán dự kiến mua được bằng lệnh giao dịch ký quỹ tính theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch) do công ty chứng khoán quy định nhưng không được thấp hơn 50%. Số dư cho vay ký quỹ được đảm bảo bởi chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ.
- ▲ Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán: là số tiền ứng trước cho nhà đầu tư có giao dịch bán chứng khoán tại ngày giao dịch và/hoặc ngày liền kề sau đó. Các khoản ứng trước này có thời hạn hoàn trả trong vòng hai (2) ngày giao dịch.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực ("EIR").

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tại ngày báo cáo, các khoản cho vay được trích lập dự phòng khi có bằng chứng về việc suy giảm giá trị. Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị thị trường của tài sản đảm bảo và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tại ngày báo cáo. Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được ghi nhận tăng/(giảm) chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Tài sản tài chính ngoại trừ các khoản phải thu (tiếp theo)

(a) Phân loại và đo lường (tiếp theo)

(iv) Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")

Các tài sản tài chính AFS bao gồm các tài sản tài chính phi phái sinh mà không được phân loại là FVTPL, HTM, khoản cho vay hay phải thu.

Tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua các tài sản tài chính này.

Tại ngày báo cáo, tài sản tài chính AFS được trình bày theo giá trị hợp lý. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ tài sản tài chính AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu (thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS. Việc ghi nhận như vậy sẽ tiếp tục cho đến khi tài sản tài chính được dừng ghi nhận.

Tại thời điểm dừng ghi nhận, các khoản lãi hoặc lỗ lũy kế trước đây đã được phản ánh vào vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại. Các khoản lãi được tính theo phương pháp lãi suất thực sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo quy định của Chuẩn mực Kế toán về ghi nhận doanh thu.

Tại ngày báo cáo, các tài sản tài chính AFS được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị.

Đối với các công cụ nợ, bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị được xác định tương tự các tài sản tài chính HTM.

Đối với các công cụ vốn, bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm:

- ▲ Những thay đổi đáng kể có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của tổ chức phát hành do những thay đổi về công nghệ, thị trường, kinh tế hoặc môi trường pháp lý cho thấy khả năng không thể thu hồi lại giá gốc của công cụ vốn;
- ▲ Sự suy giảm đáng kể hoặc kéo dài về giá trị của một khoản đầu tư vào công cụ vốn xuống dưới giá gốc.

Mức trích lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của tài sản tài chính AFS tại ngày báo cáo.

Lỗ suy giảm giá trị của tài sản tài chính AFS được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trước đây (nếu có). Khi có bằng chứng khách quan cho thấy tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị thì lỗ lũy kế đã được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu sẽ được chuyển sang ghi nhận vào lãi/lỗ như là một bút toán điều chỉnh do phân loại lại mặc dù tài sản đó chưa bị dừng ghi nhận.

(b) Phân loại lại

(i) Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Khi bán các tài sản tài chính không thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL, Công ty phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các nhóm tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL trước khi bán. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS lũy kế trong vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

(ii) Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- ▲ Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- ▲ Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM") không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS") và phải được định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

(c) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các tài sản tài chính được ghi nhận theo ngày giao dịch – là ngày Công ty trở thành một bên tham gia trong các điều khoản hợp đồng của công cụ tài chính.

Các tài sản tài chính được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các tài sản tài chính đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các tài sản tài chính đó.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba, nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chưa chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

(d) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm chi phí mua. Các tài sản tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các tài sản tài chính với giá trị bằng không (0).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(e) Căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý

Công ty áp dụng nguyên tắc định giá tài sản tài chính theo Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 về chỉ tiêu an toàn tài chính của tổ chức kinh doanh chứng khoán ("Thông tư 91/2020/TT-BTC") để làm căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý, cụ thể như sau:

(i) Cổ phiếu niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM")

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày báo cáo. Cổ phiếu giao dịch trên UPCoM được đánh giá lại căn cứ vào giá tham chiếu trong ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính.

(ii) Cổ phiếu khác

Các cổ phiếu khác được đánh giá lại dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày báo cáo.

(iii) Trái phiếu niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán

Các trái phiếu này được định giá căn cứ vào giá niêm yết (giá sạch) trên hệ thống giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất tính đến ngày báo cáo cộng lãi lũy kế. Các trái phiếu không có giao dịch trong nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày báo cáo sẽ được trình bày theo giá mua cộng lãi lũy kế.

(iv) Trái phiếu không niêm yết

Trái phiếu chưa niêm yết được đánh giá lại theo giá mua cộng lãi lũy kế.

(v) Chứng chỉ quỹ mở/quỹ hoán đổi danh mục ("ETF")

Các chứng chỉ quỹ mở/quỹ ETF được đánh giá lại theo giá trị tài sản ròng trên một (1) chứng chỉ quỹ tại kỳ báo cáo gần nhất tính đến ngày báo cáo.

(vi) Chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi

Các chứng khoán này được định giá dựa trên giá trị sổ sách tại ngày báo cáo gần nhất.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán không thuộc các nhóm nêu trên sẽ được dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày báo cáo.

(f) Hạch toán lãi/(lỗ)

Chi phí mua

Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính FVTPL được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động. Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính khác được hạch toán vào giá gốc của tài sản.

Chi phí bán

Chi phí giao dịch bán các tài sản tài chính được hạch toán vào chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.

Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán

Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính được hạch toán vào doanh thu/(chi phí) hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị tài sản tài chính

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị tài sản tài chính được ghi tăng/(giảm) chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.

2.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, phải thu phí dịch vụ cung cấp, phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) phát sinh trong năm được hạch toán tăng/(giảm) chi phí hoạt động trong báo cáo kết quả hoạt động.

2.9 Hợp đồng tương lai

Hợp đồng tương lai là chứng khoán phái sinh niêm yết, trong đó xác nhận cam kết giữa các bên để thực hiện một trong các giao dịch sau:

- ▲ Mua hoặc bán một số lượng tài sản cơ sở nhất định theo một mức giá đã được xác định vào một ngày đã được ấn định trước trong tương lai; hoặc
- ▲ Thanh toán khoản chênh lệch giữa giá trị tài sản cơ sở đã xác định trước tại thời điểm giao kết hợp đồng và giá trị tài sản cơ sở tại một ngày được ấn định trước trong tương lai.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến hợp đồng tương lai theo hướng dẫn trong Công văn 6190/BTC-CĐKT, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.9 Hợp đồng tương lai (tiếp theo)

Giao dịch tự doanh

Tiền gửi ký quỹ tự doanh chứng khoán phái sinh được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" trên báo cáo tình hình tài chính.

Chứng khoán đem ký quỹ để giao dịch chứng khoán phái sinh không bị dừng ghi nhận mà được theo dõi trên tài khoản chi tiết của cùng loại tài sản tài chính và thuyết minh trên báo cáo tài chính.

Lãi (hoặc lỗ) vị thế của hợp đồng tương lai được xác định và thanh toán hàng ngày dựa trên giá thanh toán cuối ngày hạch toán trừ đi giá thanh toán cuối ngày giao dịch gần nhất. Lãi (hoặc lỗ) vị thế được ghi nhận vào thu nhập (hoặc chi phí) đã thực hiện trong báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu "Lãi (hoặc lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL".

Lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh từ tiền gửi ký quỹ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu "Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định".

Giao dịch môi giới

Tiền nộp vào Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu "Tài sản dài hạn khác" trên báo cáo tình hình tài chính.

Doanh thu từ phí giao dịch hợp đồng tương lai được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu "Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán".

Tiền và tài sản ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh của khách hàng được ghi nhận ngoài báo cáo tình hình tài chính ở chỉ tiêu "Tài sản ký quỹ của nhà đầu tư" và "Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC".

2.10 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khấu hao và hao mòn

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- ▲ Phương tiện vận chuyển 6 năm
- ▲ Thiết bị văn phòng 3 - 5 năm
- ▲ Phần mềm máy tính 3 - 4 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình hình thành nhằm phục vụ công việc kinh doanh hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ, công cụ và dụng cụ không đáp ứng tiêu chuẩn để hạch toán là TSCĐ theo quy định hiện hành. Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được kết chuyển vào chi phí hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ hai (2) đến bốn mươi (40) năm vào báo cáo kết quả hoạt động:

- ▲ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▲ Chi phí thuê văn phòng; và
- ▲ Chi phí vật dụng văn phòng.

2.13 Ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn

Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn được ghi nhận khi Công ty thanh toán khoản tiền ký quỹ, ký cược theo điều khoản hợp đồng và được phân loại là tài sản ngắn hạn/dài hạn khác.

2.14 Nợ phải trả

(a) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Nợ phải trả được ghi nhận khi Công ty phát sinh nghĩa vụ từ việc nhận về một tài sản, tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý khi ký kết hợp đồng giao dịch. Nợ phải trả được chấm dứt ghi nhận khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ phát sinh. Các khoản phải trả được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và thận trọng.

(b) Phân loại

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào loại nghiệp vụ phát sinh bao gồm:

- ▲ Nợ vay.
- ▲ Phải trả liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán.
- ▲ Phải trả chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành.
- ▲ Phải trả người bán gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua các tài sản tài chính, hàng hóa và dịch vụ.
- ▲ Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua các tài sản tài chính, hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.15 Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty là các nghĩa vụ mang tính bắt buộc để thanh toán tiền hoặc tài sản tài chính cho đơn vị khác hoặc trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện không có lợi cho Công ty hoặc là các hợp đồng có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tài sản tài chính và nợ tài chính được trình bày theo giá trị thuần trên báo cáo tài chính trong trường hợp Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần, hoặc để cùng lúc thanh toán một tài sản và một khoản nợ phải trả.

2.16 Các khoản vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và bên thứ ba. Các khoản vay được trình bày theo giá gốc tại ngày báo cáo.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày báo cáo.

2.17 Chứng quyền có bảo đảm

Chứng quyền có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do công ty chứng khoán phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện. Công ty chứng khoán phát hành chứng quyền phải ký quỹ tiền, tài sản tài chính hoặc có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng lưu ký để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán với người sở hữu chứng quyền.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến chứng quyền có bảo đảm theo hướng dẫn trong Thông tư 23/2018/TT-BTC, cụ thể như sau:

Chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành

Khi phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư, số tiền thu được hạch toán tăng phải trả chứng quyền.

Khi Công ty mua lại chứng quyền đã phát hành trong vai trò tạo lập thị trường, hoặc khi chứng quyền bị hủy niêm yết và Công ty phải thu hồi, chênh lệch dương (hoặc âm) giữa giá mua lại và giá trị ghi sổ của chứng quyền được ghi nhận vào lỗ (hoặc lãi) trong báo cáo kết quả hoạt động.

Các chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí trong năm phát sinh. Tiền bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư và tiền phạt trả chậm tiền cho nhà đầu tư được ghi nhận vào chi phí khác.

Cuối năm, chứng quyền có bảo đảm được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch tăng (hoặc giảm) đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm được ghi nhận vào lỗ (hoặc lãi) trong báo cáo kết quả hoạt động.

Lãi (hoặc lỗ) tại ngày đáo hạn chứng quyền được hạch toán vào lãi (hoặc lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL trong báo cáo kết quả hoạt động.

Số lượng chứng quyền được phép phát hành, số lượng đã phát hành và mua lại được hạch toán và theo dõi trong tài khoản ngoại bảng. Số lượng chứng quyền được phép phát hành nhưng chưa lưu hành tại ngày báo cáo được trình bày trong các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Chứng khoán dùng cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền

Chứng khoán dùng cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền được theo dõi trong tài khoản riêng và được đánh giá lại cuối năm. Kết quả đánh giá lại được hạch toán tương tự như tài sản tài chính FVTPL.

Giao dịch tự doanh chứng quyền

Khi Công ty mua các chứng quyền của tổ chức khác phát hành để đầu tư thì Công ty hạch toán tương tự với tài sản tài chính FVTPL.

2.18 Thuế thu nhập của nhà đầu tư

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, đối với nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài, Công ty có trách nhiệm giữ lại 0.1% số tiền giao dịch bán để nộp thuế nhà thầu thay cho nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư cá nhân (kể cả cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú), Công ty cần giữ lại 0.1% số tiền giao dịch bán để nộp thuế thu nhập cá nhân ("TNCN") thay cho nhà đầu tư. Công ty sẽ kê khai và nộp thuế cho các nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư là tổ chức trong nước, Công ty không giữ lại tiền thuế trên số tiền giao dịch bán mà chính các tổ chức trong nước này tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

2.19 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí kinh doanh của năm báo cáo.

2.20 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể dẫn đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí hoạt động trong năm.

2.21 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi năm báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày báo cáo.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.22 Vốn chủ sở hữu

(a) Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị huỷ bỏ tại ngày báo cáo. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc huỷ các công cụ vốn chủ sở hữu của chính Công ty.

- ▲ Cổ phiếu quỹ mua lại trước ngày hiệu lực của Luật Chứng khoán 2019 (ngày 1 tháng 1 năm 2021) là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị huỷ bỏ và có thể được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- ▲ Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 1 tháng 1 năm 2021 sẽ được huỷ bỏ và điều chỉnh giảm vốn điều lệ theo quy định. Công ty không có giao dịch mua lại cổ phiếu quỹ sau ngày 1 tháng 1 năm 2021 tính đến ngày phát hành báo cáo này.

(b) Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý

Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý.

(c) Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Từ ngày 1 tháng 2 năm 2022, Thông tư 114/2021/TT-BTC do Bộ Tài chính ban ngày 17 tháng 12 năm 2021 chính thức có hiệu lực, theo đó:

- ▲ Chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán theo Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 được bãi bỏ toàn bộ.
- ▲ Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ theo Luật Chứng khoán 2019, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ hoạt động của Công ty.
- ▲ Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn, và Điều lệ hoạt động của Công ty, đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Trước ngày 1 tháng 2 năm 2022:

- ▲ Theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, công ty chứng khoán phải trích lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ở mức 5% lợi nhuận sau thuế TNDN cho mỗi quỹ vào mỗi năm có lợi nhuận cho đến khi mỗi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ.
- ▲ Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và của tổ chức bảo hiểm, sử dụng quỹ bảo vệ nhà đầu tư và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí.
- ▲ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ trích lập để bổ sung vốn điều lệ.

(d) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

(e) Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động sau thuế TNDN của Công ty tại ngày báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện từ các giao dịch đã phát sinh lũy kế đến ngày báo cáo.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện của năm báo cáo là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm báo cáo là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện.

2.23 Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính khi cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông hoặc khi Hội đồng Quản trị công bố quyết định trả cổ tức giữa kỳ phù hợp với Điều lệ công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông là lợi nhuận đã thực hiện sau thuế TNDN. Trước ngày 1 tháng 2 năm 2022 (ngày Thông tư 114/2021/TT-BTC có hiệu lực), cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông là lợi nhuận đã thực hiện sau thuế TNDN sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ.

2.24 Tài sản của khách hàng và nợ phải trả khách hàng

Tài sản của khách hàng và nợ phải trả khách hàng được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính bao gồm:

- ▲ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của tổ chức phát hành và nợ phải trả tương ứng.
- ▲ Tài sản tài chính của nhà đầu tư.

2.25 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành chứng khoán, chi phí tư vấn đầu tư tài chính, phí lưu ký chứng khoán và hoạt động ủy thác đầu tư.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- ▲ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- ▲ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- ▲ Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày báo cáo.
- ▲ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản giảm giá dịch vụ đã cung cấp. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ cung cấp dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày báo cáo nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.25 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)

(b) Thu nhập từ hoạt động tự doanh tài sản tài chính

Thu nhập từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính và cổ tức.

Lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính là khoản chênh lệch giữa giá bán chưa trừ phí bán và giá vốn của tài sản tài chính được thanh lý, nhượng bán. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là thu nhập.

(c) Thu nhập trên vốn kinh doanh

Thu nhập trên vốn kinh doanh bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản đầu tư HTM, lãi thu được từ các hợp đồng giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản thu nhập này được ghi nhận theo phương pháp dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

(d) Thu nhập từ các nghiệp vụ mua lại và bán lại chứng khoán

Thu nhập từ các nghiệp vụ mua lại và bán lại chứng khoán được ghi nhận theo thời hạn của hợp đồng mua lại và bán lại chứng khoán.

(e) Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập không thường xuyên phát sinh từ các hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu và thu nhập nêu trên.

2.26 Chi phí

(a) Ghi nhận

Chi phí hoạt động được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

(b) Phân loại

Chi phí của Công ty được phân loại theo chức năng như sau:

- ▲ Chi phí hoạt động.
- ▲ Chi phí tài chính.
- ▲ Chi phí quản lý.
- ▲ Chi phí khác.

2.27 Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh những khoản doanh thu từ hoạt động đầu tư phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng.

2.28 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay.

Công ty thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá đối với những khoản vay có gốc ngoại tệ thông qua việc ký kết các hợp đồng ngoại tệ kỳ hạn và hợp đồng hoán đổi ngoại tệ với các ngân hàng thương mại trong nước. Chi phí phòng ngừa rủi ro tỷ giá phát sinh từ những hợp đồng này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng và ghi nhận vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động.

2.29 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty.

2.30 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày báo cáo.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.31 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ với từng bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.32 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào giao dịch chứng khoán và cung cấp dịch vụ (bộ phận chia theo hoạt động), hoặc giao dịch chứng khoán và cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty được dựa theo bộ phận chia theo hoạt động.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

2.33 Số liệu bằng không

Các khoản mục được quy định trong Thông tư 334/2016/TT-BTC, Công văn 6190/BTC-CDKT và Thông tư 23/2018/TT-BTC không được thể hiện trong báo cáo tài chính này được hiểu là có số liệu bằng không.

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 (VND)	31/12/2022 (VND)
Tiền		
Tiền mặt tại quỹ	381,061,602	720,581,310
Tiền gửi ngân hàng	2,604,185,645,304	5,330,529,577,511
<i>Trong đó:</i>		
Tiền gửi ký quỹ cho chứng quyền (*)	220,000,000,000	309,400,000,000
Tổng cộng	2,824,566,706,906	5,640,650,158,821

(*) Đây là tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký nhằm đảm bảo thanh toán cho chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành. Tiền gửi này được phong tỏa trong suốt thời gian có hiệu lực của chứng quyền và duy trì tối thiểu là 50% giá trị chứng quyền đã phát hành, không tính số chứng quyền đã hủy niêm yết theo quy định tại Thông tư 107/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2016.

3.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

	Chênh lệch đánh giá lại		
	Giá gốc	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm / giá trị hợp lý
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023			
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	602,741,644,831	9,659,702,012	(11,382,324,650)
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	260,505,652,264	3,378,368,045	(686,875,059)
Trái phiếu niêm yết	1,200,000,000,000	13,045,479,452	-
Chứng chỉ quỹ ETF	141,577,212,688	3,314,256,012	-
Tổng cộng	2,204,824,509,783	29,397,805,521	(12,069,199,709)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022			
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	171,030,969,919	1,145,621,060	(3,371,526,354)
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	22,373,244,575	158,704,668	(241,366,443)
Trái phiếu niêm yết	1,201,000,000,000	15,336,958,904	-
Chứng chỉ quỹ ETF	16,964,865,864	331,222,744	(232,989,108)
Tổng cộng	1,411,369,080,358	16,972,507,376	(3,845,881,905)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") (tiếp theo)

Mã chứng khoán	31/12/2023		31/12/2022		
	Giá gốc (VND)	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý (VND)	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	602,741,644,831	601,019,022,193	171,030,969,919	168,805,064,625	
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	VNM	53,268,998,570	48,767,924,400	4,006,357,173	3,905,375,900
Ngân hàng TMCP Quân Đội	MBB	46,023,740,848	47,172,004,500	9,071,209,468	8,803,746,900
Công ty Cổ phần FPT	FPT	45,653,904,602	45,775,697,400	21,712,949,453	21,669,343,400
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB	40,651,044,511	42,033,235,200	10,978,406,753	10,967,884,900
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW	38,161,484,166	32,055,412,500	435,561,924	425,680,500
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB	34,100,725,163	34,934,056,400	9,943,986,599	9,639,832,500
Ngân hàng TMCP Kỹ Thuật Việt Nam	TCB	33,644,085,879	34,539,888,000	12,896,826,886	12,342,341,000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	HPG	29,722,684,541	30,206,179,900	4,857,142,029	4,759,596,000
Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động	MWG	25,781,865,698	25,749,164,800	15,598,946,303	15,037,136,400
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB	22,478,783,251	22,950,304,000	3,670,102,583	3,638,700,000
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM	18,317,035,689	19,091,592,000	5,629,097,943	5,569,680,000
Công ty Cổ phần Vincom	VIC	16,913,858,528	17,292,445,800	5,978,657,044	5,752,457,400
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	SSI	15,707,455,096	15,865,720,800	1,680,922,341	1,571,954,700
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	HDB	14,772,930,331	15,785,300,300	2,566,197,029	2,481,708,350
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	MSN	14,497,125,472	14,794,940,000	4,664,048,376	4,540,260,000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	SHB	13,483,724,296	13,473,194,400	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VIB	11,720,806,964	11,982,146,400	4,088,616,268	3,985,155,000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	SSB	10,829,592,499	11,290,670,700	-	-
Công ty Cổ phần Hàng không VietJet	VJC	10,195,667,146	10,299,096,000	5,782,860,715	5,711,739,000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB	9,987,217,734	10,151,629,800	3,535,972,397	3,438,833,250
Cổ phiếu khác		96,828,913,847	96,808,418,893	43,933,108,635	44,563,639,425

Mã chứng khoán	31/12/2023		31/12/2022		
	Giá gốc (VND)	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý (VND)	
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	260,505,652,264	263,197,145,250	22,373,244,575	22,290,582,800	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB	72,540,980,342	72,235,377,500	3,009,532,977	3,049,875,000
Công ty Cổ phần FPT	FPT	51,314,511,309	51,675,853,000	2,356,689,547	2,373,903,000
Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động	MWG	25,786,848,358	26,257,800,000	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thuật Việt Nam	TCB	24,961,407,691	25,938,624,000	1,161,842,344	1,064,503,000
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM	19,008,453,131	19,915,200,000	-	-
CTCP Vincom Retail	VRE	17,493,519,042	17,530,221,000	545,066,465	540,991,000
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	VNM	15,690,500,958	15,311,400,000	2,870,720,301	2,800,480,000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB	13,848,447,763	13,992,806,400	9,586,187,608	9,687,336,800
Cổ phiếu khác		19,860,983,670	20,339,863,350	2,843,205,333	2,773,494,000
Trái phiếu niêm yết	1,200,000,000,000	1,213,045,479,452	1,201,000,000,000	1,216,336,958,904	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID121027	1,200,000,000,000	1,213,045,479,452	1,200,000,000,000	1,215,317,917,808
Ngân hàng Chính sách Xã hội	BVBS18164	-	-	1,000,000,000	1,019,041,096
Chứng chỉ quỹ ETF	141,577,212,688	144,891,468,700	16,964,865,864	17,063,099,500	
Quỹ VFMDIAMOND ETF	FUEFVND	97,375,018,764	99,656,818,000	11,881,092,172	12,060,360,000
Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD	FUESSVFL	40,629,532,035	41,235,656,000	-	-
Quỹ ETF DCVFMVN30	E1VFMVN30	1,545,159,689	1,586,894,700	3,056,271,492	3,006,139,500
Quỹ MAFMVN30 ETF	FUEMAV30	1,030,345,084	1,341,100,000	1,030,345,084	1,182,300,000
Quỹ MIDCAP	FUEDCMID	997,157,116	1,071,000,000	997,157,116	814,300,000
Tổng cộng	2,204,824,509,783	2,222,153,115,595	1,411,369,080,358	1,424,495,705,829	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") (tiếp theo)

Thông tin chi tiết trái phiếu mà Công ty nắm giữ tại ngày báo cáo như sau:

	Tài sản đảm bảo	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất/ năm	Mệnh giá/ trái phiếu
Trái phiếu niêm yết					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BID121027	Không	28/10/2021	28/10/2029	(*)	100,000

(*) Lãi suất được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 0.9%/năm. Lãi suất được xác định lại định kỳ 6 tháng/lần. Lãi suất tham chiếu là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam (trả lãi sau) áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước.

3.3 Các khoản cho vay

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 31/12/2022	
	Giá trị phân bổ (VND)	Dự phòng suy giảm giá trị (VND)	Giá trị phân bổ (VND)	Dự phòng suy giảm giá trị (VND)
Cho vay giao dịch chứng khoán (*)	12,135,124,175,279	(427,207,338)	7,378,982,938,005	-

(*) Số dư thể hiện các khoản của hợp đồng giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Trong đó, chứng khoán của khách hàng tham gia vào giao dịch ký quỹ được Công ty nắm giữ như tài sản đảm bảo cho khoản vay. Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 36,150,762,912,200 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 27,629,267,621,700 Đồng).

3.4 Các khoản phải thu ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 31/12/2022	
	Giá trị ghi sổ (VND)	Giá trị phải thu khó đòi (VND)	Giá trị ghi sổ (VND)	Giá trị phải thu khó đòi (VND)
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp				
Phải thu VSDC	251,011,265,410	-	549,833,689,050	-
Phải thu tiền mua chứng khoán (*)	17,000,000,000	-	17,000,000,000	-
Phải thu phí dịch vụ tư vấn tài chính	11,483,380,000	-	11,423,380,000	-
Phải thu hoạt động kinh doanh chứng khoán khác	1,876,450,214	-	2,311,874,650	-
	281,371,095,624		580,568,943,700	
Các khoản phải thu khác				
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	71,657,469,039	-	163,540,195,476	-
Phải thu khác	1,221,043,093	-	1,045,161,934	-
	72,878,512,132	-	164,585,357,410	-
Tổng cộng	354,249,607,756		745,154,301,110	

(*) Đây là các khoản phải thu tiền mua cổ phiếu từ các khách hàng cá nhân. Tổng giá trị hợp lý của tài sản đảm bảo cho các khoản phải thu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 17,000,000,000 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 17,000,000,000 Đồng).

3.5 Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh

Đây là tiền ký quỹ của Công ty cho giao dịch tự doanh chứng khoán phái sinh theo Quyết định 96/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

3.6 TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

	Phương tiện vận chuyển (VND)	Thiết bị văn phòng (VND)	Tổng cộng (VND)
Nguyên giá			
Tại ngày 1/1/2023	15,605,254,800	141,757,348,110	157,362,602,910
Mua trong năm	5,508,580,000	20,375,660,100	25,884,240,100
Thanh lý	(13,640,000)	(383,079,400)	(396,719,400)
Tại ngày 31/12/2023	21,100,194,800	161,749,928,810	182,850,123,610
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1/1/2023	2,933,054,431	105,596,524,750	108,529,579,181
Khấu hao trong năm	3,110,524,411	22,602,377,152	25,712,901,563
Thanh lý	(13,640,000)	(383,079,400)	(396,719,400)
Tại ngày 31/12/2023	6,029,938,842	127,815,822,502	133,845,761,344
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1/1/2023	12,672,200,369	36,160,823,360	48,833,023,729
Tại ngày 31/12/2023	15,070,255,958	33,934,106,308	49,004,362,266

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 101,800,982,026 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 81,298,470,131 Đồng).

(b) TSCĐ vô hình

	Phần mềm máy tính (VND)
Nguyên giá	
Tại ngày 1/1/2023	89,320,899,084
Mua trong năm	1,784,952,000
Tại ngày 31/12/2023	91,105,851,084
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1/1/2023	79,878,447,254
Khấu hao trong năm	5,294,387,236
Tại ngày 31/12/2023	85,172,834,490
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1/1/2023	9,442,451,830
Tại ngày 31/12/2023	5,933,016,594

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 72,294,423,844 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 70,055,128,018 Đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.7 Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	Tại ngày	
	31/12/2023 (VND)	31/12/2022 (VND)
Chi phí công nghệ thông tin	14,746,372,181	13,252,988,362
Chi phí thuê văn phòng	3,941,330,269	2,135,412,059
Chi phí bảo hiểm sức khỏe	3,023,599,876	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2,945,044,734	3,919,752,925
Tổng cộng	24,656,347,060	19,308,153,346

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày	
	31/12/2023 (VND)	31/12/2022 (VND)
Chi phí thuê trụ sở văn phòng	75,539,761,921	78,372,502,993
Chi phí cải tạo văn phòng	8,552,361,449	4,961,004,473
Chi phí công nghệ thông tin	195,247,800	161,830,446
Tổng cộng	84,287,371,170	83,495,337,912

3.8 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ với số tiền ban đầu là 120 triệu Đồng tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và hàng năm đóng thêm số tiền là 0.01% của tổng giá trị chứng khoán đã giao dịch và môi giới trong năm trước nhưng không quá 2.5 tỷ Đồng/năm. Mức đóng góp tối đa vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ Đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã nộp đủ mức đóng góp tối đa.

3.9 Tiền nộp Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh

Theo Quy chế Quản lý và Sử dụng Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh ban hành kèm theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ Đồng đối với thành viên bù trừ trực tiếp.

3.10 Các khoản vay

Biến động các khoản vay trong năm như sau:

	Lãi suất %/năm	Số dư đầu năm (VND)	Số vay trong năm (VND)	Số trả trong năm (VND)	Số dư cuối năm (VND)
Vay ngắn hạn					
Vay ngân hàng trong nước	2.9 - 10.5	3,515,000,000,000	25,394,000,000,000	(23,129,000,000,000)	5,780,000,000,000
Vay ngân hàng nước ngoài (*), (**)	LIBOR + 2 - 2.3 SOFR + 2.3 - 2.65	4,174,687,250,000	1,669,407,640,000	(4,174,687,250,000)	1,669,407,640,000
Vay thấu chi ngân hàng (*)	5.0 - 7.6	700,000,000,000	21,221,394,602,290	(21,039,634,365,164)	881,760,237,126
Vay khác trong nước (***)	3.4 - 8.6	26,000,000,000	1,116,855,520,651	(332,950,095,993)	809,905,424,658
Tổng cộng		6,938,057,640,000	49,420,848,122,941	(47,198,642,101,157)	9,160,263,661,784

Các khoản vay ngắn hạn có thời hạn từ 1 tháng đến 364 ngày nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh.

(*) Vay ngân hàng trong nước bao gồm 1,630,000,000,000 Đồng là các khoản vay có tài sản đảm bảo (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2,865,000,000,000). Các khoản vay ngân hàng nước ngoài và vay thấu chi ngân hàng trong nước là các khoản vay có tài sản đảm bảo.

(**) Lãi suất vay được thả nổi bằng lãi suất tham chiếu cộng lãi biên từ 2% - 2.3%/năm (LIBOR) đến hết ngày 11 tháng 7 năm 2023 hoặc bằng lãi suất tham chiếu cộng lãi biên từ 2.3% - 2.65% (SOFR).

Lãi suất tham chiếu là lãi suất vay liên ngân hàng London ("LIBOR") áp dụng cho đồng Đô la Mỹ ("USD") cùng kỳ hạn được niêm yết vào 10:00 sáng (giờ London) ngày tính lãi. Trường hợp không có lãi suất LIBOR áp dụng cho USD cùng kỳ hạn khoản vay, lãi suất tham chiếu sẽ là lãi suất LIBOR áp dụng cho USD quy đổi về cùng kỳ hạn khoản vay cùng thời điểm nêu trên ("lãi suất quy đổi"). Trường hợp không xác định được lãi suất quy đổi, lãi suất tham chiếu sẽ là lãi suất huy động của từng bên cho vay.

Lãi suất tham chiếu là lãi suất tài trợ qua đêm có bảo đảm ("SOFR") áp dụng cho đồng Đô la Mỹ ("USD") được quản lý và công bố bởi Ngân hàng Dự trữ Liên Bang New York vào mỗi ngày làm việc. Trong trường hợp không phải là ngày làm việc đối với ngày tính lãi suất SOFR, thì lãi suất tham chiếu áp dụng cho khoản vay cũng thời điểm nêu trên là lãi suất tham chiếu SOFR của ngày làm việc trước đó. Trường hợp không xác định được lãi suất quy đổi, lãi suất tham chiếu sẽ là lãi suất huy động của từng bên cho vay.

Các khoản vay nước ngoài có nguyên tệ là đồng Đô la Mỹ. Công ty đã thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá 100% dư nợ đi vay thông qua hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền và hợp đồng ngoại tệ kỳ hạn với các ngân hàng thương mại trong nước. Các hợp đồng này đáo hạn tương ứng với thời điểm đáo hạn của các khoản vay.

(***) Bao gồm các khoản vay tín chấp với cá nhân và các tổ chức trong nước.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có khoản vay nào từ các bên liên quan hay bị quá hạn thanh toán và Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.11 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Tại ngày	
	31/12/2023 (VND)	31/12/2022 (VND)
Phải trả chứng quyền có bảo đảm	48,806,417,000	2,999,481,104
Phải trả nhà đầu tư tiền mua cổ phiếu	22,718,333,580	22,969,626,993
Phải trả cho các sở giao dịch chứng khoán và VSDC	12,791,855,550	19,019,040,498
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	2,567,049,253	1,327,728,412
Tổng cộng	86,883,655,383	46,315,877,007

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có khoản phải trả nào đến hạn nhưng chưa thanh toán, và Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản phải trả này.

3.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Biến động về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1/1/2023 (VND)	Số phải nộp trong năm (VND)	Số đã nộp trong năm (VND)	Tại ngày 31/12/2023 (VND)
Thuế TNDN	34,238,315,498	168,233,981,215	(156,278,768,514)	46,193,528,199
Thuế TNCN giao dịch chứng khoán nộp hộ khách hàng	31,918,221,207	222,809,243,253	(239,931,040,636)	14,796,423,824
Thuế TNDN nộp hộ doanh nghiệp nước ngoài	4,789,324,711	71,745,968,927	(69,998,139,614)	6,537,154,024
Thuế TNCN của nhân viên	4,196,047,521	85,803,960,732	(85,323,333,782)	4,676,674,471
Thuế Giá trị gia tăng	101,051,604	1,202,945,252	(1,239,729,612)	64,267,244
Thuế Nhà thầu	2,230,058,653	14,473,327,334	(15,985,897,882)	717,488,105
Tổng cộng	77,473,019,194	564,274,426,713	(568,761,910,040)	72,985,535,867

3.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày	
	31/12/2023 (VND)	31/12/2022 (VND)
Phụ cấp hoàn thành công việc	67,500,000,000	85,000,000,000
Chi phí lãi vay	35,548,257,726	48,635,135,551
Các khoản phát triển kinh doanh phải trả	16,198,000,000	38,959,000,000
Dự phòng trợ cấp thôi việc	12,566,225,000	11,216,225,000
Chi phí phải trả khác	15,147,635,428	4,612,583,549
Tổng cộng	146,960,118,154	188,422,944,100

3.14 Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

	Tại ngày	
	31/12/2023 (VND)	31/12/2022 (VND)
Khách hàng nộp tiền mua cổ phiếu phát hành thêm	36,883,112,000	12,450,000
Phải trả nhà đầu tư	7,865,929,636	8,330,234,938
Cổ tức trả hộ	3,734,547,794	3,404,224,244
Cổ tức phải trả cho các cổ đông của Công ty (*)	3,479,687,165	232,040,143,365
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4,658,923,969	6,260,267,727
Tổng cộng	56,622,200,564	250,047,320,274

(i) Chi tiết biến động cổ tức phải trả trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc	
	31/12/2023 (VND)	31/12/2022 (VND)
Số dư đầu năm	232,040,143,365	155,952,838,630
Cổ tức bằng tiền công bố trong năm	228,605,974,500	228,605,974,500
<i>Trong đó:</i>		
Cổ tức đợt 2 năm 2021 (*)	-	114,302,987,250
Cổ tức đợt 1 năm 2022 (**)	-	114,302,987,250
Cổ tức đợt 2 năm 2022 (Thuyết minh 6.1(ii))	228,605,974,500	-
Cổ tức đã trả	(457,166,430,700)	(152,518,669,765)
Số dư cuối năm	3,479,687,165	232,040,143,365
<i>Trong đó:</i>		
Cổ tức các năm trước (***)	3,479,687,165	3,434,168,865
Cổ tức đợt 2 năm 2021	-	114,302,987,250
Cổ tức đợt 1 năm 2022	-	114,302,987,250
	3,479,687,165	232,040,143,365

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 8 tháng 8 năm 2022, mức chia cổ tức đợt 2 của năm 2021 là 2.5% mệnh giá của cổ phiếu, tương đương 250 Đồng/cổ phiếu.

(**) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 29 tháng 12 năm 2022, mức tạm ứng cổ tức đợt 1 của năm 2022 là 2.5% mệnh giá của cổ phiếu, tương đương 250 Đồng/cổ phiếu. Cổ tức đợt 1 năm 2022 và cổ tức đợt 2 năm 2021 được chi trả bằng tiền mặt dựa trên danh sách cổ đông chốt ngày 18 tháng 1 năm 2023 và ngày thanh toán là ngày 8 tháng 2 năm 2023.

(***) Số dư cổ tức các năm trước chưa chi trả tại ngày báo cáo là do một số cổ đông chưa đến nhận.

Ngoài các khoản (***) ra, Công ty không có khoản phải trả nào khác đến hạn nhưng chưa thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản phải trả này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.15 Tài sản thuế TNDN hoãn lại

	Tại ngày	
	31/12/2023 (VND)	31/12/2022 (VND)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	2,598,686,468	2,243,245,000

Biến động của tài sản thuế TNDN hoãn lại trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc	
	31/12/2023 (VND)	31/12/2022 (VND)
Số dư đầu năm	2,243,245,000	1,979,982,500
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động (Thuyết minh 5,7)	355,441,468	263,262,500
Số dư cuối năm	2,598,686,468	2,243,245,000

Chi tiết tài sản thuế TNDN hoãn lại như sau:

	Tại ngày	
	31/12/2023 (VND)	31/12/2022 (VND)
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ:		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	12,566,225,000	11,216,225,000
Dự phòng phải thu khó đòi	427,207,338	-
	12,993,432,338	11,216,225,000
Tính ở thuế suất 20%: Tài sản thuế TNDN hoãn lại	2,598,686,468	2,243,245,000

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để căn trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

3.16 Vốn góp của chủ sở hữu

(a) Số lượng cổ phiếu

	Tại ngày	
	31/12/2023	31/12/2022
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký	458,052,367	458,052,367
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	458,052,367	458,052,367
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(840,418)	(840,418)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	457,211,949	457,211,949

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, toàn bộ cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông. Mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10,000 Đồng và tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 31/12/2022	
	Cổ phiếu phổ thông (VND)	%	Cổ phiếu phổ thông (VND)	%
Phần vốn của Nhà nước				
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh ("HFIC") (*)	105,772,520	23.09	105,772,520	23.09
Phần vốn của các đối tượng khác				
Công ty TNHH Dragon Capital Markets	137,475,834	30.01	137,475,834	30.01
Các cổ đông khác	213,963,595	46.72	213,963,595	46.72
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu quỹ	840,418	0.18	840,418	0.18
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	458,052,367	100.00	458,052,367	100.00

(*) Bao gồm trong số lượng cổ phiếu nắm giữ bởi HFIC tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 32,797,340 cổ phiếu liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua hoàn thành ngày 16 tháng 12 năm 2021 và bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Ngày 19 tháng 1 năm 2022, UBCKNN đã có Công văn số 377/UBCK-QLKD yêu cầu Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam hạn chế giao dịch đối với 32,797,340 cổ phiếu phân phối cho HFIC trong đợt phát hành này. Ngày 4 tháng 1 năm 2023, theo Công văn số 100/CVVSD-ĐK.NV nhận cùng ngày, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") thông báo 32,797,340 cổ phiếu trên được điều chỉnh từ chứng khoán hạn chế chuyển nhượng sang chứng khoán tự do chuyển nhượng.

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	457,211,949
Cổ phiếu phát hành thêm trong năm	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	457,211,949

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.17 Lợi nhuận chưa phân phối

	Tại ngày	
	31/12/2023 (VND)	31/12/2022 (VND)
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	2,174,138,486,316	1,783,167,200,002
Lợi nhuận chưa thực hiện	43,008,578,901	13,726,973,808
Tổng cộng	2,217,147,065,217	1,796,894,173,810

Biến động của lợi nhuận chưa phân phối trong năm như sau:

	Số dư tại ngày 31/12/2022 (VND)	Thu nhập trong năm (VND)	Cổ tức đã công bố trong năm (VND)	Trích lập các quỹ (VND)	Khác (*)	Số dư tại ngày 31/12/2023 (VND)
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	1,783,167,200,002	645,077,260,814	(228,605,974,500)	(25,500,000,000)	-	2,174,138,486,316
Lợi nhuận chưa thực hiện	13,726,973,808	29,281,605,093	-	-	-	43,008,578,901
Lợi nhuận chưa phân phối	1,796,894,173,810	674,358,865,907	(228,605,974,500)	(25,500,000,000)	-	2,217,147,065,217

	Số dư tại ngày 31/12/2021 (VND)	Thu nhập trong năm (VND)	Cổ tức đã công bố trong năm (VND)	Trích lập các quỹ (VND)	Khác (*)	Số dư tại ngày 31/12/2022 (VND)
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	1,133,223,368,908	935,852,293,594	(228,605,974,500)	(57,373,000,000)	70,512,000	1,783,167,200,002
Lợi nhuận chưa thực hiện	97,091,391,468	(83,364,417,660)	-	-	-	13,726,973,808
Lợi nhuận chưa phân phối	1,230,314,760,376	852,487,875,934	(228,605,974,500)	(57,373,000,000)	70,512,000	1,796,894,173,810

(*) Thu hồi cổ tức của cổ phiếu phát hành trong chương trình ESOP được mua lại.

4 THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1 Nợ khó đòi đã xử lý

	Tại ngày	
	31/12/2023 (VND)	31/12/2022 (VND)
Hợp đồng giao dịch ký quỹ	37,783,317,946	37,783,317,946
Phải thu phí dịch vụ tư vấn tài chính	1,145,650,000	1,145,650,000
Phải thu khác	999,883,202	999,883,202
	39,928,851,148	39,928,851,148

4.2 Số lượng cổ phiếu

(a) Cổ phiếu đang lưu hành

	Tại ngày	
	31/12/2023	31/12/2022
Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng lưu hành từ 1 năm trở lên (cổ phiếu)	457,211,949	457,211,949

(b) Cổ phiếu quỹ

	Tại ngày	
	31/12/2023	31/12/2022
Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng mua lại từ 1 năm trở lên (cổ phiếu)	840,418	840,418

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

4 THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4.3 Chứng quyền có bảo đảm được phép phát hành nhưng chưa lưu hành

Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tại ngày 31/12/2023			
				Số lượng chứng quyền được phép phát hành	Số lượng chứng quyền hủy đăng ký	Số lượng chứng quyền đang lưu hành	Số lượng chứng quyền chưa lưu hành
CFPT2308	Công ty Cổ phần FPT (FPT)	24/07/2023	24/01/2024	7,000,000	-	2,086,300	4,913,700
CHPG2327	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	24/07/2023	24/01/2024	10,000,000	-	483,700	9,516,300
CMBB2310	Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	24/07/2023	24/01/2024	7,000,000	-	88,000	6,912,000
CMSN2310	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN)	24/07/2023	24/01/2024	7,000,000	-	6,246,800	753,200
CMWG2308	Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG)	24/07/2023	24/01/2024	10,000,000	-	9,157,100	842,900
CPOW2310	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (POW)	24/07/2023	24/01/2024	5,000,000	-	134,400	4,865,600
CSTB2323	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	24/07/2023	24/01/2024	15,000,000	-	2,781,800	12,218,200
CTCB2305	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB)	24/07/2023	24/01/2024	7,000,000	-	268,300	6,731,700
CVHM2310	Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM)	24/07/2023	24/01/2024	7,000,000	-	6,970,000	30,000
CVPB2310	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)	24/07/2023	24/01/2024	10,000,000	-	278,700	9,721,300
CVRE2311	Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE)	24/07/2023	24/01/2024	7,000,000	-	6,606,500	393,500
CFPT2309	Công ty Cổ phần FPT (FPT)	04/08/2023	06/05/2024	5,000,000	-	509,100	4,490,900
CHPG2328	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	04/08/2023	06/05/2024	10,000,000	-	295,100	9,704,900
CMBB2311	Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	04/08/2023	06/05/2024	7,000,000	-	333,700	6,666,300
CMWG2309	Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG)	04/08/2023	06/05/2024	5,000,000	-	3,234,200	1,765,800
CSTB2324	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	04/08/2023	06/05/2024	10,000,000	-	9,586,100	413,900
CTCB2306	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB)	04/08/2023	06/05/2024	7,000,000	-	3,515,300	3,484,700
CVHM2312	Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM)	04/08/2023	06/05/2024	7,000,000	-	5,914,700	1,085,300
CVNM2308	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM)	04/08/2023	06/05/2024	5,000,000	-	3,169,800	1,830,200
CVPB2311	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)	04/08/2023	06/05/2024	7,000,000	-	4,654,000	2,346,000
CVRE2312	Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE)	04/08/2023	06/05/2024	5,000,000	-	4,620,400	379,600
CFPT2310	Công ty Cổ phần FPT (FPT)	04/08/2023	05/08/2024	5,000,000	-	2,349,200	2,650,800
CHPG2329	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	04/08/2023	05/08/2024	10,000,000	-	183,500	9,816,500
CMBB2312	Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	04/08/2023	05/08/2024	7,000,000	-	521,200	6,478,800
CMSN2311	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN)	04/08/2023	05/08/2024	5,000,000	-	999,000	4,001,000
CMWG2310	Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG)	04/08/2023	05/08/2024	5,000,000	-	1,809,100	3,190,900
CSTB2325	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	04/08/2023	05/08/2024	10,000,000	-	6,442,800	3,557,200
CTCB2307	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB)	04/08/2023	05/08/2024	7,000,000	-	1,864,800	5,135,200
CVHM2311	Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM)	04/08/2023	05/08/2024	7,000,000	-	1,094,500	5,905,500
CVPB2312	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)	04/08/2023	05/08/2024	7,000,000	-	107,500	6,892,500
CVRE2313	Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE)	04/08/2023	05/08/2024	5,000,000	-	1,049,800	3,950,200
				228,000,000	-	87,355,400	140,644,600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

4 THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4.3 Chứng quyền có bảo đảm được phép phát hành nhưng chưa lưu hành (tiếp theo)

Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tại ngày 31/12/2022			
				Số lượng chứng quyền được phép phát hành	Số lượng chứng quyền hủy đăng ký	Số lượng chứng quyền đang lưu hành	Số lượng chứng quyền chưa lưu hành
CFPT2211	Công ty Cổ phần FPT (FPT)	30/08/2022	02/03/2023	7,000,000	-	748,900	6,251,100
CHPG2223	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	30/08/2022	02/03/2023	20,000,000	-	1,118,000	18,882,000
CMSN2213	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN)	30/08/2022	02/03/2023	5,000,000	-	93,900	4,906,100
CSTB2220	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	30/08/2022	02/03/2023	20,000,000	-	699,700	19,300,300
CTCB2213	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB)	30/08/2022	02/03/2023	15,000,000	-	4,695,900	10,304,100
CVNM2210	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM)	30/08/2022	02/03/2023	5,000,000	-	237,000	4,763,000
CVPB2213	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)	30/08/2022	02/03/2023	7,000,000	-	2,313,600	4,686,400
CVRE2217	Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE)	30/08/2022	02/03/2023	7,000,000	-	117,500	6,882,500
CACB2208	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	01/12/2022	05/09/2023	10,000,000	-	-	10,000,000
CFPT2213	Công ty Cổ phần FPT (FPT)	01/12/2022	05/09/2023	10,000,000	-	-	10,000,000
CHPG2226	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	01/12/2022	05/09/2023	15,000,000	-	30,000	14,970,000
CMBB2214	Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	01/12/2022	05/09/2023	10,000,000	-	10,000	9,990,000
CMSN2215	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN)	01/12/2022	05/09/2023	7,000,000	-	-	7,000,000
CMWG2214	Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG)	01/12/2022	05/09/2023	7,000,000	-	-	7,000,000
CSTB2224	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	01/12/2022	05/09/2023	15,000,000	-	-	15,000,000
CTCB2215	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB)	01/12/2022	05/09/2023	10,000,000	-	15,000	9,985,000
CVHM2219	Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM)	01/12/2022	05/09/2023	7,000,000	-	-	7,000,000
CVIB2201	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)	01/12/2022	05/09/2023	7,000,000	-	-	7,000,000
CVNM2212	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM)	01/12/2022	05/09/2023	7,000,000	-	-	7,000,000
CVPB2214	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)	01/12/2022	05/09/2023	10,000,000	-	-	10,000,000
CVRE2220	Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE)	01/12/2022	05/09/2023	7,000,000	-	-	7,000,000
CFPT2214	Công ty Cổ phần FPT (FPT)	01/12/2022	01/11/2023	7,000,000	-	-	7,000,000
CHPG2227	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	01/12/2022	01/11/2023	15,000,000	-	-	15,000,000
CMBB2215	Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	01/12/2022	01/11/2023	10,000,000	-	-	10,000,000
CMWG2215	Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG)	01/12/2022	01/11/2023	7,000,000	-	-	7,000,000
CSTB2225	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	01/12/2022	01/11/2023	10,000,000	-	-	10,000,000
CTCB2216	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB)	01/12/2022	01/11/2023	10,000,000	-	-	10,000,000
CVHM2220	Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM)	01/12/2022	01/11/2023	7,000,000	-	-	7,000,000
CVRE2221	Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE)	01/12/2022	01/11/2023	7,000,000	-	-	7,000,000
				281,000,000	-	10,079,500	270,920,500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

4 THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4.4 Hợp đồng tương lai

Vị thế bán đối với các hợp đồng tương lai tại ngày báo cáo như sau:

Mã hợp đồng	Ngày giao dịch đầu tiên	Ngày giao dịch cuối cùng	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 31/12/2022		
			Khối lượng bán	Giá thanh toán cuối ngày	Vị thế bán	Khối lượng bán	Giá thanh toán cuối ngày	Vị thế bán
VN30F2401	17/11/2023	19/01/2024	5,755	1,134,600	652,962,300,000	-	-	-
VN30F2301	18/11/2022	19/01/2023	-	-	-	1,782	1,004,500	179,001,900,000
					652,962,300,000			179,001,900,000

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

5.1 Lãi ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL và mua lại/đáo hạn chứng quyền do Công ty phát hành

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2023 (VND)	31/12/2022 (VND)
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	665,608,273,719	1,329,305,033,052
Trong đó:		
Lãi bán chứng khoán cơ sở	243,267,916,481	298,741,900,052
Lãi bán chứng khoán phái sinh	330,107,220,000	674,812,818,000
Lãi khi mua lại chứng quyền do Công ty phát hành	65,675,033,586	162,700,149,628
Lãi khi đáo hạn chứng quyền do Công ty phát hành	26,558,103,652	193,050,165,372
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	(640,921,144,130)	(1,077,055,292,017)
Trong đó:		
Lỗ bán chứng khoán cơ sở	(230,761,012,517)	(626,452,173,238)
Lỗ bán chứng khoán phái sinh	(356,287,541,000)	(402,620,996,000)
Lỗ khi mua lại chứng quyền do Công ty phát hành	(53,465,004,159)	(46,443,349,532)
Lỗ khi đáo hạn chứng quyền do Công ty phát hành	(407,586,454)	(1,538,773,247)
Lãi ròng	24,687,129,589	252,249,741,035

Chi tiết theo từng loại như sau:

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán (VND)	Giá vốn (*) (VND)	(Lỗ)/lãi bán năm nay (VND)	Lãi/(lỗ) bán năm trước (VND)
Cổ phiếu	597,232,972	18,138,586,052,443	(18,159,274,658,527)	(20,688,606,084)	(306,700,175,728)
Trái phiếu	10,000	1,000,000,000	(1,000,000,000)	-	-
Chứng chỉ quỹ ETF	157,530,500	3,570,464,250,629	(3,537,268,740,581)	33,195,510,048	(21,010,097,458)
Lãi/(lỗ) bán chứng khoán cơ sở				12,506,903,964	(327,710,273,186)
(Lỗ)/lãi ròng vị thế từ nghiệp vụ chứng khoán phái sinh hợp đồng tương lai				(26,180,321,000)	272,191,822,000
Lãi ròng khi mua lại chứng quyền do Công ty phát hành				12,210,029,427	116,256,800,096
Lãi khi đáo hạn chứng quyền do Công ty phát hành				26,150,517,198	191,511,392,125
Tổng cộng				24,687,129,589	252,249,741,035

(*) Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

5.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và chứng quyền có bảo đảm

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2023 (VND)	31/12/2022 (VND)
Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	12,425,298,148	(13,745,393,136)
Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	(8,223,317,807)	21,571,497,129
Tổng cộng	4,201,980,341	7,826,103,993

Chi tiết chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

	Giá gốc (VND)	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý (VND)	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31/12/2023 (VND)	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31/12/2022 (VND)	Ghi nhận vào kết quả hoạt động trong năm (VND)
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	602,741,644,831	601,019,022,193	(1,722,622,638)	(2,225,905,294)	503,282,656
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	260,505,652,264	263,197,145,250	2,691,492,986	(82,661,775)	2,774,154,761
Trái phiếu niêm yết	1,200,000,000,000	1,213,045,479,452	13,045,479,452	15,336,958,904	(2,291,479,452)
Chứng chỉ quỹ ETF	141,577,212,688	144,891,468,700	3,314,256,012	98,233,636	3,216,022,376
Tổng cộng	2,204,824,509,783	2,222,153,115,595	17,328,605,812	13,126,625,471	4,201,980,341

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2023 (VND)	31/12/2022 (VND)
Chênh lệch giảm đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	25,494,648,723	(96,103,887,923)
Chênh lệch tăng đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	(415,023,971)	4,913,366,270
Tổng cộng	25,079,624,752	(91,190,521,653)

Chi tiết chênh lệch đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm như sau:

	Giá gốc (VND)	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý (VND)	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31/12/2023 (VND)	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31/12/2022 (VND)	Ghi nhận vào kết quả hoạt động trong năm (VND)
Chứng quyền có bảo đảm	74,486,390,089	48,806,417,000	25,679,973,089	600,348,337	25,079,624,752

5.3 Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2023 (VND)	31/12/2022 (VND)
Tiền lãi	409,088,209,728	449,243,799,110
Cổ tức	9,828,282,150	5,069,615,493
Tổng cộng	418,916,491,878	454,313,414,603

5.4 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản vay

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2023 (VND)	31/12/2022 (VND)
Chi phí đi vay	486,911,787,005	750,725,049,674
Chi phí dự phòng cho vay ký quỹ	427,207,338	-
Tổng cộng	487,338,994,343	750,725,049,674

5.5 Chi phí hoạt động ngoài các chi phí liên quan đến tài sản tài chính

Chi phí hoạt động trong năm bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí phân bổ, cụ thể như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2023 (VND)	31/12/2022 (VND)
Chi phí hoạt động tự doanh	48,141,651,795	72,102,674,942
Chi phí nhân viên	6,850,652,807	21,498,801,710
Chi phí giao dịch trả cho các sở giao dịch chứng khoán	11,546,344,107	18,232,238,633
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10,370,868,323	9,620,792,804
Chi phí phân bổ (*)	19,373,786,558	22,750,841,795
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	469,988,244,655	572,805,427,628
Chi phí nhân viên	199,162,079,145	252,654,026,557
Chi phí giao dịch trả cho các sở giao dịch chứng khoán	164,803,026,060	196,006,861,777
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46,465,442,323	58,366,058,952
Chi phí thuê văn phòng	23,663,549,531	23,837,716,225
Chi phí khấu hao TSCĐ	8,371,630,000	8,974,657,323
Chi phí phân bổ (*)	27,522,517,596	32,966,106,794
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	10,882,377,718	9,798,386,787
Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	25,316,156,138	26,093,851,921
Chi phí nhân viên	22,269,823,929	22,682,705,175
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,046,332,209	3,411,146,746
Chi phí các dịch vụ khác	4,490,885,157	4,124,185,703
Tổng cộng	558,819,315,463	684,924,526,981

(*) Chi phí phân bổ chủ yếu bao gồm chi phí nhân viên, chi phí dịch vụ mua ngoài của các bộ phận hỗ trợ liên quan và được phân bổ theo doanh thu của từng hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

5.6 Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2023 (VND)	31/12/2022 (VND)
Chi phí nhân viên	142,473,355,297	130,825,567,136
Phụ cấp hoàn thành công việc	67,500,000,000	85,000,000,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	84,571,576,482	64,637,148,705
Chi phí thuê văn phòng	28,629,168,215	23,537,125,167
Chi phí khấu hao TSCĐ	20,817,477,821	15,086,324,382
Chi phí sửa chữa văn phòng	3,873,486,048	6,431,247,738
Chi phí quản lý khác	19,602,309,948	25,250,191,073
Tổng cộng	367,467,373,811	350,767,604,201

5.7 Chi phí thuế TNDN

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2023 (VND)	31/12/2022 (VND)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	842,230,531,762	1,067,806,139,655
Thuế tính ở thuế suất 20%:	168,446,106,352	213,561,227,931
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(1,965,656,430)	(1,013,923,099)
Chi phí không được khấu trừ	1,521,111,024	2,150,976,389
Điều chỉnh khác	(129,895,091)	619,982,500
Chi phí thuế TNDN (*)	167,871,665,855	215,318,263,721
Thuế TNDN ghi nhận trong năm:		
Chi phí thuế TNDN - hiện hành	168,227,107,323	215,581,526,221
Thu nhập thuế TNDN - hoãn lại	(355,441,468)	(263,262,500)
Tổng cộng	167,871,665,855	215,318,263,721

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Cơ quan thuế đã thực hiện quyết toán thuế TNDN cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016.

5.8 Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo quy định, lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

Các khoản thu nhập toàn diện khác không được tính vào lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2023 (VND)	31/12/2022 (VND)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	674,358,865,907	852,487,875,934
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(25,500,000,000)
	674,358,865,907	826,987,875,934
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	457,211,949	457,211,949
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1,475	1,809

(*) Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính, do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm này, lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm nay chưa được điều chỉnh giảm khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm.

(**) Chỉ tiêu lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được tính lại sau khi điều chỉnh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 25 tháng 4 năm 2023, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022		
	Số liệu theo báo cáo trước đây (VND)	Điều chỉnh (VND)	Số liệu tính lại (VND)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	852,487,875,934	(25,500,000,000)	826,987,875,934
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	457,211,949	-	457,211,949
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1,865		1,809

(b) Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

6.1 Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu

Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (*) (VND)	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (*) (VND)	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Tổng cộng (VND)
Tại ngày 1/1/2023	4,580,523,670,000	967,536,880,000	(12,477,449,008)	277,696,843,214	277,696,843,214	3,961,374,994	1,796,894,173,810	7,891,832,336,224
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	-	674,358,865,907	674,358,865,907
Cổ tức đợt 2 năm 2022 (i)	-	-	-	-	-	-	(228,605,974,500)	(228,605,974,500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	-	-	-	(25,500,000,000)	(25,500,000,000)
Tại ngày 31/12/2023	4,580,523,670,000	967,536,880,000	(12,477,449,008)	277,696,843,214	277,696,843,214	3,961,374,994	2,217,147,065,217	8,312,085,227,631

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa có kế hoạch xử lý số dư của Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ theo hướng dẫn của Thông tư 114/2021/TT-BTC được trình bày tại Thuyết minh 2.22(c).

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 25 tháng 4 năm 2023 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 18 tháng 5 năm 2023, mức chia cổ tức đợt 2 của năm 2022 là 5% mệnh giá của cổ phiếu, tương đương 500 Đồng/cổ phiếu. Cổ tức đợt 2 được chi trả bằng tiền mặt dựa trên danh sách cổ đông chốt ngày 9 tháng 6 năm 2023 và ngày thanh toán là ngày 21 tháng 6 năm 2023.

(ii) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 25 tháng 4 năm 2023, mức trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 3% lợi nhuận sau thuế của năm 2022.

	Vốn góp của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (*) (VND)	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (*) (VND)	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Tổng cộng (VND)
Tại ngày 1/1/2022	4,580,523,670,000	967,536,880,000	(12,477,449,008)	277,696,843,214	277,696,843,214	3,961,374,994	1,230,314,760,376	7,325,252,922,790
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	-	852,487,875,934	852,487,875,934
Cổ tức đợt 2 năm 2021 (iii)	-	-	-	-	-	-	(114,302,987,250)	(114,302,987,250)
Cổ tức đợt 1 năm 2022 (iv)	-	-	-	-	-	-	(114,302,987,250)	(114,302,987,250)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (iii)	-	-	-	-	-	-	(57,373,000,000)	(57,373,000,000)
Thu hồi cổ tức của cổ phiếu phát hành trong chương trình ESOP được mua lại	-	-	-	-	-	-	70,512,000	70,512,000
Tại ngày 31/12/2022	4,580,523,670,000	967,536,880,000	(12,477,449,008)	277,696,843,214	277,696,843,214	3,961,374,994	1,796,894,173,810	7,891,832,336,224

(iii) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 8 tháng 8 năm 2022:

- ▲ Mức chia cổ tức đợt 2 của năm 2021 là 2.5% mệnh giá của cổ phiếu, tương đương 250 Đồng/cổ phiếu.
- ▲ Mức trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 5% lợi nhuận sau thuế của năm 2021.

(iv) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 29 tháng 12 năm 2022, mức tạm ứng cổ tức đợt 1 của năm 2022 là 2.5% mệnh giá của cổ phiếu, tương đương 250 Đồng/cổ phiếu. Cổ tức đợt 1 được chi trả bằng tiền mặt dựa trên danh sách cổ đông chốt ngày 18 tháng 1 năm 2023 và ngày thanh toán là ngày 8 tháng 2 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

6.2 Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2023 (VND)	31/12/2022 (VND)
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối đầu năm	1,783,167,200,002	1,133,223,368,908
Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	645,077,260,814	935,852,293,594
Số trích lập trong năm:	(25,500,000,000)	(57,373,000,000)
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(25,500,000,000)	(57,373,000,000)
Lợi nhuận đã phân phối cho cổ đông trong năm	(228,605,974,500)	(228,605,974,500)
Lợi nhuận còn lại có thể phân phối cho cổ đông	2,174,138,486,316	1,783,096,688,002
Lợi nhuận đã phân phối cho cổ đông trong năm	228,605,974,500	228,605,974,500
Thu nhập thuần phân phối cho cổ đông	228,605,974,500	228,605,974,500

7 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Dragon Capital Markets ("DC")	Cổ đông chiến lược, nắm giữ 30.01% vốn điều lệ. Phó Chủ tịch và thành viên HĐQT Công ty là đại diện phần vốn của DC.
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam ("DCVFM")	Chủ tịch HĐQT của Công ty là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM). Phó Chủ tịch HĐQT của Công ty là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM).
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh ("HFIC")	Cổ đông chiến lược, nắm giữ 23.09% vốn điều lệ. Thành viên HĐQT của Công ty là Phó Tổng Giám đốc của HFIC. Thành viên HĐQT của Công ty là Trưởng phòng Pháp chế của HFIC.
Công ty luật TNHH Tầm nhìn và Liên danh	Trưởng Ban kiểm soát của Công ty là Chủ tịch Hội đồng Luật sư thành viên của Công ty luật TNHH Tầm nhìn và Liên danh
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan bao gồm:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2023 (VND)	31/12/2022 (VND)
DC		
Cổ tức đã trả	137,475,834,000	45,825,278,000
DCVFM		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8,332,098,241	7,933,786,676
HFIC		
Cổ tức đã trả	105,772,520,000	36,487,590,000
Công ty luật TNHH Tầm nhìn và Liên danh		
Chi phí dịch vụ tư vấn	-	285,398,640
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác (*)	17,016,410,258	14,754,871,796

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

7 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(*) Chi tiết lương và thù lao của các nhân sự quản lý chủ chốt cụ thể như sau:

		Năm tài chính kết thúc ngày	
		31/12/2023 (VND)	31/12/2022 (VND)
Thù lao của Hội đồng quản trị			
Ông Johan Nyvene	Chủ tịch	2,963,076,924	1,301,538,462
Ông Lê Anh Minh	Phó chủ tịch	706,666,667	706,666,667
Ông Andrew Colin Vallis	Thành viên	773,333,333	773,333,333
Bà Nguyễn Thị Hoàng Lan	Thành viên	640,000,000	640,000,000
Ông Lê Hoàng Anh	Thành viên	573,333,333	573,333,333
Ông Trần Quốc Tú	Thành viên	306,666,667	306,666,667
Ông Nguyễn Hồng Văn (đến ngày 24/04/2023)	Thành viên	76,666,667	306,666,667
Bà Phan Quỳnh Anh (từ ngày 25/04/2023)	Thành viên	230,000,000	-
		6,269,743,591	4,608,205,129
Thù lao của Ban kiểm soát			
Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc	Trưởng ban	493,333,333	493,333,333
Bà Đặng Nguyệt Minh	Thành viên	426,666,667	426,666,667
Bà Nguyễn Thị Thu Thanh (đến ngày 24/04/2023)	Thành viên	56,666,667	226,666,667
Ông Trần Thái Phương (từ ngày 25/04/2023)	Thành viên	170,000,000	-
		1,146,666,667	1,146,666,667
Lương của Tổng Giám đốc			
Ông Trịnh Hoài Giang	Tổng Giám đốc	9,600,000,000	9,000,000,000

(b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan

	Số dư đầu năm (VND)	Số tăng trong năm (VND)	Số giảm trong năm (VND)	Số dư cuối năm (VND)
DC				
Cổ tức phải trả	68,737,917,000	68,737,917,000	(137,475,834,000)	-
HFIC				
Tiền gửi giao dịch chứng khoán	25,183,614	25,185	-	25,208,799
Cổ tức phải trả	52,886,260,000	52,886,260,000	(105,772,520,000)	-

8 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Điều hành của Công ty nhận định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

(a) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không chịu tác động trọng yếu bởi những khác biệt về sản phẩm hay khu vực địa lý. Theo đó, Ban Điều hành nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận chia theo khu vực địa lý.

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận Môi giới và dịch vụ tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động môi giới chứng khoán, dịch vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, dịch vụ lưu ký chứng khoán và các dịch vụ chứng khoán khác.

Bộ phận Tự doanh tạo ra thu nhập và phát sinh chi phí liên quan đến danh mục tài sản tài chính FVTPL, các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro và lỗ suy giảm tài sản tài chính.

Bộ phận Kinh doanh vốn tạo ra thu nhập và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và đầu tư tài sản tài chính HTM.

Bộ phận Tư vấn tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

8 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Doanh thu và chi phí theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023				
	Môi giới và dịch vụ (VND)	Tự doanh (VND)	Kinh doanh vốn (VND)	Tư vấn (VND)	Tổng cộng (VND)
Doanh thu và thu nhập (*)	691,932,701,082	1,122,444,712,468	1,066,651,824,210	22,134,559,699	2,903,163,797,459
Chi phí	(485,361,507,530)	(697,701,137,703)	(487,338,994,343)	(25,316,156,138)	(1,695,717,795,714)
Trong đó:					
Chi phí trực tiếp bằng tiền	(449,052,747,381)	(669,350,851,159)	(487,338,994,343)	(24,881,064,971)	(1,630,623,657,854)
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền ngoại trừ chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	-	(8,638,341,778)	-	-	(8,638,341,778)
Chi phí khấu hao tài sản cố định	(8,292,049,091)	-	-	(435,091,167)	(8,727,140,258)
Chi phí được phân bổ từ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn	(28,016,711,058)	(19,711,944,766)	-	-	(47,728,655,824)
Kết quả bộ phận	206,571,193,552	424,743,574,765	579,312,829,867	(3,181,596,439)	1,207,446,001,745
Thu nhập tài chính thuần					2,230,085,646
Thu nhập khác					21,818,182
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(367,467,373,811)
Kết quả hoạt động trước thuế					842,230,531,762

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022				
	Môi giới và dịch vụ (VND)	Tự doanh (VND)	Kinh doanh vốn (VND)	Tư vấn (VND)	Tổng cộng (VND)
Doanh thu và thu nhập (*)	900,485,003,258	1,673,769,166,596	1,273,381,029,024	53,809,594,152	3,901,444,793,030
Chi phí	(586,728,000,118)	(1,122,673,103,560)	(750,725,049,674)	(26,093,851,921)	(2,486,220,005,273)
Trong đó:					
Chi phí trực tiếp bằng tiền	(548,260,998,685)	(1,128,260,661,437)	(750,725,049,674)	(25,938,442,699)	(2,453,185,152,495)
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền ngoại trừ chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	-	26,484,863,399	-	-	26,484,863,399
Chi phí khấu hao tài sản cố định	(8,956,258,185)	(39,010,126)	-	(155,409,222)	(9,150,677,533)
Chi phí được phân bổ từ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn	(29,510,743,248)	(20,858,295,396)	-	-	(50,369,038,644)
Kết quả bộ phận	313,757,003,140	551,096,063,036	522,655,979,350	27,715,742,231	1,415,224,787,757
Thu nhập tài chính thuần					2,935,810,645
Thu nhập khác					413,145,454
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(350,767,604,201)
Kết quả hoạt động trước thuế					1,067,806,139,655

(*) Toàn bộ doanh thu tạo ra từ việc cung cấp dịch vụ ra bên ngoài, và toàn bộ thu nhập tạo ra từ giao dịch với các đối tác bên ngoài.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

8 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023						
	Môi giới và dịch vụ (VND)	Tự doanh (VND)	Kinh doanh vốn (VND)	Tư vấn (VND)	Không phân bổ (VND)	Tổng cộng (VND)
Tài sản bộ phận	388,637,839,742	2,382,021,619,107	15,031,737,262,391	16,695,202,450	-	17,819,091,923,690
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	91,583,149,298	91,583,149,298
Tổng tài sản	388,637,839,742	2,382,021,619,107	15,031,737,262,391	16,695,202,450	91,583,149,298	17,910,675,072,988
Nợ phải trả bộ phận	(109,224,985,464)	-	(9,195,811,919,510)	-	-	(9,305,036,904,974)
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	(293,552,940,383)	(293,552,940,383)
Tổng nợ phải trả	(109,224,985,464)	-	(9,195,811,919,510)	-	(293,552,940,383)	(9,598,589,845,357)
Tổng chi phí phát sinh hình thành tài sản cố định trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	780,500,000	-	-	2,272,900,000	13,433,669,000	16,487,069,000
Cho tài sản bộ phận	780,500,000	-	-	2,272,900,000	-	3,053,400,000
Cho tài sản không phân bổ	-	-	-	-	13,433,669,000	13,433,669,000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022						
	Môi giới và dịch vụ (VND)	Tự doanh (VND)	Kinh doanh vốn (VND)	Tư vấn (VND)	Không phân bổ (VND)	Tổng cộng (VND)
Tài sản bộ phận	692,911,348,158	1,471,781,628,517	13,183,823,983,714	14,346,491,972	-	15,362,863,452,361
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	84,091,592,853	84,091,592,853
Tổng tài sản	692,911,348,158	1,471,781,628,517	13,183,823,983,714	14,346,491,972	84,091,592,853	15,446,955,045,214
Nợ phải trả bộ phận	(72,193,531,822)	(15,901,000,000)	(6,986,692,775,551)	(4,260,000,000)	-	(7,079,047,307,373)
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	(476,075,401,617)	(476,075,401,617)
Tổng nợ phải trả	(72,193,531,822)	(15,901,000,000)	(6,986,692,775,551)	(4,260,000,000)	(476,075,401,617)	(7,555,122,708,990)
Tổng chi phí phát sinh hình thành tài sản cố định trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	9,456,297,214	-	-	252,966,000	9,830,700,000	19,539,963,214
Cho tài sản bộ phận	9,456,297,214	-	-	252,966,000	-	9,709,263,214
Cho tài sản không phân bổ	-	-	-	-	9,830,700,000	9,830,700,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

9 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động của Công ty.

Ban Điều hành của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Điều hành xác lập những chính sách chi tiết như nhận diện rủi ro và đo lường rủi ro, chiến lược đầu tư và giới hạn đầu tư. Chính sách quản trị rủi ro tài chính được xem xét và điều chỉnh thường xuyên nhằm đối phó với biến động và xu hướng của thị trường.

Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính. Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Ban Điều hành xem xét.

Những thông tin sau đây được dựa trên những thông tin từ Ban Điều hành.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và tài sản khác.

Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty bằng với giá trị ghi sổ tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng chưa trừ dự phòng đã lập và chưa tính đến tài sản thế chấp cũng như các biện pháp đảm bảo khác, chi tiết như sau:

	Tại ngày	
	31/12/2023 (VND)	31/12/2022 (VND)
Tiền gửi ngân hàng (Thuyết minh 3.1)	2,604,185,645,304	5,330,529,577,511
Tiền gửi ký quỹ cho chứng quyền (Thuyết minh 3.1)	220,000,000,000	309,400,000,000
Trái phiếu niêm yết (Thuyết minh 3.2)	1,213,045,479,452	1,216,336,958,904
Các khoản cho vay (Thuyết minh 3.3)	12,135,124,175,279	7,378,982,938,005
Các khoản phải thu (Thuyết minh 3.4)	354,249,607,756	745,154,301,110
Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh (Thuyết minh 3.5)	158,206,831,950	46,080,842,950
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	10,564,304,062	10,650,904,062
Tạm ứng	492,164,421	794,883,916
Tổng giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng	16,695,868,208,224	15,037,930,406,458

(i) Số dư với ngân hàng

Số dư với ngân hàng bao gồm tiền gửi và lãi dự thu.

Tất cả các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Ban Điều hành tín nhiệm hoặc nằm trong danh sách được Nhà nước cấp phép thực hiện thanh toán và bù trừ. Số dư với ngân hàng được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Công ty và báo cáo định kỳ cho Ban Điều hành. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các số dư với ngân hàng là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có số dư nào với ngân hàng bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

(ii) Tài sản tài chính FVTPL

Các chứng khoán nợ do Công ty nắm giữ là trái phiếu không có tài sản đảm bảo được phát hành bởi các tổ chức có rủi ro tín dụng thấp và phương án phát hành được phê duyệt bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Các đề xuất đầu tư vào các chứng khoán này được phê duyệt theo chính sách đầu tư của Công ty. Danh mục đầu tư vào chứng khoán nợ được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận ngân quỹ và báo cáo định kỳ cho Ban Điều hành. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các chứng khoán nợ của Công ty là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có chứng khoán nợ nào chiếm trên 20% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có chứng khoán nợ nào bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

(iii) Ứng trước tiền bán chứng khoán và tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh

Ứng trước tiền bán chứng khoán được thu hồi trực tiếp từ VSDC. Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh được yêu cầu nộp vào đơn vị này.

VSDC là một đơn vị thuộc sở hữu Nhà nước và chưa từng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

VSDC yêu cầu các thành viên phải nộp tiền vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh để đảm bảo khả năng thanh toán.

Công ty chứng khoán chỉ được nhận lệnh mua hoặc bán chứng khoán của khách hàng khi có đủ một trăm phần trăm (100%) tiền hoặc chứng khoán và phải có các biện pháp cần thiết để đảm bảo khả năng thanh toán của khách hàng khi lệnh giao dịch được thực hiện.

Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có số dư nào với VSDC bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

(iv) Hợp đồng giao dịch ký quỹ

Hợp đồng giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa là 50% giá trị chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ được cập nhật thường xuyên bởi các sở giao dịch chứng khoán. Danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ được phê duyệt và cập nhật thường xuyên bởi Bộ phận Quản trị rủi ro giao dịch ký quỹ dựa trên một số tiêu chí bao gồm biến động giá và tính thanh khoản.

Bộ phận Dịch vụ Khách hàng có nhiệm vụ liên tục rà soát báo cáo giao dịch ký quỹ bao gồm dư nợ, giá trị tài sản đảm bảo và tỷ lệ ký quỹ duy trì. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 40% (theo luật định: 30%), hệ thống thông tin của Công ty sẽ cảnh báo và Công ty xuất lệnh yêu cầu khách hàng ký quỹ bổ sung. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 30%, Công ty buộc phải thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 36,150,762,912,200 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 38,985,663,206,490 Đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

9 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(a) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

(iv) Hợp đồng giao dịch ký quỹ (tiếp theo)

Phân tích chất lượng tín dụng của các khoản cho vay ký quỹ tại ngày báo cáo như sau:

	Tại ngày	
	31/12/2023 (VND)	31/12/2022 (VND)
Chưa quá hạn và không bị suy giảm giá trị	12,134,696,967,941	7,378,982,938,005
Quá hạn và bị suy giảm giá trị	427,207,338	-
Dự phòng đã lập	(427,207,338)	-
Giá trị thuần	12,134,696,967,941	7,378,982,938,005

(v) Các khoản phải thu

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác mà Công ty tin nhiệm và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có khoản phải thu nào chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Phân tích chất lượng tín dụng của các khoản phải thu tại ngày báo cáo như sau:

	Chưa quá hạn và không bị suy giảm (VND)	Quá hạn nhưng không suy giảm (VND)	Quá hạn và bị suy giảm (VND)	Tổng cộng (VND)
Tại ngày 31/12/2023				
Trong hạn	354,249,607,756	-	-	354,249,607,756
	354,249,607,756	-	-	354,249,607,756
Dự phòng đã lập	-	-	-	-
Giá trị thuần	354,249,607,756	-	-	354,249,607,756
Tại ngày 31/12/2022				
Trong hạn	745,154,301,110	-	-	745,154,301,110
	745,154,301,110	-	-	745,154,301,110
Dự phòng đã lập	-	-	-	-
Giá trị thuần	745,154,301,110	-	-	745,154,301,110

(b) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá chứng khoán.

Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc phân tích độ nhạy của các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty, đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết.

▲ Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất thị trường. Công ty có rủi ro lãi suất chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp, cho vay và đi vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có các mức lãi suất sao cho có lợi nhất cho mục đích của Công ty mà vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro.

Các khoản tiền gửi ngân hàng và cho vay của Công ty đều có lãi suất cố định và thời hạn ngắn nên rủi ro do lãi suất biến động là không đáng kể.

Chi tiết lãi suất của các trái phiếu doanh nghiệp và các khoản đi vay của Công ty được trình bày ở Thuyết minh 3.2 và Thuyết minh 3.10. Các khoản này có lãi suất thả nổi và có thời hạn ngắn nên rủi ro do lãi suất biến động là không đáng kể.

▲ Rủi ro về giá chứng khoán

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ trong danh mục tài sản tài chính, vị thế mở hợp đồng tương lai và chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các khoản mục này. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào chứng khoán và phát hành chứng quyền.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nếu giá các chứng khoán tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ cao hơn/thấp hơn 152,038,439,860 Đồng tương ứng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: cao hơn/thấp hơn 124,249,432,473 Đồng tương ứng).

▲ Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty quản lý rủi ro tiền tệ bằng cách thường xuyên theo dõi tình hình tỷ giá, cập nhật kế hoạch dòng tiền bằng ngoại tệ cũng như tham gia hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền và hợp đồng ngoại tệ kỳ hạn (Thuyết minh 3.10(**)) nhằm phòng ngừa rủi ro tiền tệ.

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ một số ngoại tệ, chủ yếu là từ đồng Đô la Mỹ ("USD").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

9 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(b) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro tỷ giá Đô la Mỹ của Công ty được trình bày như sau:

	Ngoại tệ gốc USD		Quy đổi sang VND	
	31/12/2023	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2022
Tài sản tài chính				
Tiền	6,498.72	2,050.14	151,389,234	46,778,634
Nợ tài chính				
Các khoản vay (phần chưa được phòng ngừa rủi ro)	-	-	-	-
Mức độ rủi ro ngoại tệ, thuần	6,498.72	2,050.14	151,389,234	46,778,634

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nếu Đô la Mỹ mạnh lên/yếu đi 10% (ước tính % thay đổi tỷ giá hối đoái) so với Đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ cao hơn/thấp hơn 15,138,923 Đồng tương ứng chủ yếu là do lãi/lỗ quy đổi tỷ giá của các công cụ tài chính có gốc Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: thấp hơn/cao hơn 4,677,863 Đồng tương ứng).

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây liệt kê các khoản nợ tài chính của Công ty theo dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn dưới 1 năm:

	Tại ngày	
	31/12/2023 (VND)	31/12/2022 (VND)
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 3.10)	9,160,263,661,784	6,938,057,640,000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 3.11)	86,883,655,383	46,315,877,007
Phải trả người bán ngắn hạn	6,143,330,081	7,079,654,815
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 3.13)	146,960,118,154	188,422,944,100
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn (Thuyết minh 3.14)	56,622,200,564	250,047,320,274
Tổng nợ tài chính	9,456,872,965,966	7,429,923,436,196

(d) Chỉ tiêu an toàn tài chính

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo đánh giá mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Tỷ lệ này được tính toán và trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Báo cáo này được lập định kỳ hàng tháng và tuân thủ theo quy định trong Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 ("Thông tư 91/2020/TT-BTC"). Thông tư 91/2020/TT-BTC quy định cách tính chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Theo Thông tư 91/2020/TT-BTC, Công ty quản trị và kiểm soát tỷ lệ vốn khả dụng không thấp hơn 180%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty là 965% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 648%).

10 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Đối với các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Tại ngày	
	31/12/2023 (VND)	31/12/2022 (VND)
Dưới 1 năm	47,348,820,389	40,489,771,910
Từ 1 đến 5 năm	63,477,799,409	52,544,858,726
Tổng cộng	110,826,619,798	93,034,630,636

11 KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ (VND)
a) Của Công ty		
Chứng quyền có bảo đảm	1,089,161,000	1,584,474,797,000
Cổ phiếu	1,626,350,810	45,652,721,699,340
Trái phiếu	245,000,000	25,516,077,000,000
Hợp đồng tương lai	437,871	48,214,087,119,000
b) Của nhà đầu tư		
Chứng quyền có bảo đảm	266,566,612	174,102,250,480
Cổ phiếu	11,747,112,727	259,626,869,238,320
Trái phiếu	163,100,633	15,524,829,963,687
Hợp đồng tương lai	13,035,158	1,445,333,862,019,000
	15,150,764,811	1,841,627,024,086,827

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

12 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 8 tháng 8 năm 2022, Công ty thông qua phương án tăng vốn điều lệ bằng cách trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021 trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty. Theo Giấy phép điều chỉnh số 10/GPĐC-UBCK được cấp bởi Ủy ban chứng khoán, ngày 1 tháng 3 năm 2024 Công ty đã phát hành thêm 68,579,931 cổ phiếu và tăng vốn điều lệ lên thành 5,226,322,980,000 Đồng.

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 8 tháng 8 năm 2022 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 33/2022/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 12 năm 2022, Công ty thông qua phương án tăng vốn điều lệ bằng cách phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 50% theo phương thức thực hiện quyền mua. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 411/GCN-UBCK cho Công ty ngày 7 tháng 12 năm 2023. Theo đó, Công ty dự kiến phát hành thêm 228.605.974 cổ phiếu trong quý 2 năm 2024.

Báo cáo tài chính đã được Ban Điều hành phê chuẩn để phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2024.

Lê Thị Thùy Dương
Người lập

Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài chính
kiểm Kế toán trưởng



Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám đốc

VĂN PHÒNG HSC

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trụ sở chính: Tầng 2,5,6,7,11 và 12 Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Quận 1, TP. HCM

Trung tâm Dịch vụ khách hàng: Tầng 2, Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Quận 1, TP. HCM

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Chi nhánh Hà Nội: Tầng 1 & 2, Tòa Nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Trung tâm Dịch vụ khách hàng: Tầng 1, Tòa Nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phòng Giao dịch Hoàn Kiếm: Tầng 3A và 7, Tòa nhà Mặt Trời Sông Hồng, 23 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

.hsc